

Phụ lục
TỪ ĐIỂN DỮ LIỆU DÙNG CHUNG TỈNH LAI CHÂU
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

Tên field kỹ thuật có sẵn	Tên CSDL / Hệ thống quản lý DL	Tên nhóm thông tin/API	Số CSDL dùng	Tên nghiệp vụ	Định nghĩa nghiệp vụ	Tên trường KT	Loại dữ liệu	Độ dài	Định dạng	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh mầm non	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh mầm non	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh mầm non	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh mầm non	1	Mã khối. Lấy từ DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh mầm non	1	Mã lớp	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	MA_LOP	string	20			
MA	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh mầm non	1	Mã	Thông tin học sinh/mã học sinh	MA	string	20			
HO_TEN	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh mầm non	1	Họ tên	Thông tin học sinh/Tên học sinh	HO_TEN	string	150			
NGAY_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh mầm non	1	Ngày sinh	Thông tin học sinh/Ngày sinh	NGAY_SINH	string	10			
MA_GIOI_TINH H	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh mầm non	1	Giới tính. Lấy từ DM_GIOI_TINH	Thông tin học sinh/Giới tính	MA_GIOI_TINH H	string	20			
MA_TRANG_THAI_HIEN_TAI	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh mầm non	1	Trạng thái hiện tại. Lấy từ DM_TRANG_THAI_HOC_SINH	Đang học, thôi học.	MA_TRANG_THAI_HIEN_TAI	string	20			
MA_DAN_TOC	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh mầm non	1	Dân tộc. Lấy từ DM_DAN_TOC	Thông tin học sinh/Dân tộc	MA_DAN_TOC	string	20			

DAN_TOC_TH EO_GIAY_KH AI_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh mầm non	1	Tên dân tộc theo giấy khai sinh, ví dụ: Kinh	Thông tin học sinh/Thông tin khác/Dân tộc trên giấy KS	DAN_TOC_T HEO_GIAY_K HAI_SINH	string	50			
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C1	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C1	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C1	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C1	1	Mã khối. Lấy từ DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C1	1	Mã lớp	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	MA_LOP	string	20			
MA	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C1	1	Mã	Thông tin học sinh/mã học sinh	MA	string	20			
HO_TEN	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C1	1	Họ tên	Thông tin học sinh/Tên học sinh	HO_TEN	string	150			
TEN_TAT	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C1	1	Tên viết tắt	Thông tin học sinh/Thông tin khác/Tên khác	TEN_TAT	string	150			
NGAY_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C1	1	Ngày sinh	Thông tin học sinh/Ngày sinh	NGAY_SINH	string	10			
MA_GIOI_TIN H	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C1	1	Giới tính. Lấy từ DM_GIOI TINH	Thông tin học sinh/Giới tính	MA_GIOI_TIN H	string	20			
MA_TRANG_T HAI_HIEN_TAI	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C1	1	Trạng thái hiện tại. Lấy từ DM_TRANG_TH AI_HOC_SINH	Đang học, thôi học.	MA_TRANG_ THAI_HIEN_T AI	string	20			
MA_DAN_TOC	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C1	1	Dân tộc. Lấy từ DM_DAN_TOC	Thông tin học sinh/Dân tộc	MA_DAN_TO C	string	20			
DAN_TOC_TH EO_GIAY_KH AI_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C1	1	Tên dân tộc theo giấy khai sinh, ví dụ: Kinh	Thông tin học sinh/Thông tin khác/Dân tộc trên giấy KS	DAN_TOC_T HEO_GIAY_K HAI_SINH	string				
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C2	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			

Id	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C2	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C2	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C2	1	Mã khối. Lấy từ DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khỏi lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C2	1	Mã lớp	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	MA_LOP	string	20			
MA	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C2	1	Mã	Thông tin học sinh/mã học sinh	MA	string	20			
HO_TEN	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C2	1	Họ tên	Thông tin học sinh/Tên học sinh	HO_TEN	string	150			
TEN_TAT	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C2	1	Tên viết tắt	Thông tin học sinh/Thông tin khác/Tên khác	TEN_TAT	string	150			
NGAY_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C2	1	Ngày sinh	Thông tin học sinh/Ngày sinh	NGAY_SINH	string	10			
MA_GIOI_TINH	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C2	1	Giới tính. Lấy từ DM_GIOI_TINH	Thông tin học sinh/Giới tính	MA_GIOI_TINH	string	20			
MA_TRANG_THAI_HIEN_TAI	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C2	1	Trạng thái hiện tại. Lấy từ DM_TRANG_THAI_HOC_SINH	Đang học, thôi học.	MA_TRANG_THAI_HIEN_TAI	string	20			
MA_DAN_TOC	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C2	1	Dân tộc. Lấy từ DM_DAN_TOC	Thông tin học sinh/Dân tộc	MA_DAN_TOC	string	20			
DAN_TOC_THEO_GIAY_KHAI_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C2	1	Tên dân tộc theo giấy khai sinh, ví dụ: Kinh	Thông tin học sinh/Thông tin khác/Dân tộc trên giấy KS	DAN_TOC_THEO_GIAY_KHAI_SINH	string	50			
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C3	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C3	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C3	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			

MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C3	1	Mã khối. Lấy từ DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C3	1	Mã lớp	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	MA_LOP	string	20			
MA	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C3	1	Mã	Thông tin học sinh/mã học sinh	MA	string	20			
HO_TEN	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C3	1	Họ tên	Thông tin học sinh/Tên học sinh	HO_TEN	string	150			
TEN_TAT	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C3	1	Tên viết tắt	Thông tin học sinh/Thông tin khác/Tên khác	TEN_TAT	string	150			
NGAY_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C3	1	Ngày sinh	Thông tin học sinh/Ngày sinh	NGAY_SINH	string	10			
MA_GIOI_TINH	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C3	1	Giới tính. Lấy từ DM_GIOI_TINH	Thông tin học sinh/Giới tính	MA_GIOI_TINH	string	20			
MA_TRANG_THAI_HIEN_TAI	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C3	1	Trạng thái hiện tại. Lấy từ DM_TRANG_THAI_HOC_SINH	Đang học, thôi học.	MA_TRANG_THAI_HIEN_TAI	string	20			
MA_DAN_TOC	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C3	1	Dân tộc. Lấy từ DM_DAN_TOC	Thông tin học sinh/Dân tộc	MA_DAN_TOC	string	20			
DAN_TOC_THEO_GIAY_KHAI_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh C3	1	Tên dân tộc theo giấy khai sinh, ví dụ: Kinh	Thông tin học sinh/Thông tin khác/Dân tộc trên giấy KS	DAN_TOC_THEO_GIAY_KHAI_SINH	string	50			
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh GDTX	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh GDTX	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh GDTX	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh GDTX	1	Mã khối. Lấy từ DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh GDTX	1	Mã lớp	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	MA_LOP	string	20			

MA	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh GDTX	1	Mã	Thông tin học sinh/mã học sinh	MA	string	20			
HO_TEN	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh GDTX	1	Họ tên	Thông tin học sinh/Tên học sinh	HO_TEN	string	150			
TEN_TAT	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh GDTX	1	Tên viết tắt	Thông tin học sinh/Thông tin khác/Tên khác	TEN_TAT	string	150			
NGAY_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh GDTX	1	Ngày sinh	Thông tin học sinh/Ngày sinh	NGAY_SINH	string	10			
MA_GIOI_TINH	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh GDTX	1	Giới tính. Lấy từ DM_GIOI_TINH	Thông tin học sinh/Giới tính	MA_GIOI_TINH	string	20			
MA_TRANG_THAI_HIEN_TAI	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh GDTX	1	Trạng thái hiện tại. Lấy từ DM_TRANG_THAI_HOC_SINH	Đang học, thôi học.	MA_TRANG_THAI_HIEN_TAI	string	20			
MA_DAN_TOC	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh GDTX	1	Dân tộc. Lấy từ DM_DAN_TOC	Thông tin học sinh/Dân tộc	MA_DAN_TOC	string	20			
DAN_TOC_THEO_GIAY_KHAI_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Học sinh GDTX	1	Tên dân tộc theo giấy khai sinh, ví dụ: Kinh	Thông tin học sinh/Thông tin khác/Dân tộc trên giấy KS	DAN_TOC_THEO_GIAY_KHAI_SINH	string	50			
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Mã khối. Lấy từ DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Mã lớp	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	MA_LOP	string	20			
MA_HOC_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Mã học sinh	Quản lý lớp học/Học sinh/mã học sinh	MA_HOC_SINH	string	20			
HO_TEN	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Họ tên	Quản lý lớp học/Học sinh/tên học sinh	HO_TEN	string	150			
NGAY_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Ngày sinh	Quản lý lớp học/Học sinh/ngày sinh	NGAY_SINH	string	10			

HOC_KY	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Học kỳ. Nhận giá trị: 1 (Kỳ 1), 2 (Kỳ 2), 3 (Cả năm)	Số điểm/Học kì	HOC_KY	string	1			
IS_KHAM_SUC_KHOE_DINH_KY	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Có khám sức khỏe định kỳ?	Quản lý lớp học/Học sinh/sức khỏe/khám định kì	IS_KHAM_SUC_KHOE_DINH_KY	string	1			
IS_THEO_DOI_BIEU_DO_CAN_NANG	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Có theo dõi biểu đồ cân nặng?	Chưa có trên hệ thống vnEdu	IS_THEO_DOI_BIEU_DO_CAN_NANG	string	1			
MA_KENH_TANG_TRUONG_CAN_NANG	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Mã tăng trưởng cân nặng. Lấy từ DM_KENH_TANG_TRUONG_CAN_NANG	Chưa có trên hệ thống vnEdu	MA_KENH_TANG_TRUONG_CAN_NANG	string	20			
IS_THEO_DOI_BIEU_DO_CHIEU_CAO	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Theo dõi biểu đồ chiều cao?	Chưa có trên hệ thống vnEdu	IS_THEO_DOI_BIEU_DO_CHIEU_CAO	string	1			
IS_SUY_DINH_DUONG_THAP_COI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Suy dinh dưỡng thấp còi?	Dựa vào dữ liệu Chiều cao, Cân nặng trên mục Quản lý lớp học/Học sinh/sức khỏe để tính chỉ số BMI trẻ em = $\text{Cân nặng (kg)} / (\text{Chiều cao(m)} * \text{Chiều cao(m)})$	IS_SUY_DINH_DUONG_THAP_COI	string	1			
IS_PHOI_IA_C_HAY_HO_HAP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Có ỉa chảy hô hấp?	Chưa có trên hệ thống vnEdu	IS_PHOI_IA_C_HAY_HO_HAP	string	1			
IS_BEO_PHI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Có béo phì?	Dựa vào dữ liệu Chiều cao, Cân nặng trên mục Quản lý lớp học/Học sinh/sức khỏe để tính chỉ số BMI trẻ em = $\text{Cân nặng (kg)} / (\text{Chiều cao(m)} * \text{Chiều cao(m)})$	IS_BEO_PHI	string	1			

IS_LAM_QUEN_TIN_HOC	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập mầm non	1	Có làm quen tin học?	Chưa có trên hệ thống vnEdu	IS_LAM_QUE N_TIN_HOC	string	1			
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Mã khối. Lấy từ DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Mã lớp	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	MA_LOP	string	20			
MA_HOC_SINH H	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Mã học sinh	Quản lý lớp học/Học sinh/mã học sinh	MA_HOC_SINH H	string	20			
HO_TEN	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Họ tên	Quản lý lớp học/Học sinh/tên học sinh	HO_TEN	string	150			
NGAY_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Ngày sinh	Quản lý lớp học/Học sinh/ngày sinh	NGAY_SINH	string	10			
GIAI_DOAN	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Thời điểm đánh giá. Lấy từ DM_GIAI_DOAN_KQHT	Start/Sở nhận xét/Giữa kì, cuối kì	GIAI_DOAN	string	20			
THANH_TICH_DAC_BIET	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Thành tích đặc biệt	Chưa có trên hệ thống vnEdu	THANH_TICH_DAC_BIET	string	255			
MA_DANH_HI EU	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Mã danh hiệu	Tổng kết/Danh hiệu	MA_DANH_H IEU	string	20			
NOI_DUNG_K HEN_THUONG	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Nội dung khen thưởng	Tổng kết/khen thưởng/nội dung	NOI_DUNG_K HEN_THUON G	string	255			
IS_KHEN_THU ONG_CUOI_N AM	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Khen thưởng cuối năm?	Tổng kết/khen thưởng/khen cuối năm	IS_KHEN_TH UONG_CUOI_N AM	string	1			
IS_KHEN_THU ONG_DOT_XU AT	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Khen thưởng đột xuất?	Tổng kết/khen thưởng/khen đột xuất	IS_KHEN_TH UONG_DOT_XU AT	string	1			

IS_HOAN_THANH_CHUONG_TRINH_LOP_HOC	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Hoàn thành chương trình lớp học?	Tổng kết/Hoàn thành ctr học (sau khi tính tổng kết)	IS_HOAN_THANH_CHUONG_TRINH_LOP_HOC	string	1			
IS_LEN_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Lên lớp?	Tổng kết/Lên lớp (sau khi tính tổng kết)	IS_LEN_LOP	string	1			
IS_REN_LUYEN_LAI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Rèn luyện lại?	Chưa có trên hệ thống vnEdu	IS_REN_LUYEN_LAI	string	1			
LY_DO_REN_LUYEN_LAI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Lý do rèn luyện lại	Chưa có trên hệ thống vnEdu	LY_DO_REN_LUYEN_LAI	string	255			
IS_GUI_HIEU_TRUONG_CHO_LEN_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Gửi hiệu trưởng cho lên lớp?	Chưa có trên hệ thống vnEdu	IS_GUI_HIEU_TRUONG_CHO_LEN_LOP	string	1			
TV_DGTX	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Tiếng việt đánh giá thường xuyên. Nhận 1 trong các giá trị: T,H,C	Sổ nhận xét/môn Tiếng việt/xếp loại	TV_DGTX	string	1			
TV_DIEM	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Tiếng việt điểm	Sổ nhận xét/môn Tiếng việt/kiểm tra	TV_DIEM	string	10			
TO_DGTX	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Toán đánh giá thường xuyên. Nhận 1 trong các giá trị: T,H,C	Sổ nhận xét/môn Toán/xếp loại	TO_DGTX	string	1			
TO_DIEM	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Toán điểm	Sổ nhận xét/môn Toán/kiểm tra	TO_DIEM	string	10			
TX_DGTX	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Tự nhiên xã hội đánh giá thường xuyên. Nhận 1 trong các giá trị: T,H,C	Sổ nhận xét/môn Tự nhiên và Xã hội/xếp loại	TX_DGTX	string	1			
TX_DIEM	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Tự nhiên xã hội điểm	Sổ nhận xét/môn Tự nhiên và Xã hội/kiểm tra	TX_DIEM	string	10			
NN_DGTX	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Ngoại ngữ đánh giá thường xuyên. Nhận 1 trong các giá trị: T,H,C	Sổ nhận xét/môn Ngoại ngữ/xếp loại	NN_DGTX	string	1			

NN_DIEM	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Ngoại ngữ điểm	Số nhận xét/môn Ngoại ngữ/kiểm tra	NN_DIEM	string	10			
TH_DGTX	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Tin học đánh giá thường xuyên. Nhận 1 trong các giá trị: T,H,C	Số nhận xét/môn Tin học/xếp loại	TH_DGTX	string	1			
TH_DIEM	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Tin học điểm	Số nhận xét/môn Tin học/kiểm tra	TH_DIEM	string	10			
DT_DGTX	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Tiếng dân tộc đánh giá thường xuyên. Nhận 1 trong các giá trị: T,H,C	Số nhận xét/môn Tiếng dân tộc/xếp loại	DT_DGTX	string	1			
DT_DIEM	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Tiếng dân tộc điểm	Số nhận xét/môn Tiếng dân tộc/kiểm tra	DT_DIEM	string	10			
DD_DGTX	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Đạo đức đánh giá thường xuyên. Nhận 1 trong các giá trị: T,H,C	Số nhận xét/môn Đạo đức/xếp loại	DD_DGTX	string	1			
AN_DGTX	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Âm nhạc điểm	Số nhận xét/môn Âm nhạc/kiểm tra	AN_DGTX	string	10			
MT_DGTX	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Mỹ thuật đánh giá thường xuyên. Nhận 1 trong các giá trị: T,H,C	Số nhận xét/môn Mỹ thuật/xếp loại	MT_DGTX	string	1			
TC_DGTX	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Thủ công điểm	Số nhận xét/môn Thủ công/kiểm tra	TC_DGTX	string	10			
TD_DGTX	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Thể dục đánh giá thường xuyên. Nhận 1 trong các giá trị: T,H,C	Số nhận xét/môn Thể dục/xếp loại	TD_DGTX	string	1			
KH_DGTX	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Khoa học đánh giá thường xuyên. Nhận 1 trong các giá trị: T,H,C	Số nhận xét/môn Khoa học/xếp loại	KH_DGTX	string	1			
KH_DIEM	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Khoa học điểm	Số nhận xét/môn khoa học/kiểm tra	KH_DIEM	string	10			

LD_DGTX	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Lịch sử và địa lý đánh giá thường xuyên. Nhận 1 trong các giá trị: T,H,C	Sổ nhận xét/môn Lịch sử và Địa lý/xếp loại	LD_DGTX	string	1			
LD_DIEM	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Lịch sử và địa lý điểm	Sổ nhận xét/môn Lịch sử và Địa lý/kiểm tra	LD_DIEM	string	10			
KT_DGTX	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Kỹ thuật đánh giá thường xuyên. Nhận 1 trong các giá trị: T,H,C	Sổ nhận xét/môn kỹ thuật/xếp loại	KT_DGTX	string	1			
KT_DIEM	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Kỹ thuật điểm	Sổ nhận xét/môn kỹ thuật/kiểm tra	KT_DIEM	string	10			
NL_TPVTQ	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Năng lực tự phục vụ tự quản. Nhận 1 trong các giá trị: T,Đ,C	Tổng kết/Tự phục vụ tự quản	NL_TPVTQ	string	1			
NL_HT	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Năng lực hợp tác. Nhận 1 trong các giá trị: T,Đ,C	Tổng kết/hợp tác	NL_HT	string	1			
NL_THGQVD	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Năng lực tự học và giải quyết vấn đề. Nhận 1 trong các giá trị: T,Đ,C	Tổng kết/tự học và giải quyết vấn đề	NL_THGQVD	string	1			
PC_CHCL	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Phẩm chất chăm học chăm làm. Nhận 1 trong các giá trị: T,Đ,C	Tổng kết/chăm học chăm làm	PC_CHCL	string	1			
PC_TTTN	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Phẩm chất tự tin trách nhiệm. Nhận 1 trong các giá trị: T,Đ,C	Tổng kết/tự tin trách nhiệm	PC_TTTN	string	1			
PC_TTKL	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Phẩm chất trung thực kỷ luật. Nhận 1 trong các giá trị: T,Đ,C	Tổng kết/trung thực kỷ luật	PC_TTKL	string	1			

PC_DKYT	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Phân chất đoàn kết yêu thương. Nhận 1 trong các giá trị: T,Đ,C	Tổng kết/đoàn kết yêu thương	PC_DKYT	string	1			
GHI_CHU	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C1	1	Ghi chú	Tổng kết/ghi chú	GHI_CHU	string	250			
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Mã khối. Lấy từ DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Mã lớp	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	MA_LOP	string	20			
MA_HOC_SINH_H	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Mã học sinh	Quản lý lớp học/Học sinh/mã học sinh	MA_HOC_SINH_H	string	20			
HO_TEN	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Họ tên	Quản lý lớp học/Học sinh/tên học sinh	HO_TEN	string	150			
NGAY_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Ngày sinh	Quản lý lớp học/Học sinh/ngày sinh	NGAY_SINH	string	10			
HOC_KY	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Học kỳ. Nhận giá trị: 1 (Kỳ 1), 2 (Kỳ 2), 3 (Cả năm)	Sổ điểm/Học kì	HOC_KY	string	1			
DIEM_TONG_KET	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Điểm tổng kết	Tổng kết/tính tổng kết năm học (trước khi thi lại)	DIEM_TONG_KET	string	4			
MA_HOC_LUC	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Học lực. Lấy từ DM_HOC_LUC	tổng kết/học lực	MA_HOC_LUC	string	20			
MA_HANH_KIEM	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Hạnh kiểm. Lấy từ DM_HANH_KIEM	tổng kết/hạnh kiểm	MA_HANH_KIEM	string	20			

MA_DANH_HI EU	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Danh hiệu. Lấy từ DM_DANH_HIEU	Tổng kết/danh hiệu (lấy HSG, HSTT; HSTB, HSTT là để trống)	MA_DANH_H IEU	string	20			
SO_NGAY_NG HI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Số ngày nghỉ	Tổng kết/Số ngày nghỉ	SO_NGAY_N GHI	string	10			
NHAN_XET	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Nhận xét	Start/Quản lý nhà trường/Tổng kết học tập/Số học bạ/Nhận xét GVCN	NHAN_XET	string	255			
KHEN_THUON G	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Khen thưởng	Tổng kết/danh hiệu (lấy HSG, HSTT; HSTB, HSTT là để trống)	KHEN_THUO NG	string	255			
KY_LUAT	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Kỷ luật	Chưa có trên hệ thống vnEdu	KY_LUAT	string	255			
IS_LEN_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Được lên lớp?	Tổng kết/Ghi chú (Sau khi tính TK cuối năm)	IS_LEN_LOP	string	1			
IS_REN_LUYE N_LAI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Rèn luyện lại?	Tổng kết/Ghi chú (Sau khi tính TK cuối năm)	IS_REN_LUY EN_LAI	string	1			
IS_DU_XET_T OT_NGHIEP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Dự xét tốt nghiệp?	Chưa có trên hệ thống vnEdu	IS_DU_XET_T OT_NGHIEP	string	1			
IS_TOT_NGHI EP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Tốt nghiệp?	Đối với học sinh cuối cấp đủ điều kiện TN hệ thống sẽ tự động sinh dữ liệu	IS_TOT_NGHI EP	string	1			
DIEM_MONS	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C2	1	Danh sách điểm môn	Xem sheet DiemMonRequest	DIEM_MONS	DiemMo nsReques t				
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Mã khối. Lấy từ DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			

MA_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Mã lớp	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	MA_LOP	string	20			
MA_HOC_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Mã học sinh	Quản lý lớp học/Học sinh/mã học sinh	MA_HOC_SINH	string	20			
HO_TEN	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Họ tên	Quản lý lớp học/Học sinh/tên học sinh	HO_TEN	string	150			
NGAY_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Ngày sinh	Quản lý lớp học/Học sinh/ngày sinh	NGAY_SINH	string	10			
HOC_KY	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Học kỳ. Nhận giá trị: 1 (Kỳ 1), 2 (Kỳ 2), 3 (Cả năm)	Số điểm/Học kì	HOC_KY	string	1			
DIEM_TONG_KET	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Điểm tổng kết	Tổng kết/tính tổng kết năm học (trước khi thi lại)	DIEM_TONG_KET	string	4			
MA_HOC_LUC	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Học lực. Lấy từ DM_HOC_LUC	tổng kết/học lực	MA_HOC_LUC	string	20			
MA_HANH_KIEM	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Hành kiểm. Lấy từ DM_HANH_KIEM	tổng kết/hành kiểm	MA_HANH_KIEM	string	20			
MA_DANH_HIEU	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Danh hiệu. Lấy từ DM_DANH_HIEU	Tổng kết/danh hiệu (lấy HSG, HSTT; HSTB, HSTT là để trống)	MA_DANH_HIEU	string	20			
SO_NGAY_NGHI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Số ngày nghỉ	Tổng kết/Số ngày nghỉ	SO_NGAY_NGHI	string	10			
NHAN_XET	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Nhận xét	Start/Quản lý nhà trường/Tổng kết học tập/Số học bạ/Nhận xét GVCN	NHAN_XET	string	255			
KHEN_THUONG	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Khen thưởng	Tổng kết/danh hiệu (lấy HSG, HSTT; HSTB, HSTT là để trống)	KHEN_THUONG	string	255			
KY_LUAT	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Kỷ luật	Chưa có trên hệ thống vnEdu	KY_LUAT	string	255			
IS_LEN_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Được lên lớp?	Tổng kết/Ghi chú (Sau khi tính TK cuối năm)	IS_LEN_LOP	string	1			

IS_REN_LUYE N_LAI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Rèn luyện lại?	Tổng kê/Ghi chú (Sau khi tính TK cuối năm)	IS_REN_LUY EN_LAI	string	1			
IS_DU_XET_T OT_NGHIEP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Dự xét tốt nghiệp?	Chưa có trên hệ thống vnEdu	IS_DU_XET_T OT_NGHIEP	string	1			
IS_TOT_NGHI EP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Tốt nghiệp?	Chưa có trên hệ thống vnEdu	IS_TOT_NGHI EP	string	1			
DIEM_MONS	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập C3	1	Danh sách điểm môn	Xem sheet DiemMonRequest	DIEM_MONS	DiemMo nsReques t				
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Mã khối. Lấy từ DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Mã lớp	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	MA_LOP	string	20			
MA_HOC_SIN H	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Mã học sinh	Quản lý lớp học/Học sinh/mã học sinh	MA_HOC_SIN H	string	20			
HO_TEN	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Họ tên	Quản lý lớp học/Học sinh/tên học sinh	HO_TEN	string	150			
NGAY_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Ngày sinh	Quản lý lớp học/Học sinh/ngày sinh	NGAY_SINH	string	10			
HOC_KY	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Học kỳ. Nhận giá trị: 1 (Kỳ 1), 2 (Kỳ 2), 3 (Cả năm)	Số điểm/Học kì	HOC_KY	string	1			
DIEM_TONG_ KET	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Điểm tổng kết	Tổng kết/tính tổng kết năm học (trước khi thi lại)	DIEM_TONG_ KET	string	4			
MA_HOC_LUC	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Học lực. Lấy từ DM_HOC_LUC	tổng kết/học lực	MA_HOC_LU C	string	20			

MA_HANH_KIEM	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Hạnh kiểm. Lấy từ DM_HANH_KIEM	tổng kết/hạnh kiểm	MA_HANH_KIEM	string	20			
MA_DANH_HI EU	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Danh hiệu. Lấy từ DM_DANH_HIEU	Tổng kết/danh hiệu (lấy HSG, HSTT; HSTB, HSTT là để trống)	MA_DANH_HIEU	string	20			
SO_NGAY_NGHI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Số ngày nghỉ	Tổng kết/Số ngày nghỉ	SO_NGAY_NGHI	string	10			
NHAN_XET	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Nhận xét	Start/Quản lý nhà trường/Tổng kết học tập/Số học bạ/Nhận xét GVCN	NHAN_XET	string	255			
KHEN_THUONG	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Khen thưởng	Tổng kết/danh hiệu (lấy HSG, HSTT; HSTB, HSTT là để trống)	KHEN_THUONG	string	255			
KY_LUAT	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Kỷ luật	Chưa có trên hệ thống vnEdu	KY_LUAT	string	255			
IS_LEN_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Được lên lớp?	Tổng kết/Ghi chú (Sau khi tính TK cuối năm)	IS_LEN_LOP	string	1			
IS_REN_LUYEN_LAI	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Rèn luyện lại?	Tổng kết/Ghi chú (Sau khi tính TK cuối năm)	IS_REN_LUYEN_LAI	string	1			
IS_DU_XET_TOT_NGHI EP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Dự xét tốt nghiệp?	Chưa có trên hệ thống vnEdu	IS_DU_XET_TOT_NGHI EP	string	1			
IS_TOT_NGHI EP	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Tốt nghiệp?	Chưa có trên hệ thống vnEdu	IS_TOT_NGHI EP	string	1			
DIEM_MONS	CSDL ngành Giáo dục	Kết quả học tập GDTX	1	Danh sách điểm môn	Xem sheet DiemMonRequest	DIEM_MONS	DiemMonsRequest				
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Hoàn thành chương trình mầm non	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Hoàn thành chương trình mầm non	1			Id	string	10			

MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Hoàn thành chương trình mầm non	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Hoàn thành chương trình mầm non	1	Mã khối. Lấy từ DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Hoàn thành chương trình mầm non	1	Mã lớp	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	MA_LOP	string	20			
MA_HOC_SINH_H	CSDL ngành Giáo dục	Hoàn thành chương trình mầm non	1	Mã học sinh	Quản lý lớp học/Học sinh/mã học sinh	MA_HOC_SINH_H	string	20			
HO_TEN	CSDL ngành Giáo dục	Hoàn thành chương trình mầm non	1	Họ tên	Quản lý lớp học/Học sinh/tên học sinh	HO_TEN	string	150			
MA_CAP_HOC	CSDL ngành Giáo dục	Hoàn thành chương trình mầm non	1	Mã cấp học. Lấy từ DM_CAP_HOC	Hệ thống tự sinh	MA_CAP_HOC	string	20			
IS_HOAN_THANH_CHUONG_TRINH_MAM_NON	CSDL ngành Giáo dục	Hoàn thành chương trình mầm non	1	Hoàn thành chương trình mầm non?. Nhận giá trị 0 hoặc 1	Hệ thống mặc định là hoàn thành ctr	IS_HOAN_THANH_CHUONG_TRINH_MAM_NON	string	1			
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Khen thưởng học sinh	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Khen thưởng học sinh	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Khen thưởng học sinh	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Khen thưởng học sinh	1	Mã khối. Lấy từ DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_LOP	CSDL ngành Giáo dục	Khen thưởng học sinh	1	Mã lớp	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	MA_LOP	string	20			
MA_HOC_SINH_H	CSDL ngành Giáo dục	Khen thưởng học sinh	1	Mã học sinh	Quản lý lớp học/Học sinh/mã học sinh	MA_HOC_SINH_H	string	20			
HO_TEN	CSDL ngành Giáo dục	Khen thưởng học sinh	1	Họ tên	Quản lý lớp học/Học sinh/tên học sinh	HO_TEN	string	150			

CAP_NHAT_KHEN_THUONG	CSDL ngành Giáo dục	Khen thưởng học sinh	1	Có cập nhật khen thưởng? Giá trị = 1 thì mới cập nhật khen thưởng cho học sinh	Chưa có dữ liệu trên hệ thống vnEdu	CAP_NHAT_KHEN_THUONG	string	1			
LIST_KHEN_THUONG	CSDL ngành Giáo dục	Khen thưởng học sinh	1	Danh sách khen thưởng chi tiết	Xem sheet KHEN_THUONG_CHI_TIET	LIST_KHEN_THUONG	List<KHEN_THUONG_CHI_TIET>				
MA_KHEN_THUONG	CSDL ngành Giáo dục	Khen thưởng chi tiết	1	Mã khen thưởng. Lấy từ DM_KHEN_THUONG	Quản lý khen thưởng/Hình thức khen thưởng	MA_KHEN_THUONG	string	20			
NOI_DUNG	CSDL ngành Giáo dục	Khen thưởng chi tiết	1	Nội dung	Quản lý khen thưởng/Nội dung KT	NOI_DUNG	string	255			
GHI_CHU	CSDL ngành Giáo dục	Khen thưởng chi tiết	1	Ghi chú	Chưa có trên hệ thống vnedu	GHI_CHU	string	255			
MA_MON_HOC	CSDL ngành Giáo dục	Điểm môn chi tiết	1	Mã môn học. Lấy từ DM_MON_HOC	Quản lý lớp học/môn học	MA_MON_HOC	string	20			
DIEM	CSDL ngành Giáo dục	Điểm môn chi tiết	1	Điểm: Với những môn nhận xét dạng Đạt, chưa đạt thì sẽ nhập giá trị 1 hoặc 0. Với những môn thường thì nhập giá trị là số có giá trị nằm trong khoảng từ 0 đến 10	Lấy dữ liệu trong Sổ điểm, sổ nhận xét	DIEM	string				
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Lớp mầm non	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Lớp mầm non	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Lớp mầm non	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA	CSDL ngành Giáo dục	Lớp mầm non	1	Mã		MA	string	20			

MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Lớp mầm non	1	Mã khối. Lấy từ DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_NHOM_TUOI_MN	CSDL ngành Giáo dục	Lớp mầm non	1	Mã nhóm tuổi mầm non. Lấy từ DM_NHOM_TUOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_NHOM_TUOI_MN	string	20			
MA_DIEM_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Lớp mầm non	1	Mã điểm trường	Lớp học/Điểm trường	MA_DIEM_TRUONG	string	20			
TEN	CSDL ngành Giáo dục	Lớp mầm non	1	Tên lớp = mã lớp	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	TEN	string	20			
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C1	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C1	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C1	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C1	1	Mã		MA	string	20			
TEN	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C1	1	Tên	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	TEN	string	20			
MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C1	1	Mã khối. Lấy từ API GET_DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_DIEM_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C1	1	Mã điểm trường	Lớp học/Điểm trường	MA_DIEM_TRUONG	string	20			
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C2	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C2	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C2	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C2	1	Mã		MA	string	20			
TEN	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C2	1	Tên	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	TEN	string	20			

MA_GIAO_VIE N	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C2	1	Mã giáo viên chủ nhiệm	Mã ID trên hệ thống vnEdu của GVCN được gán vào lớp ở chức năng: Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/GVCN	MA_GIAO_VI EN	string	20			
MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C2	1	Mã khối. Lấy từ API GET_DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_DIEM_TR UONG	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C2	1	Mã điểm trường	Lớp học/Điểm trường	MA_DIEM_TR UONG	string	20			
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C3	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C3	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C3	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C3	1	Mã		MA	string	20			
TEN	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C3	1	Tên	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	TEN	string	20			
MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C3	1	Mã khối. Lấy từ API GET_DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
MA_DIEM_TR UONG	CSDL ngành Giáo dục	Lớp C3	1	Mã điểm trường	Lớp học/Điểm trường	MA_DIEM_TR UONG	string	20			
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Lớp GDTX	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Lớp GDTX	1			Id	string	10			
MA_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Lớp GDTX	1	Mã trường	Lấy theo mã trường lúc khởi tạo trường học	MA_TRUONG	string	20			
MA	CSDL ngành Giáo dục	Lớp GDTX	1	Mã		MA	string	20			
TEN	CSDL ngành Giáo dục	Lớp GDTX	1	Tên	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Tên lớp	TEN	string	20			

MA_KHOI	CSDL ngành Giáo dục	Lớp GDTX	1	Mã khối. Lấy từ API GET_DM_KHOI	Quản lý lớp học/Thêm hoặc Sửa lớp học/Khối lớp	MA_KHOI	string	20			
CLIENT_ID	CSDL ngành Giáo dục	Mã trường học	1	ID của đơn vị tự nhập	Hệ thống tự sinh	CLIENT_ID	string	10			
Id	CSDL ngành Giáo dục	Mã trường học	1		Hệ thống tự sinh	Id	string	10			
MA	CSDL ngành Giáo dục	Mã trường học	1	Mã	Hệ thống tự sinh	MA	string	20			
TEN	CSDL ngành Giáo dục	Mã trường học	1	Tên	Start/Thông tin trường/Tên trường	TEN	string	200			
MA_NHOM_CAP_HOC	CSDL ngành Giáo dục	Mã trường học	1	Mã nhóm cấp học (rất quan trọng để xác định trường liên cấp hay trường thường). DM_NHOM_CAP_HOC	Hệ thống tự lấy dữ liệu lúc khởi tạo trường học	MA_NHOM_CAP_HOC	string	20			
MA_TINH	CSDL ngành Giáo dục	Mã trường học	1	Mã tỉnh. DM_TINH	Hệ thống tự lấy dữ liệu lúc khởi tạo trường học	MA_TINH	string	20			
MA_XA	CSDL ngành Giáo dục	Mã trường học	1	Mã xã. DM_XA	Start/Thông tin trường/Xã/Phường	MA_XA	string	20			
DIA_CHI	CSDL ngành Giáo dục	Mã trường học	1	Địa chỉ	Thông tin trường/địa chỉ	DIA_CHI	string				
MA_LOAI_HINH_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	Mã trường học	1	Mã loại hình trường. DM_LOAI_HINH	Thông tin trường/Loại hình	MA_LOAI_HINH_TRUONG	string	20			
MA_DAT_CHUAN_DANH_GIA_CLGD	CSDL ngành Giáo dục	Mã trường học	1	DM_MUC_DAT_CHUAN_QG_CLGD	Thông tin trường/trường chuẩn	MA_DAT_CHUAN_DANH_GIA_CLGD	string	20			
MA_KHU_VUC	CSDL ngành Giáo dục	Mã trường học	1	DM_KHU_VUC	Thông tin trường/khu vực	MA_KHU_VUC	string	20			
DIEM_TRUONGS	CSDL ngành Giáo dục	Mã trường học	1	Danh sách điểm trường	Thông tin trường/quản lý điểm trường	DIEM_TRUONGS	DiemTruongsRequest				

TRUONG_VUNG_KHO_KHANS	CSDL ngành Giáo dục	Mã trường học	1	Danh sách mã vùng khó khăn	chưa có trên hệ thống vnedu	TRUONG_VUNG_KHO_KHANS	TruongVungKhoKansRequest				
MA	CSDL ngành Giáo dục	DiemTruong	1	Mã (do phía đơn vị đồng bộ tự định nghĩa và quản lý).		MA	nvarchar	20			
TEN	CSDL ngành Giáo dục	DiemTruong	1	Tên	Thông tin trường/quản lý điểm trường/Tên	TEN	nvarchar	200			
DIEN_THOAI	CSDL ngành Giáo dục	DiemTruong	1	Số điện thoại	Thông tin trường/quản lý điểm trường/Điện thoại	DIEN_THOAI	nvarchar	20			
DIA_CHI	CSDL ngành Giáo dục	DiemTruong	1	Địa chỉ	Thông tin trường/quản lý điểm trường/địa chỉ	DIA_CHI	nvarchar	200			
CO_CAP_NHAT_DIEM_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	DiemTruong	1	Có cập nhật hay không? Cập nhật khi giá trị =1.		CO_CAP_NHAT_DIEM_TRUONG	nvarchar	1			
List_DIEM_TRUONG	CSDL ngành Giáo dục	DiemTruong	1	Danh sách điểm trường của trường. Chú ý: Hệ thống không quản lý điểm trường chính của trường, không nên đẩy dữ liệu điểm trường chính lên.		List_DIEM_TRUONG	List<DiemTruongRequest>				
IS_CONG_TRINH_NH_VE_SINH	CSDL ngành Giáo dục	Mã trường học	1	Có công trình vệ sinh? Nhận 2 giá trị: 0 hoặc 1.	Thông tin trường/thông tin bổ sung/Có khai thác Internet cho dạy học:	IS_CONG_TRINH_NH_VE_SINH	string	1			
HIEN_TRANG_CSVC	CSDL ngành Giáo dục	Dữ liệu về cơ sở vật chất	1	Hiện trạng CSVC	Hiện trạng cơ sở vật chất	HIEN_TRANG_CSVC	string	50			
TY_LE_KIEN_CO	CSDL ngành Giáo dục	Dữ liệu về cơ sở vật chất	1	Tỷ lệ kiên cố hóa	Tỷ lệ kiên cố hóa	TY_LE_KIEN_CO	string	2			
SO_LUONG_TB	CSDL ngành Giáo dục	Dữ liệu về thiết bị	1	Số thiết bị	Tổng thiết bị trong trường	SO_LUONG_TB	string	5			
HIEN_TRANG_TB	CSDL ngành Giáo dục	Dữ liệu về thiết bị	1	Hiện trạng sử dụng	Hiện trạng sử dụng thiết bị	HIEN_TRANG_TB	string	50			

CLIENT_ID	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Cơ sở GDNN	1	ID của đơn vị tự nhập		CLIENT_ID	string	10			
VocationalSchoolID	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Cơ sở GDNN	1	ID cơ sở giáo dục nghề nghiệp		VocationalSchoolID	number				
Code	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Cơ sở GDNN	1	Mã cơ sở giáo dục nghề nghiệp		Code	string	50			
Name	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Cơ sở GDNN	1	Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp		Name	string	255			
StaffID	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Cán bộ, giáo viên	1	ID cán bộ		StaffID	number				
Code	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Cán bộ, giáo viên	1	Mã cán bộ		Code	string	50			
Name	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Cán bộ, giáo viên	1	Tên cán bộ		Name	string	255			
JobTitle	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Cán bộ, giáo viên	1	Đối tượng		JobTitle	number				
EnrollmentProfileID	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Hồ sơ tuyển sinh	1	ID hồ sơ		EnrollmentProfileID	number				
Code	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Hồ sơ tuyển sinh	1	Mã hồ sơ		Code	string	50			
Name	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Hồ sơ tuyển sinh	1	Họ và tên		Name	string	255			
SocialSecurityID	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Hồ sơ tuyển sinh	1	Mã an sinh		SocialSecurityID	string	50			
Qualification	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Hồ sơ tuyển sinh	1	Trình độ văn hóa		Qualification	string	255			
MajorId	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Hồ sơ tuyển sinh	1	ID ngành nghề đăng ký		MajorId	number				
TrainingLevel	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Hồ sơ tuyển sinh	1	Hệ ứng tuyển		TrainingLevel	number				
TrainingCourseID	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Khóa học đào tạo	1	ID khóa học		TrainingCourseID	number				
Code	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Khóa học đào tạo	1	Mã khóa học		Code	string	50			
Name	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Khóa học đào tạo	1	Tên khóa học		Name	string	255			
TraineeID	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Học sinh, sinh viên	1	ID học sinh		TraineeID	number				

Code	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Học sinh, sinh viên	1	Mã học sinh		Code	string	50			
Name	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Học sinh, sinh viên	1	Tên học sinh		Name	string	255			
IdentityNu mber	Hệ thống CSDL Nghề nghiệp	Học sinh, sinh viên	1	CCCD		IdentityNu mber	string	20			
SoCCCD	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Số CCCD	Số CCCD	SoCCCD	String	12 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
LoaiHoSo	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Loại cán bộ	Loại cán bộ	LoaiHoSo	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
DonViQuanLy	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Mã đơn vị quản lý hồ sơ	Mã đơn vị quản lý hồ sơ	DonViQuanLy	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

DonViSuDung	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Mã đơn vị sử dụng cán bộ	Mã đơn vị sử dụng cán bộ	DonViSuDung	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
SoHieuCBCCVC	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Số hiệu CBCCVC	Số hiệu CBCCVC	SoHieuCBCCVC	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
AnhCaNhan	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Chuỗi base64 ảnh cá nhân	Chuỗi base64 ảnh cá nhân	AnhCaNhan	String	Tối đa 5 MB	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

HoVaTen	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Họ và tên	Họ và tên	HoVaTen	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
TenGoiKhac	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Các tên gọi khác	Các tên gọi khác	TenGoiKhac	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
GioiTinh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Giới tính	Giới tính	GioiTinh	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

NgàySinh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngày sinh	Ngày sinh	NgàySinh	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
NoiSinh.DonVi HanhChinhTinh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nơi sinh - tỉnh	Nơi sinh - tỉnh	NoiSinh.DonVi HanhChinhTin h	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
NoiSinh.DonVi HanhChinhXa	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nơi sinh - xã	Nơi sinh - xã	NoiSinh.DonVi HanhChinhXa	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

NoiSinh.DiaChi	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nơi sinh - địa chỉ	Nơi sinh - địa chỉ	NoiSinh.DiaChi	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
QueQuan.DonViHanhChinhTinh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quê quán - tỉnh	Quê quán: Theo đơn vị hành chính hiện nay (Tỉnh/Thành phố)	QueQuan.DonViHanhChinhTinh	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
QueQuan.DonViHanhChinhXa	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quê quán - xã	Quê quán: Theo đơn vị hành chính hiện nay (Xã/Phường)	QueQuan.DonViHanhChinhXa	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

QueQuan.DiaChi	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Địa chỉ chi tiết	Địa chỉ chi tiết	QueQuan.DiaChi	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
DanToc	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Dân tộc	Dân tộc	DanToc	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
TonGiao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Tôn giáo	Tôn giáo	TonGiao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

NoiCapCCCD	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nơi cấp CCCD	Nơi cấp CCCD	NoiCapCCCD	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		
NgayCapCCCD	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngày cấp CCCD	Ngày cấp CCCD	NgayCapCCCD	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYYMMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
SoDienThoai	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Số điện thoại	Số điện thoại liên hệ	SoDienThoai	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm số và ký tự đặc biệt		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

SoBHXH	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Số sổ BHXH	Số sổ bảo hiểm xã hội	SoBHXH	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
SoBHYT	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Số thẻ BHYT	Số thẻ bảo hiểm y tế	SoBHYT	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
NoiO.DonViHanhChinhTinh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nơi ở hiện nay - Tỉnh/Thành phố	Thông tin tỉnh/thành phố nơi ở hiện nay	NoiO.DonViHanhChinhTinh	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

NoiO.DonViHanhChinhXa	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nơi ở hiện nay - Xã/Phường	Thông tin xã/phường nơi ở hiện nay	NoiO.DonViHanhChinhXa	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
NoiO.DiaChi	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Địa chỉ nơi ở hiện nay	Địa chỉ chi tiết nơi ở hiện nay	NoiO.DiaChi	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
ThanhPhanGiaDinh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Thành phần gia đình	Thành phần gia đình xuất thân	ThanhPhanGiaDinh	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

NgheNghiepTru ocKhiTuyenDun g	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nghề nghiệp trước khi tuyển dụng	Nghề nghiệp trước khi được tuyển dụng vào cơ quan nhà nước	NgheNghiepTr uocKhiTuyenD ung	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
NgayTuyenDun gLanDau	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngày tuyển dụng lần đầu	Ngày được tuyển dụng lần đầu	NgayTuyenDun gLanDau	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
TenCoQuanTuy enDung	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Cơ quan tuyển dụng	Tên cơ quan, tổ chức tuyển dụng lần đầu	TenCoQuanTu yenDung	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

NgàyVaoCoQua nHienNay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngày vào cơ quan hiện nay	Ngày bắt đầu công tác tại cơ quan hiện tại	NgàyVaoCoQu anHienNay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
NgàyVaoDang	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngày vào Đảng	Ngày kết nạp Đảng	NgàyVaoDang	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
NgàyVaoDangC hinhThuc	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngày vào Đảng chính thức	Ngày được công nhận Đảng viên chính thức	NgàyVaoDang ChinhThuc	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

ThamGiaToChucCTXH	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội	Thời điểm tham gia các tổ chức chính trị - xã hội	ThamGiaToChucCTXH	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự hoặc ngày theo quy định		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
NgayNhapNgu	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngày nhập ngũ	Ngày nhập ngũ	NgayNhapNgu	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
NgayXuatNgu	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngày xuất ngũ	Ngày xuất ngũ	NgayXuatNgu	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

QuanHamCaoNhat	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quân hàm cao nhất	Quân hàm cao nhất được phong	QuanHamCaoNhat	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
DoiTuongChinhSach	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Đối tượng chính sách	Đối tượng chính sách	DoiTuongChinhSach	Array	Tối đa 50 bản ghi/1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
HocVanPhoThong	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Trình độ giáo dục phổ thông	Trình độ giáo dục phổ thông	HocVanPhoThong	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

HocHam	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Học hàm	Học hàm	HocHam	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
DanhHieuPhongTang	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Danh hiệu phong tặng	Danh hiệu phong tặng	DanhHieuPhongTang	Array	Tối đa 50 bản ghi/1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
ChucVu	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Chức vụ	Chức vụ	ChucVu	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

Ngàybonhiemchucvu	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngày bổ nhiệm/phê chuẩn	Ngày bổ nhiệm/phê chuẩn	Ngàybonhiemchucvu	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYYMMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
NgàyBoNhiemLaiChucVu	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngày bổ nhiệm lại/phê chuẩn nhiệm kỳ tiếp theo	Ngày bổ nhiệm lại/phê chuẩn nhiệm kỳ tiếp theo	NgàyBoNhiemLaiChucVu	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYYMMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
ChucVuQuyHoach	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Chức vụ quy hoạch	Chức vụ quy hoạch	ChucVuQuyHoach	Array	Tối đa 50 bản ghi/1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

ChucVuKiemNhiem	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Chức vụ kiêm nhiệm	Chức vụ kiêm nhiệm	ChucVuKiemNhiem	Array	Tối đa 50 bản ghi/1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
ChucVuDang	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Chức vụ đảng	Chức vụ đảng	ChucVuDang	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
ChucVuDangKiemNhiem	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Chức vụ đảng kiêm nhiệm	Chức vụ đảng kiêm nhiệm	ChucVuDangKiemNhiem	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

CongViecChinh DuocGiao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Công việc chính được giao	Công việc chính được giao	CongViecChin hDuocGiao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
NangLucSoTruo ng	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Sở trường công tác	Sở trường công tác	NangLucSoTru ong	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
CongViecLamL auNhat	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Công việc làm lâu nhất	Công việc làm lâu nhất	CongViecLam LauNhat	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

TinhTrangSucK hoe	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Trạng thái sức khỏe	Trạng thái sức khỏe	TinhTrangSuc Khoe	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
ChieuCao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Chiều cao (cm)	Chiều cao (cm)	ChieuCao	Number	3 chữ số	Số thập phân		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
CanNang	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Cân nặng (kg)	Cân nặng (kg)	CanNang	Number	3 chữ số	Số thập phân		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

NhomMau	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nhóm máu	Nhóm máu	NhomMau	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
ChuyenMon	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Trình độ chuyên môn	Trình độ chuyên môn	ChuyenMon	Array	Tối đa 50 bản ghi/1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
ChuyenMon.Tu Ngay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Trình độ chuyên môn - Từ ngày	Trình độ chuyên môn - Từ ngày	ChuyenMon.Tu Ngay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

ChuyenMon.Den Ngay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Trình độ chuyên môn - Đến ngày	Trình độ chuyên môn - Đến ngày	ChuyenMon.De nNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
ChuyenMon.Co SoDaoTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Trình độ chuyên môn - Mã Cơ sở đào tạo	Trình độ chuyên môn - Mã Cơ sở đào tạo	ChuyenMon.Co SoDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
ChuyenMon.Ten CoSoDaoTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Trình độ chuyên môn - Tên Cơ sở đào tạo	Trình độ chuyên môn - Tên Cơ sở đào tạo	ChuyenMon.Te nCoSoDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

ChuyenMon.ChuyenNganhDaoTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Trình độ chuyên môn - Mã chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn - Mã chuyên ngành đào tạo	ChuyenMon.ChuyenNganhDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
ChuyenMon.TenChuyenNganhDaoTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Trình độ chuyên môn - Tên chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn - Tên chuyên ngành đào tạo	ChuyenMon.TenChuyenNganhDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
ChuyenMon.VanBangDuocCap	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Trình độ chuyên môn - Văn bằng được cấp	Trình độ chuyên môn - Văn bằng được cấp	ChuyenMon.VanBangDuocCap	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

ChuyenMon.HinhThucDaoTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Trình độ chuyên môn - Hình thức đào tạo	Trình độ chuyên môn - Hình thức đào tạo	ChuyenMon.HinhThucDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
ChuyenMon.TrinhDoDaoTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Trình độ chuyên môn - Trình độ đào tạo	Trình độ chuyên môn - Trình độ đào tạo	ChuyenMon.TrinhDoDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
ChuyenMon.TrinhDoCaoNhat	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Trình độ chuyên môn - Là trình độ cao nhất	Trình độ chuyên môn - Là trình độ cao nhất	ChuyenMon.TrinhDoCaoNhat	Boolean	True/False			Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

LyLuanChinhTri	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lý luận chính trị	Lý luận chính trị	LyLuanChinhTri	Array	Tối đa 50 bản ghi/1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
LyLuanChinhTri.TuNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lý luận chính trị - Từ ngày	Lý luận chính trị - Từ ngày	LyLuanChinhTri.TuNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
LyLuanChinhTri.DenNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lý luận chính trị - Đến ngày	Lý luận chính trị - Đến ngày	LyLuanChinhTri.DenNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

LyLuanChinhTri .CoSoDaoTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lý luận chính trị - Mã Cơ sở đào tạo	Lý luận chính trị - Mã Cơ sở đào tạo	LyLuanChinhTri.CoSoDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
LyLuanChinhTri .TenCoSoDaoTa o	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lý luận chính trị - Tên Cơ sở đào tạo	Lý luận chính trị - Tên Cơ sở đào tạo	LyLuanChinhTri.TenCoSoDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
LyLuanChinhTri .VanBangDuocC ap	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lý luận chính trị - Văn bằng được cấp	Lý luận chính trị - Văn bằng được cấp	LyLuanChinhTri.VanBangDuocCap	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

LyLuanChinhTri .HinhThucDaoT ao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lý luận chính trị - Hình thức đào tạo	Lý luận chính trị - Hình thức đào tạo	LyLuanChinhT ri.HinhThucDa oTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
QuanLyNhaNuo cNghiepVuChuy enNganh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quản lý nhà nước	Quản lý nhà nước	QuanLyNhaNu ocNghiepVuCh uyenNganh	Array	Tối đa 50 bản ghi/1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
QuanLyNhaNuo cNghiepVuChuy enNganh.TuNga y	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quản lý nhà nước - Từ ngày	Quản lý nhà nước - Từ ngày	QuanLyNhaNu ocNghiepVuCh uyenNganh.Tu Ngay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

QuanLyNhaNuo cNghiepVuChuy enNganh.DenNg ay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quản lý nhà nước - Đến ngày	Quản lý nhà nước - Đến ngày	QuanLyNhaNu ocNghiepVuCh uyenNganh.De nNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
QuanLyNhaNuo cNghiepVuChuy enNganh.CoSoD aoTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quản lý nhà nước - Mã Cơ sở đào tạo	Quản lý nhà nước - Mã Cơ sở đào tạo	QuanLyNhaNu ocNghiepVuCh uyenNganh.Co SoDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
QuanLyNhaNuo cNghiepVuChuy enNganh.TenCo SoDaoTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quản lý nhà nước - Tên Cơ sở đào tạo	Quản lý nhà nước - Tên Cơ sở đào tạo	QuanLyNhaNu ocNghiepVuCh uyenNganh.Ten CoSoDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

QuanLyNhaNuo cNghiepVuChuy enNganh.VanBa ngDuocCap	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quản lý nhà nước - Văn bằng được cấp	Quản lý nhà nước - Văn bằng được cấp	QuanLyNhaNu ocNghiepVuCh uyenNganh.Va nBangDuocCap	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
QuanLyNhaNuo cNghiepVuChuy enNganh.LoaiQu anLyNhaNuoN ghiepVu	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quản lý nhà nước - Loại quản lý nhà nước	Quản lý nhà nước - Loại quản lý nhà nước	QuanLyNhaNu ocNghiepVuCh uyenNganh.Lo iQuanLyNhaNu ocNghiepVu	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
QuocPhongAnN inh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quốc phòng an ninh	Quốc phòng an ninh	QuocPhongAn Ninh	Array	Tối đa 50 bản ghi/1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

QuocPhongAnNinh.TuNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quốc phòng an ninh - Từ ngày	Quốc phòng an ninh - Từ ngày	QuocPhongAnNinh.TuNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
QuocPhongAnNinh.DenNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quốc phòng an ninh - Đến ngày	Quốc phòng an ninh - Đến ngày	QuocPhongAnNinh.DenNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
QuocPhongAnNinh.CoSoDaoTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quốc phòng an ninh - Mã Cơ sở đào tạo	Quốc phòng an ninh - Mã Cơ sở đào tạo	QuocPhongAnNinh.CoSoDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

QuocPhongAnNinh.TenCoSoDaoTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quốc phòng an ninh - Tên Cơ sở đào tạo	Quốc phòng an ninh - Tên Cơ sở đào tạo	QuocPhongAnNinh.TenCoSoDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
QuocPhongAnNinh.VanBangDuocCap	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quốc phòng an ninh - Văn bằng được cấp	Quốc phòng an ninh - Văn bằng được cấp	QuocPhongAnNinh.VanBangDuocCap	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
NgoaiNguTiengDanToc	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc	NgoaiNguTiengDanToc	Array	Tối đa 50 bản ghi/1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

NgoaiNguTien DanToc.NgoaiN guTen	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Ngôn ngữ	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Ngôn ngữ	NgoaiNguTien gDanToc.Ngoai NguTen	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
NgoaiNguTien DanToc.TuNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Từ ngày	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Từ ngày	NgoaiNguTien gDanToc.TuNg ay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
NgoaiNguTien DanToc.DenNga y	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Đến ngày	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Đến ngày	NgoaiNguTien gDanToc.DenN gay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

NgoaiNguTien DanToc.NgoaiN guTienDanToc	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Mã danh mục ngoại ngữ/tiếng dân tộc	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Mã danh mục ngoại ngữ/tiếng dân tộc	NgoaiNguTien gDanToc.Ngoai NguTienDanT oc	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
NgoaiNguTien DanToc.CoSoDa oTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Mã Cơ sở đào tạo	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Mã Cơ sở đào tạo	NgoaiNguTien gDanToc.CoSo DaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
NgoaiNguTien DanToc.TenCoS oDaoTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Tên Cơ sở đào tạo	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Tên Cơ sở đào tạo	NgoaiNguTien gDanToc.TenC oSoDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

NgoaiNguTieng DanToc.VanBangDuocCap	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Văn bằng được cấp	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Văn bằng được cấp	NgoaiNguTien gDanToc.VanBangDuocCap	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
NgoaiNguTieng DanToc.DiemSo	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Điểm số	Ngoại ngữ - Tiếng dân tộc - Điểm số	NgoaiNguTien gDanToc.DiemSo	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
TinHoc	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Tin học	Tin học	TinHoc	Array	Tối đa 50 bản ghi / 1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

TinHoc.TuNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Tin học - Từ ngày	Tin học - Từ ngày	TinHoc.TuNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
TinHoc.DenNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Tin học - Đến ngày	Tin học - Đến ngày	TinHoc.DenNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
TinHoc.CoSoDaoTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Tin học - Mã Cơ sở đào tạo	Tin học - Mã Cơ sở đào tạo	TinHoc.CoSoDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

TinHoc.TenCoSoDaoTao	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Tin học - Tên Cơ sở đào tạo	Tin học - Tên Cơ sở đào tạo	TinHoc.TenCoSoDaoTao	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
TinHoc.VanBangDuocCap	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Tin học - Văn bằng được cấp	Tin học - Văn bằng được cấp	TinHoc.VanBangDuocCap	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
QuaTrinhCongTac	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình công tác	Quá trình công tác	QuaTrinhCongTac	Array	Tối đa 50 bản ghi / 1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

QuaTrinhCongTac.TuNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình công tác - Từ ngày	Quá trình công tác - Từ ngày	QuaTrinhCongTac.TuNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
QuaTrinhCongTac.DenNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình công tác - Đến ngày	Quá trình công tác - Đến ngày	QuaTrinhCongTac.DenNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
QuaTrinhCongTac.DonViCongTac	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình công tác - Mã đơn vị công tác	Quá trình công tác - Mã đơn vị công tác	QuaTrinhCongTac.DonViCongTac	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

QuaTrinhCongTac.TenDonViCongTac	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình công tác - Tên đơn vị công tác	Quá trình công tác - Tên đơn vị công tác	QuaTrinhCongTac.TenDonViCongTac	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
QuaTrinhCongTac.ChucDanh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình công tác - Mã chức danh	Quá trình công tác - Mã chức danh	QuaTrinhCongTac.ChucDanh	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
QuaTrinhCongTac.TenChucDanh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình công tác - Tên chức danh	Quá trình công tác - Tên chức danh	QuaTrinhCongTac.TenChucDanh	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

QuaTrinhCongTac.LoaiDonVi	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình công tác - Loại đơn vị	Quá trình công tác - Loại đơn vị	QuaTrinhCongTac.LoaiDonVi	Number	3 chữ số	Số thập phân		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
BiBatTuDay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Bị bắt tù	Bị bắt tù	BiBatTuDay	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
CheDoCu	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lịch sử làm việc cho chế độ cũ	Lịch sử làm việc cho chế độ cũ	CheDoCu	Array	Tối đa 50 bản ghi / 1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

CheDoCu.TuNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lịch sử làm việc cho chế độ cũ - Từ ngày	Lịch sử làm việc cho chế độ cũ - Từ ngày	CheDoCu.TuNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
CheDoCu.DenNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lịch sử làm việc cho chế độ cũ - Đến ngày	Lịch sử làm việc cho chế độ cũ - Đến ngày	CheDoCu.DenNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
CheDoCu.ChiTiet	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lịch sử làm việc cho chế độ cũ - Chi tiết	Lịch sử làm việc cho chế độ cũ - Chi tiết	CheDoCu.ChiTiet	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

ThamGiaToChucNuocNgoai	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lịch sử tham gia tổ chức nước ngoài	Lịch sử tham gia tổ chức nước ngoài	ThamGiaToChucNuocNgoai	Array	Tối đa 50 bản ghi / 1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
ThamGiaToChucNuocNgoai.Tu Ngay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lịch sử tham gia tổ chức nước ngoài - Từ ngày	Lịch sử tham gia tổ chức nước ngoài - Từ ngày	ThamGiaToChucNuocNgoai.Tu Ngay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
ThamGiaToChucNuocNgoai.De nNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lịch sử tham gia tổ chức nước ngoài - Đến ngày	Lịch sử tham gia tổ chức nước ngoài - Đến ngày	ThamGiaToChucNuocNgoai.De nNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

ThamGiaToChucNuocNgoai.ChiTiet	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Lịch sử tham gia tổ chức nước ngoài - Chi tiết	Lịch sử tham gia tổ chức nước ngoài - Chi tiết	ThamGiaToChucNuocNgoai.ChiTiet	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
KhenThuong	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Khen thưởng	Khen thưởng	KhenThuong	Array	Tối đa 50 bản ghi / 1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
KhenThuong.NamKhenThuong	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Khen thưởng - Năm khen thưởng	Khen thưởng - Năm khen thưởng	KhenThuong.NamKhenThuong	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

KhenThuong.Xeploaichuyenmon	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Khen thưởng - Xếp loại chuyên môn	Khen thưởng - Xếp loại chuyên môn	KhenThuong.Xeploaichuyenmon	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
KhenThuong.Xeploaithidua	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Khen thưởng - Xếp loại thi đua	Khen thưởng - Xếp loại thi đua	KhenThuong.Xeploaithidua	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
KhenThuong.HinhThucKhenThuong	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Khen thưởng - Hình thức khen thưởng	Khen thưởng - Hình thức khen thưởng	KhenThuong.HinhThucKhenThuong	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

KyLuat	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Kỷ luật	Kỷ luật	KyLuat	Array	Tối đa 50 bản ghi / 1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
KyLuat.TuNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Kỷ luật - Từ ngày	Kỷ luật - Từ ngày	KyLuat.TuNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
KyLuat.DenNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Kỷ luật - Đến ngày	Kỷ luật - Đến ngày	KyLuat.DenNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

KyLuat.HinhThucKyLuat	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Kỷ luật - Hình thức kỷ luật	Kỷ luật - Hình thức kỷ luật	KyLuat.HinhThucKyLuat	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
KyLuat.HanhViViPhamHanhChinh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Kỷ luật - Hành vi vi phạm	Kỷ luật - Hành vi vi phạm	KyLuat.HanhViViPhamHanhChinh	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
KyLuat.CoQuanQuyetDinh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Kỷ luật - Cơ quan quyết định	Kỷ luật - Cơ quan quyết định	KyLuat.CoQuanQuyetDinh	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

QuanHeGiaDinh .BanThan	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quan hệ gia đình (về bản thân)	Quan hệ gia đình (về bản thân)	QuanHeGiaDinh .BanThan	Array	Tối đa 50 bản ghi / 1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
QuanHeGiaDinh .BanThan.MoiQ uanHe	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quan hệ gia đình (về bản thân) - Mỗi quan hệ	Quan hệ gia đình (về bản thân) - Mỗi quan hệ	QuanHeGiaDinh .BanThan.Moi QuanHe	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
QuanHeGiaDinh .BanThan.HoVa Ten	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quan hệ gia đình (về bản thân) - Họ và tên	Quan hệ gia đình (về bản thân) - Họ và tên	QuanHeGiaDinh .BanThan.Ho VaTen	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

QuanHeGiaDinh .BanThan.NamSinh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quan hệ gia đình (về bản thân) - Năm sinh	Quan hệ gia đình (về bản thân) - Năm sinh	QuanHeGiaDinh.BanThan.NamSinh	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
QuanHeGiaDinh .BanThan.ChiTiet	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quan hệ gia đình (về bản thân) - Chi tiết	Quan hệ gia đình (về bản thân) - Chi tiết	QuanHeGiaDinh.BanThan.ChiTiet	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
QuanHeGiaDinh .BenVoHoacChong	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quan hệ gia đình (về bên vợ/chồng)	Quan hệ gia đình (về bên vợ/chồng)	QuanHeGiaDinh.BenVoHoacChong	Array	Tối đa 50 bản ghi / 1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

QuanHeGiaDinh .BenVoHoacCho ng.MoiQuanHe	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quan hệ gia đình (về bên vợ/chồng) - Mỗi quan hệ	Quan hệ gia đình (về bên vợ/chồng) - Mỗi quan hệ	QuanHeGiaDinh .BenVoHoacC hong.MoiQuan He	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
QuanHeGiaDinh .BenVoHoacCho ng.HoVaTen	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quan hệ gia đình (về bên vợ/chồng) - Họ và tên	Quan hệ gia đình (về bên vợ/chồng) - Họ và tên	QuanHeGiaDinh .BenVoHoacC hong.HoVaTen	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
QuanHeGiaDinh .BenVoHoacCho ng.NamSinh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quan hệ gia đình (về bên vợ/chồng) - Năm sinh	Quan hệ gia đình (về bên vợ/chồng) - Năm sinh	QuanHeGiaDinh .BenVoHoacC hong.NamSinh	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

QuanHeGiaDinh .BenVoHoacCho ng.ChiTiet	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quan hệ gia đình (về bên vợ/chồng) - Chi tiết	Quan hệ gia đình (về bên vợ/chồng) - Chi tiết	QuanHeGiaDinh .BenVoHoacC hong.ChiTiet	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
QuaTrinhLuong	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương	Quá trình lương	QuaTrinhLuon g	Array	Tối đa 50 bản ghi / 1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
QuaTrinhLuong. Tungay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương - Từ ngày	Quá trình lương - Từ ngày	QuaTrinhLuon g.Tungay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

Tungay.Denngay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương - Đến ngày	Quá trình lương - Đến ngày	Tungay.Denngay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
Denngay.LoaiCanBo	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương - Loại cán bộ	Quá trình lương - Loại cán bộ	Denngay.LoaiCanBo	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
LoaiCanBo.LoaiLuong	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương - Loại lương	Quá trình lương - Loại lương	LoaiCanBo.LoaiLuong	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

LoạiLuong.Loại ĐiềuChỉnhLuon g	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương - Loại cán bộ	Quá trình lương - Loại cán bộ	LoạiLuong.Loạ iĐiềuChỉnhLuo ng	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
LoạiĐiềuChỉnhL uong.MaSo	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương - Mã Ngạch/chức danh	Quá trình lương - Mã Ngạch/chức danh	LoạiĐiềuChỉnh Luong.MaSo	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
MaSo.MaSoKha c	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương - Tên Ngạch/chức danh	Quá trình lương - Tên Ngạch/chức danh	MaSo.MaSoKh ac	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đổi với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

MaSoKhac.Ngay BoNhiemNgach ChucDanhNghe Nghiep	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương - Ngày bổ nhiệm chức danh	Quá trình lương - Ngày bổ nhiệm chức danh	MaSoKhac.Nga yBoNhiemNga chChucDanhNg heNghiep	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYY MMDD		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
NgayBoNhiemN gachChucDanhN gheNghiep.Phan TramHuong	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương - Phẩm trăm hưởng	Quá trình lương - Phẩm trăm hưởng	NgayBoNhiem NgachChucDan hNgheNghiep.P hanTramHuong	Number	3 chữ số	Số thập phân		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC
PhanTramHuong .SoTien	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương - Lương thỏa thuận	Quá trình lương - Lương thỏa thuận	PhanTramHuong. SoTien	Integer	12 chữ số	Số thập phân		Áp dụng đối với thôn g tin hồ sơ CBC CVC

SoTien.BacLuong	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương - Bậc lương	Quá trình lương - Bậc lương	SoTien.BacLuong	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
BacLuong.HeSoLuong	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương - Hệ số	Quá trình lương - Hệ số	BacLuong.HeSoLuong	Double	3 chữ số	Số thập phân		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
HeSoLuong.PhuCapTNVK	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương - P/C thâm niên vượt khung	Quá trình lương - P/C thâm niên vượt khung	HeSoLuong.PhuCapTNVK	Number	3 chữ số	Số thập phân		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

PhuCapTNVK.NgayHuongPhuCapTNVK	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình lương - Ngày hưởng phụ cấp vượt khung	Quá trình lương - Ngày hưởng phụ cấp vượt khung	PhuCapTNVK.NgayHuongPhuCapTNVK	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYYMMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
QuaTrinhPhuCap	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình hưởng phụ cấp	Quá trình hưởng phụ cấp	QuaTrinhPhuCap	Array	Tối đa 50 bản ghi / 1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
QuaTrinhPhuCap.TuNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình hưởng phụ cấp - Từ ngày	Quá trình hưởng phụ cấp - Từ ngày	QuaTrinhPhuCap.TuNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYYMMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

TuNgay.DenNgay	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình hưởng phụ cấp - Đến ngày	Quá trình hưởng phụ cấp - Đến ngày	TuNgay.DenNgay	String	Tối đa 100 ký tự	Định dạng YYYYMMDD		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
DenNgay.LoaiPhuCap	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình hưởng phụ cấp - Loại phụ cấp	Quá trình hưởng phụ cấp - Loại phụ cấp	DenNgay.LoaiPhuCap	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
LoaiPhuCap.HeSo	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình hưởng phụ cấp - Hệ số	Quá trình hưởng phụ cấp - Hệ số	LoaiPhuCap.HeSo	Double	3 chữ số	Số thập phân		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

HeSo.PhanTramHuong	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình hưởng phụ cấp - Phần trăm hưởng	Quá trình hưởng phụ cấp - Phần trăm hưởng	HeSo.PhanTramHuong	Double	3 chữ số	Số thập phân		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
PhanTramHuong.GiaTri	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Quá trình hưởng phụ cấp - Giá Trị	Quá trình hưởng phụ cấp - Giá Trị	PhanTramHuong.GiaTri	Double	3 chữ số	Số thập phân		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
ThuNhapLuong	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Thu nhập lương	Thu nhập lương	ThuNhapLuong	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

ThuNhapKhac	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Thu nhập khác	Thu nhập khác	ThuNhapKhac	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
NhaO	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nhà ở	Nhà ở	NhaO	Array	Tối đa 50 bản ghi / 1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
NhaO.ChiTiet	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nhà ở - Chi tiết	Nhà ở - Chi tiết	NhaO.ChiTiet	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

ChiTiet.DienTich	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nhà ở - Diện tích	Nhà ở - Diện tích	ChiTiet.DienTich	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
DienTich.GiayChungNhan	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nhà ở - Giấy chứng nhận	Nhà ở - Giấy chứng nhận	DienTich.GiayChungNhan	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
GiayChungNhan.LoaiDat	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nhà ở - Mã loại đất	Nhà ở - Mã loại đất	GiayChungNhan.LoaiDat	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

LoaiDat.TenLoaiDat	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nhà ở - Tên loại đất	Nhà ở - Tên loại đất	LoaiDat.TenLoaiDat	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
DatO	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Đất ở	Đất ở	DatO	Array	Tối đa 50 bản ghi / 1 hồ sơ	Array Json		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
DatO.DienTich	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nhà ở - Diện tích	Nhà ở - Diện tích	DatO.DienTich	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

DienTich.GiayChungNhan	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nhà ở - Giấy chứng nhận	Nhà ở - Giấy chứng nhận	DienTich.GiayChungNhan	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
GiayChungNhan.LoaiDat	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nhà ở - Mã loại đất	Nhà ở - Mã loại đất	GiayChungNhan.LoaiDat	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
LoaiDat.TenLoaiDat	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nhà ở - Tên loại đất	Nhà ở - Tên loại đất	LoaiDat.TenLoaiDat	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC

TenLoaiDat.DatSanXuatKinhDoanh	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nhà ở - Đất sản xuất kinh doanh	Nhà ở - Đất sản xuất kinh doanh	TenLoaiDat.DatSanXuatKinhDoanh	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
NhanXetDanhGia	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức (VNPT-CCVC)		1	Nhận xét, đánh giá của cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng cán bộ, công chức	Nhận xét, đánh giá của cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng cán bộ, công chức	NhanXetDanhGia	String	Tối đa 100 ký tự	Chuỗi ký tự, có thể gồm chữ, số, dấu gạch chéo, dấu gạch ngang		Áp dụng đối với thông tin hồ sơ CBC CVC
loaivatnuoi	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	loại vật nuôi	Tên loại vật nuôi	loaivatnuoi	Text	10	Text		
soluong	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	số lượng vật nuôi	số lượng vật nuôi cập nhật theo định kỳ	soluong	number	10	number		
giaban	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	giá bán	giá bán sản phẩm theo kỳ nhập liệu	giaban	number	10	number		
sanluong	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	sản lượng chăn nuôi	sản lượng sản phẩm chăn nuôi trong kỳ	sanluong	number	10	number		

socoso/ho	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	số cơ sở chăn nuôi	số lượng cơ sở/ hộ chăn nuôi	socoso/ho	number	10	number		
macoso	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	mã số cơ sở	Mã số cơ sở duy nhất của cơ sở trên toàn hệ thống	macoso	Text	20	Text		
tencoso	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	tên cơ sở	tên cơ sở chăn nuôi	tencoso	Text	100	Text		
diachi	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	địa chỉ	địa chỉ trang trại chăn nuôi	diachi	Text	100	Text		
tenchucoso	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	tên chủ cơ sở	tên chủ cơ sở	tenchucoso	Text	50	Text		
sodienthoai	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	số điện thoại	số điện thoại cá nhân của chủ cơ sở	sodienthoai	Text	10	Text		
loaivatnuoi	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	loại vật nuôi	Tên loại vật nuôi	loaivatnuoi	Text	10	Text		
quymo	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	quy mô chăn nuôi	phân loại quy mô trang trại (lớn, vừa, nhỏ)	quymo	Text	20	number		
soluong	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	số lượng vật nuôi	số lượng vật nuôi của trang trại	soluong	number	10	number		

sanluong	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	sản lượng chăn nuôi	sản lượng sản phẩm chăn nuôi trong kỳ	sanluong	number	10	number		
Giaychungnhancoso	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	Giấy chứng nhận cơ sở chăn nuôi	các loại Giấy chứng nhận của cơ sở chăn nuôi	Giaychungnhancoso	file	20 Mb	Text		
thoigiannhapnuoi	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	Thời gian nhập nuôi	Thời gian nhập đàn, bắt đầu chu kỳ sản xuất	thoigiannhapnuoi	Date	10	Date		
thoigianxuatban	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	Thời gian xuất bán	thời gian xuất bán sản phẩm trong kỳ	thoigianxuatban	Date	10	dd/mm/yyyy		
loaithuysan	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	loại thủy sản nuôi	tên loại thủy sản nuôi	loaithuysan	Text	10	Text		
dientich	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	diện tích nuôi	diện tích, thể tích nuôi	dientich	number	20	number		
giaban	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	giá bán	giá bán sản phẩm trong kỳ	giaban	number	10	number		
sanluong	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	sản lượng nuôi	sản lượng sản phẩm nuôi trong kỳ	sanluong	number	10	number		
socoso/ho	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	số cơ sở nuôi	số cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn	socoso/ho	number	10	number		

macoso	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	mã số cơ sở	Mã số cơ sở duy nhất của cơ sở trên toàn hệ thống	macoso	Text	20	Text		
tencoso	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	tên cơ sở	tên cơ sở nuôi trồng thủy sản	tencoso	Text	100	Text		
dịachi	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	địa chỉ	địa chỉ cơ sở nuôi trồng thủy sản	dịachi	Text	100	Text		
tenchucoso	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	tên chủ cơ sở	tên chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản	tenchucoso	Text	50	Text		
sodienthoai	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	số điện thoại	số điện thoại cá nhân của chủ cơ sở	sodienthoai	Text	10	Text		
loaithuysan	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	loại thủy sản nuôi	tên loại thủy sản nuôi	loaithuysan	Text	10	Text		
dientich	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	diện tích nuôi	diện tích, thể tích nuôi	dientich	number	20	number		
sanluong	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	sản lượng nuôi	sản lượng sản phẩm trong kỳ	sanluong	number	10	number		
giaban	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	giá bán	giá bán sản phẩm trong kỳ	giaban	number	10	number		

Giaychungnhancoso	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	Giấy chứng nhận cơ sở nuôi	các loại giấy chứng nhận của cơ sở nuôi trồng thủy sản	Giaychungnhancoso	file	20 Mb	file		
thoigiannhapnuoi	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	Thời gian nhập nuôi	thời gian nhập nuôi, bắt đầu chu kỳ sản xuất	thoigiannhapnuoi	Date	10	dd/MM/yyyy		
thoigianxuatban	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	Thời gian xuất bán	thời gian bán sản phẩm	thoigianxuatban	Date	10	dd/MM/yyyy		
macoso	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	mã số cơ sở	Mã số cơ sở duy nhất của cơ sở trên toàn hệ thống	macoso	Text	20	Text		
tencoso	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	tên cơ sở	tên cơ sở sản xuất/kinh doanh	tencoso	Text	100	Text		
diachi	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	địa chỉ	địa chỉ của cơ sở sản xuất/kinh doanh	diachi	Text	100	Text		
tenchucoso	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	tên chủ cơ sở	tên chủ cơ sở sản xuất/kinh doanh	tenchucoso	Text	50	Text		
sodienthoai	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	số điện thoại	số điện thoại cá nhân của chủ cơ sở	sodienthoai	Text	10	Text		
loaithucan	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	loại thức ăn	tên loại các thức ăn sản xuất/kinh doanh	loaithucan	Text	50	Text		

quymo/congsuat	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	quy mô/công suất	quy mô công suất của cửa hàng/nhà máy	quymo/congsuat	Text	20	Text		
sanluong	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	sản lượng	sản lượng sản xuất, tiêu thụ trong kỳ	sanluong	number	10	number		
giaban	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	giá bán	giá bán sản phẩm trong kỳ	giaban	number	10	number		
Giaychungnhancoso	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản tỉnh Lai Châu		1	Giấy chứng nhận cơ sở	các loại Giấy chứng nhận của cơ sở sản xuất/kinh doanh	Giaychungnhancoso	file	20 Mb	file		
Thông tin chung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1			Thông tin chung					
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
TenDuAn	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên dự án	Tên gọi của dự án đầu tư	TenDuAn	Text				
DiaChi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	địa chỉ	Địa chỉ thực hiện dự án trên địa bàn hành chính (Tham chiếu cấu trúc S_DiaChi)	DiaChi	S_DiaChi				
ViTriDiaLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	vị trí địa lý	Tọa độ địa lý thể hiện vị trí dự án	ViTriDiaLy	GeoJSON				
ChuDuAn	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	chủ dự án	Thông tin chủ dự án đầu tư: cá nhân, tổ chức (tham chiếu cấu trúc T_ChuDauTu)	ChuDuAn	T_ChuDauTu				

MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu chủ nguồn thải (cho dự án có chung chủ đầu tư)	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi của chủ đầu tư	TenGoi	Text				
ChungNhanDauTu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Chứng nhận đầu tư	Thông tin giấy chứng nhận đầu tư của dự án	ChungNhanDauTu	S_GiayToChungNhan				
NhomDuAnDauTu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Nhóm dự án đầu tư	Danh mục nhóm dự án đầu tư	NhomDuAnDauTu	C_NhomDuAnDauTu				
LoaiHinhGayO Nhiem	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	loại hình gây ô nhiễm	Danh mục loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	LoaiHinhGayO Nhiem	C_LoiHinhGayO Nhiem				
VanBanDTM	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	văn bản ĐTM	Tham chiếu thông tin ĐTM	VanBanDTM	T_VanBanDTM				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mã định danh	Mã định danh tham chiếu (bắt buộc)	MaDinhDanh	URI				
MoiTruongCoSo	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	môi trường cơ sở	Tham chiếu thông tin của cơ sở trong trường hợp dự án là nâng cấp bổ sung hạng mục, công suất cho một cơ sở đã có mã định danh	MoiTruongCoSo	T_MoiTruongCoSo				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mã định danh	Mã định danh tham chiếu (bắt buộc)	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi của cơ sở	TenGoi	Text				

MoiTruongKhu SXKDDVTT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	môi trường khu SXKDDVTT	Tham chiếu thông tin của Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trong trường hợp dự án là nâng cấp bổ sung hạng mục, công suất cho một Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đã có mã định danh	MoiTruongKhu SXKDDVTT	T_MoiTruongKhu SXKDDVTT				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	TenGoi	Text				
CapQuanLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cấp quản lý	Danh mục Cấp quản lý	CapQuanLy	C_CapQuanLy				
CoQuanQuanLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cơ quan quản lý	Thông tin về cơ quan cấp phép theo thẩm quyền (tham chiếu cấu trúc T_CoQuanDonVi)	CoQuanQuanLy	T_CoQuanDonVi				
MoTaDuAn	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mô tả dự án	Mô tả tổng quan các hạng mục xây dựng và các nội dung triển khai chính của dự án	MoTaDuAn	Text				
LoaiNganhNghe KinhTe	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	loại ngành nghề kinh tế	Phân loại ngành nghề kinh tế của dự án	LoaiNganhNghe eKinhTe	C_LoaiNganhNghe eKinhTe				

DayChuyenPhan Khu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	dây chuyền phân khu	Các khâu dây chuyền phân khu sản xuất của dự án (tham chiếu cấu trúc S_DayChuyenPhanKhu)	DayChuyenPha nKhu	S_DayChuyenPhan Khu				
NguyenLieuSuD ung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	nguyên liệu sử dụng	Mô tả các nguyên liệu sử dụng của tổng thể dự án	NguyenLieuSu Dung	Text				
NhienLieuSuDu ng	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	nhiên liệu sử dụng	Mô tả các nhiên liệu sử dụng của tổng thể dự án	NhienLieuSuD ung	Text				
HoaChatSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	hóa chất sử dụng	Mô tả các hóa chất sử dụng của tổng thể dự án	HoaChatSuDun g	Text				
NguonNuocSuD ung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	nguồn nước sử dụng	Mô tả nguồn nước sử dụng của dự án	NguonNuocSu Dung	Text				
LuongNuocSuD ung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	lượng nước sử dụng	Lượng nước sử dụng (m3/ngày)	LuongNuocSu Dung	Number				
QuyMoPhatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	quy mô phát thải	Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án (tham chiếu cấu trúc S_QuyMoPhatThai)	QuyMoPhatTha i	S_QuyMoPhatTha i				
TacDongMoiTru ong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tác động môi trường	Mô tả các tác động môi trường chính của dự án	TacDongMoiTr uong	Text				
GiaiDoanTrienK hai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Giai đoạn triển khai	Lựa chọn giai đoạn triển khai của dự án	GiaiDoanTrien Khai	C_GiaiDoanTrien Khai				
HeThongThuGo mChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	hệ thống thu gom chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_HeThongThuGomChatThai	HeThongThuG omChatThai	S_HeThongThuGo mChatThai				
KhoBaiLuuGiuC hatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	kho bãi lưu giữ chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_KhoBaiLuuGiuChatThai	KhoBaiLuuGiu ChatThai	S_KhoBaiLuuGiu ChatThai				

CongTrinhXuLyChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	công trình xử lý chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_CongTrinhXuLyChatThai	CongTrinhXuLyChatThai	S_CongTrinhXuLyChatThai				
MoTaCongTrinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mô tả công trình	Mô tả các chức năng, thiết bị chính của công trình, công nghệ, thông số kỹ thuật	MoTaCongTrinh	Text				
QuyTrinhCongNghe	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	quy trình công nghệ	Mô tả tóm tắt quy trình công nghệ của công trình	QuyTrinhCongNghe	Text				
QuyChuanMoiTruong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	quy chuẩn môi trường	Danh mục các quy chuẩn áp dụng	QuyChuanMoiTruong	C_QuyChuanMoiTruong				
MoTaCongTrinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mô tả công trình	Mô tả các chức năng, thiết bị chính của công trình, công nghệ, thông số kỹ thuật	MoTaCongTrinh	Text				
HeThongTaiChePheLieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	hệ thống tái chế phế liệu	BVMT đối với nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (Phần 1, Mã thông tin NT.2.7, Phụ lục V, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT); Tham chiếu cấu trúc S_HeThongTaiChePheLieu	HeThongTaiChePheLieu	S_HeThongTaiChePheLieu				
- MoTaCongTrinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	- mô tả công trình	Mô tả tên, công suất của hệ thống/thiết bị	- MoTaCongTrinh	Text				
TramQuanTracTuDong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Trạm quan trắc tự động	Tham chiếu cấu trúc S_TramQuanTracTuDong	TramQuanTracTuDong	S_TramQuanTracTuDong				
GiamSatNguonPhatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Giám sát nguồn phát thải	Các chương trình tự giám sát nguồn thải theo nội dung đánh giá ĐTM.	GiamSatNguonPhatThai	S_GiamSatNguonPhatThai				

KetQuaQTMT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	kết quả QTMT	Tham chiếu cấu trúc T_KetQuaQTMT	KetQuaQTMT	T_KetQuaQTMT				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	TenGoi	Text				
DiaChi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	địa chỉ	Thông tin địa chỉ (Tham chiếu cấu trúc thiết kế S_DiaChi)	DiaChi	S_DiaChi				
ViTriDiaLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	vị trí địa lý	Tọa độ địa lý của cơ sở	ViTriDiaLy	GeoJSON				
DoiTuongDiaLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đối tượng địa lý	Đối tượng địa lý dùng để biểu diễn trên bản đồ ở các tỉ lệ	DoiTuongDiaLy	S_DoiTuongDiaLy				
ChuDauTu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	chủ đầu tư	Thông tin chủ dự án đầu tư: cá nhân, tổ chức (tham chiếu cấu trúc T_ChuDauTu)	ChuDauTu	T_ChuDauTu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu chủ nguồn thải (cho dự án có chung chủ đầu tư)	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi của chủ đầu tư	TenGoi	Text				
LoaiKhuSXKD DVT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	loại khu SXKDDVT	Loại hình của các cơ sở cần quản lý cấp phép và đăng ký môi trường theo luật BVMT:	LoaiKhuSXKD DVT	C_LoiHinhCoSo				
TongDienTich	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tổng diện tích	Tổng diện tích (m2) của cơ sở	TongDienTich	Number				

TiLeLapDay	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tỉ lệ lấp đầy	Tỷ lệ lấp đầy (%) đối với cơ sở sản xuất tập trung	TiLeLapDay	Number				
NhomDuAn	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	nhóm dự án	Phân nhóm dự án theo Luật BVMT 2020	NhomDuAn	C_NhomDuAn				
CapQuanLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cấp quản lý	Danh mục Cấp quản lý	CapQuanLy	C_CapQuanLy				
CoQuanQuanLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cơ quan quản lý	Cơ quan quản lý theo thẩm quyền cấp phép	CoQuanQuanLy	T_CoQuanDonVi				
LoaiNganhNgheKinhTe	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	loại ngành nghề kinh tế	Phân loại ngành nghề kinh tế của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	LoaiNganhNgheKinhTe	C_LoaiNganhNgheKinhTe				
TinhTrangONhiem	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tình trạng ô nhiễm	Phân loại mức độ ô nhiễm: Không ô nhiễm môi trường; Ô nhiễm môi trường; Ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	TinhTrangONhiem	C_TinhTrangONhiem				
NamHoatDong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	năm hoạt động	Thời điểm (năm) bắt đầu hoạt động khai thác vận hành	NamHoatDong	Number				
TinhTrangHoatDong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tình trạng hoạt động	Tình trạng hoạt động	TinhTrangHoatDong	C_TinhTrangHoatDong				
DTM	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	DTM	Tham chiếu đến dữ liệu DTM	DTM	T_VanBanDTM				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mã định danh	Mã định danh dùng để tham chiếu tới dữ liệu DTM	MaDinhDanh	URI				
GiayPhepMoiTruong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	giấy phép môi trường	Tham chiếu đến dữ liệu Giấy phép môi trường	GiayPhepMoiTruong	T_GiayPhepMoiTruong				

MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mã định danh	Mã định danh dùng để tham chiếu tới dữ liệu giấy phép môi trường	MaDinhDanh	URI				
Kê khai chất thải	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Kê khai chất thải		Kê khai chất thải					
Chất thải	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	chất thải	Tổng hợp khối lượng phát sinh chất thải thực tế (Mã thông tin NT.2.10.1 - Nước thải sinh hoạt/nước thải sản xuất; NT.2.10.2 - Nước làm mát; NT.2.10.4 - Chất thải rắn sinh hoạt (CTRS); NT.2.10.5 - Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT); NT.2.10.6 - Chất thải nguy hại (CTNH); NT.2.10.9 - Chất thải khác, Phụ lục V, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)	Chất thải					
NamBaoCao	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Năm báo cáo	Thời điểm kê khai chất thải	NamBaoCao	Number				
LoaiHinhChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	loại hình chất thải	Loại hình chất thải: nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, CTNH, CTRSH, CTCRCNTT	LoaiHinhChatThai	C_LoaiHinhChatThai				
ChungLoaiChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Chủng loại chất thải	Tên chủng loại/thành phần chất thải	ChungLoaiChatThai	Text				

TenChatThaiNguyHai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên chất thải nguy hại	Danh mục chất thải nguy hại, danh mục chất thải y tế nguy hại (Chỉ thiết kế đối với loại hình chất thải là: CTNH, CTYTNH)	TenChatThaiNguyHai	C_LoaiCTNH				
KhoiLuongPhatSinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng phát sinh	Lưu lượng nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp; Khối lượng CTNH, CTRSH, CTCRNTT phát sinh tại cơ sở	KhoiLuongPhatSinh	Number				
KhoiLuongTaiSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng tái sử dụng	Lưu lượng nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp; Khối lượng CTNH, CTRSH, CTCRNTT được thu hồi, tái sử dụng	KhoiLuongTaiSuDung	Number				
KhoiLuongSuDungTrucTiepLamNguyenLieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu	Khối lượng CTRSH, CTCRNTT được sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu sản xuất tại cơ sở (Chỉ thiết kế đối với loại hình chất thải là: CTRSH, CTCRNTT)	KhoiLuongSuDungTrucTiepLamNguyenLieu	Number				
KhoiLuongChuyenGiaoLamNguyenLieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng chuyển giao làm nguyên liệu	Khối lượng CTRSH, CTCRNTT được chuyển giao làm nguyên liệu, nhiên liệu sản xuất tại cơ sở (Chỉ thiết kế đối với loại hình chất thải là: CTRSH, CTCRNTT)	KhoiLuongChuyenGiaoLamNguyenLieu	Number				

KhoiLuongTuXuLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng tự xử lý	Lưu lượng nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp; Khối lượng CTNH, CTRSH, CTCRNTT tự xử lý	KhoiLuongTuXuLy	Number				
KhoiLuongThueXuLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng thuê xử lý	Lưu lượng nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp; Khối lượng CTNH, CTRSH, CTCRNTT được thuê xử lý	KhoiLuongThueXuLy	Number				
KhoiLuongXuLyDatQuyChuan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng xử lý đạt quy chuẩn	Lưu lượng nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp; Khối lượng CTNH, CTRSH, CTCRNTT được xử lý đạt quy chuẩn	KhoiLuongXuLyDatQuyChuan	Number				
CongNgheXuLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	công nghệ xử lý	Công nghệ, phương pháp xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp; Khối lượng CTNH, CTRSH, CTCRNTT	CongNgheXuLy	Text				
DonViTiepNhanXuLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đơn vị tiếp nhận xử lý	Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải để xử lý	DonViTiepNhanXuLy	Text				
KhoiLuongXuatKhau	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng xuất khẩu	Khối lượng CTNH được xuất khẩu theo từng đơn vị vận chuyển CTNH xuyên biên giới (Chỉ thiết kế đối với loại hình chất thải là: CTNH)	KhoiLuongXuatKhau	Number				

DonViVanChuyenXuyenBienGioi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đơn vị vận chuyển xuyên biên giới	Tên, địa chỉ đơn vị vận chuyển CTNH xuyên biên giới (Chỉ thiết kế đối với loại hình chất thải là: CTNH)	DonViVanChuyenXuyenBienGioi	Text				
DonViXuLyNuocNgoai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đơn vị xử lý nước ngoài	Tên, địa chỉ đơn vị xử lý ở nước ngoài (Chỉ thiết kế đối với loại hình chất thải là: CTNH)	DonViXuLyNuocNgoai	Text				
Hạ tầng kỹ thuật BVMT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	hạ tầng kỹ thuật BVMT		Hạ tầng kỹ thuật BVMT					
HeThongThuGomChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	hệ thống thu gom chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_HeThongThuGomChatThai	HeThongThuGomChatThai	S_HeThongThuGomChatThai				
KhoBaiLuuGiucChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	kho bãi lưu giữ chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_KhoBaiLuuGiucChatThai	KhoBaiLuuGiucChatThai	S_KhoBaiLuuGiucChatThai				
CongTrinhXuLyChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	công trình xử lý chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_CongTrinhXuLyChatThai	CongTrinhXuLyChatThai	S_CongTrinhXuLyChatThai				
Công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung		Công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung					
MoTaCongTrinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mô tả công trình	Mô tả các chức năng, thiết bị chính của công trình, công nghệ, thông số kỹ thuật	MoTaCongTrinh	Text				
QuyTrinhCongNghe	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	quy trình công nghệ	Mô tả tóm tắt quy trình công nghệ của công trình	QuyTrinhCongNghe	Text				
QuyChuanMoiTruong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	quy chuẩn môi trường	Danh mục các quy chuẩn áp dụng	QuyChuanMoiTruong	C_QuyChuanMoiTruong				

Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường		Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Text				
MoTaCongTrinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mô tả công trình	Mô tả các chức năng, thiết bị chính của công trình, công nghệ, thông số kỹ thuật	MoTaCongTrinh	S_TramQuanTracTuDong				
Giám sát môi trường	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	giám sát môi trường		Giám sát môi trường					
TramQuanTracTuDong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Trạm quan trắc tự động	Tham chiếu cấu trúc S_TramQuanTracTuDong	TramQuanTracTuDong	S_TramQuanTracTuDong				
KetQuaQTMT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	kết quả QTMT	Tham chiếu cấu trúc T_KetQuaQTMT (quy định trong nhóm Chất lượng môi trường)	KetQuaQTMT	T_KetQuaQTMT				
ThanhTraMoiTruong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	thanh tra môi trường	Thông tin đoàn thanh tra, kết luận thanh tra, xử lý vi phạm hành chính (tham chiếu cấu trúc T_DoanThanhTraKiemTra	ThanhTraMoiTruong	T_DoanThanhTraKiemTra				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
TenLangNghe	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên làng nghề	Tên gọi của làng nghề	TenLangNghe	Text				
DiaChi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	địa chỉ	Địa chỉ làng nghề	DiaChi	S_DiaChi				
ViTriDiaLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	vị trí địa lý	Vị trí trên bản đồ nền địa lý	ViTriDiaLy	GeoJSON				

DoiTuongDiaLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đối tượng địa lý	Đối tượng địa lý dùng để biểu diễn trên bản đồ ở các tỉ lệ (tham chiếu cấu trúc S_DoiTuongDiaLy)	DoiTuongDiaLy	S_DoiTuongDiaLy				
LoaiHinhLangNghe	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	loại hình làng nghề	Loại hình làng nghề	LoaiHinhLangNghe	C_LoiHinhLangNghe				
TinhTrangONhiem	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tình trạng ô nhiễm	Tình trạng ô nhiễm	TinhTrangONhiem	C_TinhTrangONhiem				
DanhHieuLangNghe	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	danh hiệu làng nghề	Danh hiệu đã được công nhận: Làng nghề, Làng nghề truyền thống	DanhHieuLangNghe	C_DanhHieuLangNghe				
ThoiDiemHinhThanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Thời điểm hình thành	Năm hình thành làng nghề	ThoiDiemHinhThanh	Text				
SoHoSanXuat	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số hộ sản xuất	Số hộ sản xuất trong làng nghề	SoHoSanXuat	Number				
TongSoLaoDong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tổng số lao động	Tổng số lao động làm việc	TongSoLaoDong	Number				
PhuonAnLangNghe	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Phương án làng nghề	Tham chiếu cấu trúc T_PhuongAnBaoVeLangNghe	PhuonAnLangNghe	T_PhuongAnBVMTLangNghe				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu đến dữ liệu phương án bảo vệ môi trường	MaDinhDanh	URI				
Kê khai chất thải	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	kê khai chất thải		Kê khai chất thải					

Chất thải	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	chất thải	Tổng hợp khối lượng phát sinh chất thải thực tế (Mã thông tin NT.2.10.1 - Nước thải sinh hoạt/nước thải sản xuất; NT.2.10.4 - Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH); NT.2.10.5 - Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT); NT.2.10.6 - Chất thải nguy hại (CTNH); NT.2.10.9 - Chất thải khác, Phụ lục V, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)	Chất thải					
NamBaoCao	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Năm báo cáo	Thời điểm kê khai chất thải	NamBaoCao	Number				
LoaiHinhChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	loại hình chất thải	Loại hình chất thải: nước thải, chất thải rắn	LoaiHinhChatThai	C_LoaiHinhChatThai				
ChungLoaiChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	chung loại chất thải	Tên chung loại/thành phần chất thải	ChungLoaiChatThai	Number				
KhoiLuongPhatSinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng phát sinh	Lưu lượng nước thải; Khối lượng chất thải rắn	KhoiLuongPhatSinh	Number				
KhoiLuongThueXuLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng thu xử lý	Lưu lượng nước thải; Khối lượng chất thải rắn	KhoiLuongThueXuLy	Number				
KhoiLuongXuLyDatQuyChuan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng xử lý đạt quy chuẩn	Lưu lượng nước thải; Khối lượng chất thải rắn được xử lý đạt quy chuẩn	KhoiLuongXuLyDatQuyChuan	Text				
CongNgheXuLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	công nghệ xử lý	Lưu lượng nước thải; Khối lượng chất thải rắn	CongNgheXuLy	Text				

DonViTiepNhanXuLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đơn vị tiếp nhận xử lý	Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải để xử lý	DonViTiepNhanXuLy	Text				
Hạ tầng kỹ thuật BVMT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	hạ tầng kỹ thuật BVMT		Hạ tầng kỹ thuật BVMT					
HeThongThuGomChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	hệ thống thu gom chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_HeThongThuGomChatThai	HeThongThuGomChatThai	S_HeThongThuGomChatThai				
KhoBaiLuuGiuChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	kho bãi lưu giữ chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_KhoBaiLuuGiuChatThai	KhoBaiLuuGiuChatThai	S_KhoBaiLuuGiuChatThai				
CongTrinhXuLyChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	công trình xử lý chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_CongTrinhXuLyChatThai	CongTrinhXuLyChatThai	S_CongTrinhXuLyChatThai				
Giám sát môi trường	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	giám sát môi trường		Giám sát môi trường					
TramQuanTracTuDong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Trạm quan trắc tự động	Tham chiếu cấu trúc S_TramQuanTracTuDong	TramQuanTracTuDong	S_TramQuanTracTuDong				
KetQuaQTMT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	kết quả QTMT	Tham chiếu cấu trúc T_KetQuaQTMT (quy định trong nhóm Chất lượng môi trường)	KetQuaQTMT	T_KetQuaQTMT				
Thông tin chung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	thông tin chung		Thông tin chung					
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
LoaiHinhCoSo	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	loại hình cơ sở	Loại hình của các cơ sở cần quản lý cấp phép và đăng ký môi trường theo luật BVMT:	LoaiHinhCoSo	C_LoiHinhCoSo				

TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi của cơ sở	TenGoi	Text				
DiaChi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	địa chỉ	Địa chỉ hoạt động của cơ sở	DiaChi	S_DiaChi				
ViTriDiaLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	vị trí địa lý	Tọa độ địa lý của cơ sở	ViTriDiaLy	GeoJSON				
DoiTuongDiaLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đối tượng địa lý	Đối tượng địa lý dùng để biểu diễn trên bản đồ ở các tỉ lệ (tham chiếu cấu trúc S_DoiTuongDiaLy)	DoiTuongDiaLy	S_DoiTuongDiaLy				
TongDienTich	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tổng diện tích	Tổng diện tích (m2) của cơ sở	TongDienTich	Number				
ChuCoSo	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	chủ cơ sở	Thông tin chủ đầu tư của cơ sở	ChuCoSo	T_ChuDauTu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu chủ nguồn thải (nếu có)	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi của chủ đầu tư	TenGoi	Text				
LoaiNganhNgheKinhTe	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	loại ngành nghề kinh tế	Phân loại ngành nghề kinh tế của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	LoaiNganhNgheKinhTe	C_LoaiNganhNgheKinhTe				
NhomDuAn	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Nhóm dự án	Phân nhóm dự án theo Luật BVMT 2020	NhomDuAn	C_NhomDuAn				
LoaiHinhGayO Nhiem	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	loại hình gây ô nhiễm	Danh mục Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	LoaiHinhGayO Nhiem	C_LoiHinhGayO Nhiem				

TrongKhuTapTrung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	trong khu tập trung	Nằm trong khu sản xuất tập trung là KCN/KCX/CNC, Cụm công nghiệp, Làng nghề	TrongKhuTapTrung	T_MoiTruongLangNhe				
CapQuanLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cấp quản lý	Danh mục Cấp quản lý	CapQuanLy	C_CapQuanLy				
CoQuanQuanLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cơ quan quản lý	Cơ quan quản lý theo thẩm quyền cấp phép	CoQuanQuanLy	T_CoQuanDonVi				
NamHoatDong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Năm hoạt động	Thời điểm (năm) bắt đầu hoạt động khai thác vận hành	NamHoatDong	Number				
DTM/Kế hoạch BVMT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	đtm/kế hoạch bvmt	Tham chiếu đến dữ liệu ĐTM	DTM/Kế hoạch BVMT	T_VanBanDTM				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh dùng để tham chiếu tới dữ liệu ĐTM	MaDinhDanh	URI				
Giấy phép Môi trường	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	giấy phép môi trường	Tham chiếu đến dữ liệu Giấy phép môi trường	Giấy phép Môi trường	T_GiayPhépMoiTruong				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh dùng để tham chiếu tới dữ liệu giấy phép môi trường	MaDinhDanh	URI				
Đăng ký BVMT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	đăng ký bvmt	Tham chiếu đến dữ liệu Đăng ký môi trường	Đăng ký BVMT	T_DangKyMoiTruong				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh dùng để tham chiếu tới dữ liệu đăng ký môi trường	MaDinhDanh	URI				
Các hạng mục tác động đến môi trường	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	các hạng mục tác động đến môi trường		Các hạng mục tác động đến môi trường					
DayChuyenPhanKhu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	dây chuyền phân khu	Các hạng mục công trình (dây chuyền sản xuất)	DayChuyenPhanKhu	S_DayChuyenPhanKhu				

TongCongSuatThietKe	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tổng công suất thiết kế	Tổng công xuất thiết kế của tất cả các dây chuyền, phân khu sản xuất trong cơ sở	TongCongSuatThietKe	Number				
TongCongSuatThucTe	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tổng công suất thực tế	Tổng công xuất thực tế của dây chuyền, phân khu sản xuất trong cơ sở	TongCongSuatThucTe	Number				
NguyenLieuSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	nguyên liệu sử dụng	Mô tả các nguyên liệu sử dụng của cơ sở	NguyenLieuSuDung	Text				
NhienLieuSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	nhiên liệu sử dụng	Mô tả các nhiên liệu sử dụng của cơ sở	NhienLieuSuDung	Text				
HoaChatSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	hóa chất sử dụng	Mô tả các hóa chất sử dụng của cơ sở	HoaChatSuDung	Text				
NguonNuocSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	nguồn nước sử dụng	Mô tả nguồn nước sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất	NguonNuocSuDung	Text				
LuongNuocSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	lượng nước sử dụng	Lượng nước sử dụng (m3/ngày)	LuongNuocSuDung	Number				
TinhTrangHoatDong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tình trạng hoạt động	Tình trạng hoạt động	TinhTrangHoatDong	C_TinhTrangHoatDong				
TinhTrangONhiem	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tình trạng ô nhiễm	Phân loại mức độ ô nhiễm: Không ô nhiễm môi trường; Ô nhiễm môi trường; Ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	TinhTrangONhiem	C_TinhTrangONhiem				
Kê khai chất thải	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	kê khai chất thải		Kê khai chất thải					
NamBaoCao	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Năm báo cáo	Thời điểm kê khai chất thải	NamBaoCao	Number				

LoaiHinhChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	loại hình chất thải	Loại hình chất thải: nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước làm mát, nước thải y tế, khí thải, CTNH, CTRSH, CTCRCNTT, chất thải y tế nguy hại, chất thải nhựa y tế	LoaiHinhChatThai	C_LoaiHinhChatThai				
ChungLoaiChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Chủng loại chất thải	Tên chủng loại/thành phần chất thải	ChungLoaiChatThai	Text				
TenChatThaiNguyHai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên chất thải nguy hại	Danh mục chất thải nguy hại, danh mục chất thải y tế nguy hại (Chỉ thiết kế đối với loại hình chất thải là: CTNH, CTYTNH)	TenChatThaiNguyHai	C_LoaiCTNH				
KhoiLuongPhatSinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng phát sinh	Lưu lượng nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước làm mát, nước thải y tế, khí thải; Khối lượng CTNH, CTRSH, CTCRCNTT, chất thải y tế nguy hại, chất thải nhựa y tế phát sinh tại cơ sở	KhoiLuongPhatSinh	Number				
KhoiLuongTaiSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng tái sử dụng	Lưu lượng nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước làm mát, nước thải y tế, khí thải; Khối lượng CTNH, CTRSH, CTCRCNTT, chất thải y tế nguy hại, chất thải nhựa y tế được thu hồi, tái sử dụng	KhoiLuongTaiSuDung	Number				

KhoiLuongSuDungTrucTiepLamNguyenLieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu	Khối lượng CTRSH, CTCRNTT được sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu sản xuất tại cơ sở (Chỉ thiết kế đối với loại hình chất thải là: CTRSH, CTCRNTT)	KhoiLuongSuDungTrucTiepLamNguyenLieu	Number				
KhoiLuongChuyenGiaoLamNguyenLieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng chuyển giao làm nguyên liệu	Khối lượng CTRSH, CTCRNTT được sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu sản xuất tại cơ sở (Chỉ thiết kế đối với loại hình chất thải là: CTRSH, CTCRNTT)	KhoiLuongChuyenGiaoLamNguyenLieu	Number				
KhoiLuongTuXuLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng tự xử lý	Lưu lượng nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước làm mát, nước thải y tế, khí thải; Khối lượng CTNH, CTRSH, CTCRNTT, chất thải y tế nguy hại, chất thải nhựa y tế tự xử lý	KhoiLuongTuXuLy	Number				
KhoiLuongThuexuLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng thuê xử lý	Lưu lượng nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước làm mát, nước thải y tế; Khối lượng CTNH, CTRSH, CTCRNTT, chất thải y tế nguy hại, chất thải nhựa y tế được thuê xử lý (đối với nước thải chính là lưu lượng nước thải đầu nối vào hệ thống nước thải)	KhoiLuongThuexuLy	Number				

KhoiLuongXuLyDatQuyChuan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng xử lý đạt quy chuẩn	Lưu lượng nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước làm mát, nước thải y tế, khí thải; Khối lượng CTNH, CTRSH, CTCRCNTT, chất thải y tế nguy hại, chất thải nhựa y tế	KhoiLuongXuLyDatQuyChuan	Number					
CongNgheXuLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	công nghệ xử lý	Công nghệ, phương pháp xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước làm mát, nước thải y tế, khí thải; CTNH, CTRSH, CTCRCNTT, chất thải y tế nguy hại, chất thải nhựa y tế	CongNgheXuLy	Text					
DonViTiepNhanXuLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đơn vị tiếp nhận xử lý	Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải để xử lý	DonViTiepNhanXuLy	Text					
KhoiLuongXuatKhai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng xuất khẩu	Khối lượng CTNH được xuất khẩu	KhoiLuongXuatKhai	Number					
DonViVanChuyenXuyenBienGioi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đơn vị vận chuyển xuyên biên giới	Tên, địa chỉ đơn vị vận chuyển CTNH	DonViVanChuyenXuyenBienGioi	Text					
DonViXuLyONuocNgoai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đơn vị xử lý ở nước ngoài	Tên, địa chỉ đơn vị xử lý ở nước ngoài (Chỉ thiết kế đối với loại hình chất thải là: CTNH)	DonViXuLyONuocNgoai	Text					
Hạ tầng kỹ thuật BVMT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	hạ tầng kỹ thuật bvmnt		Hạ tầng kỹ thuật BVMT						
CongTrinhXuLyChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	công trình xử lý chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_CongTrinhXuLyChatThai	CongTrinhXuLyChatThai	S_CongTrinhXuLyChatThai					

HeThongThuGomChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	hệ thống thu gom chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_HeThongThuGomChatThai	HeThongThuGomChatThai	S_HeThongThuGomChatThai				
KhoBaiLuuGiuChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	kho bãi lưu giữ chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_KhoBaiLuuGiuChatThai	KhoBaiLuuGiuChatThai	S_KhoBaiLuuGiuChatThai				
TramQuanTracTuDong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Trạm quan trắc tự động	Các trạm quan trắc tự động, liên tục:	TramQuanTracTuDong	S_TramQuanTracTuDong				
Công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung		Công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung					
MoTaCongTrinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mô tả công trình	Mô tả các chức năng, thiết bị chính của công trình, công nghệ, thông số kỹ thuật	MoTaCongTrinh	Text				
QuyTrinhCongNghe	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	quy trình công nghệ	Mô tả tóm tắt quy trình công nghệ của công trình	QuyTrinhCongNghe	Text				
QuyChuanMoiTruong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	quy chuẩn môi trường	Danh mục các quy chuẩn áp dụng	QuyChuanMoiTruong	C_QuyChuanMoiTruong				
Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường		Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường					
MoTaCongTrinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mô tả công trình	Mô tả các chức năng, thiết bị chính của công trình, công nghệ, thông số kỹ thuật	MoTaCongTrinh	Text				
HeThongTaiChePheLieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	hệ thống tái chế phế liệu	BVMT đối với nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (Phần 1, Mã thông tin NT.2.7, Phụ lục V, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)	HeThongTaiChePheLieu	S_HeThongTaiChePheLieu				

KhoiLuongChat KhoPhanHuy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng chất khó phân hủy	BVMT trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy (Mã thông tin NT.2.8, Phụ lục V, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)	KhoiLuongCha tKhoPhanHuy	S_KhoiL uongCha tKhoPhan Huy				
DangKyMienTr uPOP	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	đăng ký miễn trừ POP	Tham chiếu cấu trúc T_DangKyMienTruPOP	DangKyMienTr uPOP	T_DangK yMienTr uPOP				
KhoiLuongNhap KhaupheLieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng nhập khẩu phế liệu	Phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (số liệu thực hiện hàng năm) (Mã thông tin NT.2.10.11, Phụ lục V, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT); Tham chiếu cấu trúc S_KhoiLuongNhapKhaupheLieu	KhoiLuongNha pKhaupheLieu	S_KhoiL uongNha pKhauphe Lieu				
PhuongAnCaiTa oPhucHoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Phương án cải tạo phục hồi môi trường	Phương án cải tạo phục hồi môi trường khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải hoặc có bồi hoàn đa dạng sinh học (tham chiếu cấu trúc S_PhuongAnCaiTaoPhucHoi)	PhuongAnCaiT aoPhucHoi	S_Phuan gAnCaiT aoPhucH oi				
KetQuaCaiTaoP hucHoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	kết quả cải tạo phục hồi	Tham chiếu cấu trúc S_KetQuaCaiTaoPhucHoi	KetQuaCaiTao PhucHoi	S_KetQu aCaiTaoP hucHoi				

Giám sát môi trường	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	giám sát môi trường		Giám sát môi trường					
KetQuaQTMT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	kết quả qmtt	Tham chiếu cấu trúc T_KetQuaQTMT	KetQuaQTMT	T_KetQuaQTMT				
ThanhTraMoiTruong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	thanh tra môi trường	Thông tin đoàn thanh tra, kết luận thanh tra, xử lý vi phạm hành chính (tham chiếu cấu trúc T_DoanThanhTraKiemTra	ThanhTraMoiTruong	T_DoanThanhTraKiemTra				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
TenDonVi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên đơn vị	Tên gọi của tổ chức cấp chứng nhận	TenDonVi	Text				
DiaChi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	địa chỉ	Địa chỉ đăng kí hoạt động của đơn vị	DiaChi	S_DiaChi				
ChungNhanDVQTMT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Chứng nhận dvqmtt	Lĩnh vực, phạm vi thực hiện quan trắc	ChungNhanDVQTMT	T_ChungNhanDVQTMT				
TinhTrangHoatDong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tình trạng hoạt động	Tình trạng hoạt động	TinhTrangHoatDong	C_TinhTrangHoatDong				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
TenToChucCaNhan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên tổ chức cá nhân	Tên gọi của chủ đầu tư	TenToChucCaNhan	Text				
DiaChi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	địa chỉ	Địa chỉ nơi đăng ký hoạt động của chủ đầu tư (tham chiếu cấu trúc S_Diachi)	DiaChi	S_Diachi				

NhomChuDauTu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Nhóm chủ đầu tư	Nhóm chủ đầu tư:	NhomChuDauTu	C_NhomChuDauTu				
ĐangKyKinhDoanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đăng ký hộ kinh doanh	Giấy tờ chứng nhận đăng kí kinh doanh, chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ tương đương của tổ chức / cá nhân (tham chiếu cấu trúc S_GiayToChungNhan)	ĐangKyKinhDoanh	S_GiayToChungNhan				
MaSoThue	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mã số thuế	Mã số thuế của chủ đầu tư	MaSoThue	Text				
MaSoQLCTNH	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mã số QLCTNH	Mã số QLCTNH được cấp cho chủ nguồn thải	MaSoQLCTNH	Text				
ChungTuCTNH	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Chứng từ CTNH	Chứng từ chuyển giao xử lý chất thải nguy hại (tham chiếu cấu trúc T_ChungTuChatThaiNguyHai)	ChungTuCTNH	T_ChungTuChatThaiNguyHai				
NguoiDaiDien	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Người đại diện	Người đại diện theo pháp luật	NguoiDaiDien	Text				
DanhBaLienLac	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Danh bạ liên lạc	Thông tin danh bạ liên lạc của tổ chức (tham chiếu cấu trúc S_DanhBaLienLac)	DanhBaLienLac	S_DanhBaLienLac				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
TenDonVi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên đơn vị	Tên gọi của cơ quan đơn vị	TenDonVi	Text				
TenTiengAnh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên tiếng anh	Tên giao dịch tiếng Anh	TenTiengAnh	Text				

TenVietTat	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên viết tắt	Tên viết tắt của tổ chức	TenVietTat	Text				
DiaChi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	địa chỉ	Địa chỉ nơi hoạt động (tham chiếu cấu trúc S_DiaChi)	DiaChi	S_DiaChi				
ToChucCapTren	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tổ chức cấp trên	Cơ quan cấp trên	ToChucCapTren	T_CoQuanDonVi				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mã định danh	Mã định danh tham chiếu nếu có chung tổ chức cấp trên	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên của cơ quan cấp trên	TenGoi	Text				
CapQuanLy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cấp quản lý	Danh mục Cấp quản lý	CapQuanLy	C_CapQuanLy				
DanhBaLienLac	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Danh bạ liên lạc	Thông tin danh bạ liên lạc của tổ chức (tham chiếu cấu trúc S_DanhBaLienLac)	DanhBaLienLac	S_DanhBaLienLac				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
TenLoaiVanBanDTM	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên loại văn bản dtm	ĐTM/Kế hoạch BVMT...	TenLoaiVanBanDTM	C_LoaiVanBanDTM				
SoHieuVanBan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số hiệu văn bản	Số và kí hiệu văn bản	SoHieuVanBan	Text				
NgayBanHanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày ban hành	Ngày ban hành	NgayBanHanh	Date				
CoQuanBanHanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cơ quan ban hành	Cơ quan ban hành văn bản ĐTM/Kế hoạch BVMT...	CoQuanBanHanh	T_CoQuanDonVi				

MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Tham chiếu mã định danh của cơ quan ban hành	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên của cơ quan ban hành	TenGoi	Text				
ChuDauTu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	chủ đầu tư	Thông tin chủ dự án đầu tư (cá nhân, tổ chức)	ChuDauTu	T_ChuDauTu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Tham chiếu mã định danh nếu có chung chủ đầu tư	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi chủ đầu tư	TenGoi	Text				
NoiDungDTM	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Nội dung ĐTM	Nội dung phê duyệt ĐTM của dự án	NoiDungDTM	Text				
MoiTruongDuAn	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	môi trường dự án	Tham chiếu thông tin của Dự án	MoiTruongDuAn	T_MoiTruongDuAn				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu của dự án	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên dự án	TenGoi	Text				
MoiTruongCoSo	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	môi trường cơ sở	Tham chiếu thông tin của cơ sở (khi cơ sở đang hoạt động và lập ĐTM mới)	MoiTruongCoSo	T_MoiTruongCoSo				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu của cơ sở	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi của cơ sở	TenGoi	Text				

MoiTruongKhu SXKDDVTT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	môi trường khu sxkddvtt	Tham chiếu thông tin của Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (khi Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động và lập ĐTM mới)	MoiTruongKhu SXKDDVTT	T_MoiTruongKhu SXKDDVTT				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	TenGoi	Text				
TepDulieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tệp dữ liệu	Các tệp dữ liệu văn bản đính kèm (tham chiếu T_TepDuLieu)	TepDulieu	T_TepDuLieu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh diện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
TenLoaiGiayPhepMoiTruong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên loại giấy phép môi trường	Giấy phép Môi trường (Luật BVMT 2014) và các loại giấy phép khác theo Luật BVMT 2014 (Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; Giấy phép xả khí thải; Giấy phép nhập khẩu phế liệu; Sổ chủ nguồn thải CTNH...)	TenLoaiGiayPhepMoiTruong	C_LoaiGiayPhepMoiTruong				
SoHieuVanBan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số hiệu văn bản	Số và kí hiệu văn bản	SoHieuVanBan	Text				

NgàyBanHanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày ban hành	Ngày ban hành	NgàyBanHanh	Date				
NgàyHetHan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày hết hạn	Ngày hết hạn hiệu lực của văn bản	NgàyHetHan	Date				
CoQuanBanHanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cơ quan ban hành	Cơ quan ban hành văn bản	CoQuanBanHanh	T_CoQuanDonVi				
ChuDauTu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	chủ đầu tư	Thông tin chủ dự án đầu tư (cá nhân, tổ chức)	ChuDauTu	T_ChuDauTu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu nếu có chung chủ đầu tư	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi chủ đầu tư	TenGoi	Text				
MoiTruongCoSo	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	môi trường cơ sở	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được giấy phép môi trường	MoiTruongCoSo	T_MoiTruongCoSo				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu dữ liệu hiện trạng của cơ sở được cấp giấy phép môi trường	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên của cơ sở được cấp phép môi trường	TenGoi	Text				
MoiTruongKhu SXKDDVTT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	môi trường khu sxkddvtt	Tham chiếu thông tin của Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (khi Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động và lập ĐTM mới)	MoiTruongKhu SXKDDVTT	T_MoiTruongKhu SXKDDVTT				

CapPhepXaNuocThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cấp phép xả nước thải	Nội dung cấp phép xả thải vào nguồn nước (tham chiếu cấu trúc S_CapPhepXaNuocThai)	CapPhepXaNuocThai	S_CapPhepXaNuocThai				
CapPhepXaKhiThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cấp phép xả khí thải	Nội dung cấp phép xả khí thải (tham chiếu cấu trúc S_CapPhepXaKhiThai)	CapPhepXaKhiThai	S_CapPhepXaKhiThai				
CapPhepTiengOnDoRung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cấp phép tiếng ồn độ rung	Nội dung cấp phép tiếng ồn, độ rung (tham chiếu cấu trúc S_CapPhepTiengOnDoRung)	CapPhepTiengOnDoRung	S_CapPhepTiengOnDoRung				
CapPhepNhapKhouPheLieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cấp phép nhập khẩu phế liệu	Nội dung cấp phép nhập khẩu phế liệu (tham chiếu cấu trúc S_CapPhepNhapKhouPheLieu)	CapPhepNhapKhouPheLieu	S_CapPhepNhapKhouPheLieu				
CapPhepXuLyCTNH	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cấp phép xử lý ctnh	Nội dung cấp phép xử lý CTNH (tham chiếu cấu trúc S_CapPhepXuLyCTNH)	CapPhepXuLyCTNH	S_CapPhepXuLyCTNH				
TepDulieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tệp dữ liệu	Các tệp dữ liệu văn bản đính kèm (tham chiếu cấu trúc)	TepDulieu	T_TepDulieu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
SoHieuVanBan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số hiệu văn bản	Số và kí hiệu văn	SoHieuVanBan	Text				
NgayBanHanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày ban hành	Ngày ban hành	NgayBanHanh	Date				

ChuDauTu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	chủ đầu tư	Thông tin chủ dự án đầu tư (cá nhân, tổ chức)	ChuDauTu	T_ChuDauTu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu nếu có chung chủ đầu tư	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi chủ đầu tư	TenGoi	Text				
MoiTruongCoSo	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	môi trường cơ sở	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được giấy phép môi trường	MoiTruongCoSo	T_MoiTruongCoSo				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu dữ liệu hiện trạng của cơ sở được cấp giấy phép môi trường	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên của cơ sở được cấp phép môi trường	TenGoi	Text				
DayChuyenPhanKhu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	dây chuyền phân khu	Các khối dây chuyền phân khu sản xuất của cơ sở (tham chiếu cấu trúc S_DayChuyenPhanKhu)	DayChuyenPhanKhu	S_DayChuyenPhanKhu				
TongCongSuatThietKe	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tổng công suất thiết kế	Tổng công suất thiết kế của tất cả các dây chuyền, phân khu sản xuất trong cơ sở	TongCongSuatThietKe	Number				
NguyenLieuSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	nguyên liệu sử dụng	Mô tả các nguyên liệu sử dụng của cơ sở	NguyenLieuSuDung	Text				
NhienLieuSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	nhiên liệu sử dụng	Mô tả các nhiên liệu sử dụng của cơ sở	NhienLieuSuDung	Text				
HoaChatSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	hóa chất sử dụng	Mô tả các hóa chất sử dụng của cơ sở	HoaChatSuDung	Text				

NguonNuocSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	nguồn nước sử dụng	Mô tả nguồn nước sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất	NguonNuocSuDung	Text				
LuongNuocSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	lượng nước sử dụng	Lượng nước sử dụng (m3/ngày)	LuongNuocSuDung	Number				
QuyMoPhatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	quy mô phát thải	Quy mô phát thải dự kiến theo đăng kí môi trường (tham chiếu cấu trúc S_QuyMoPhatThai)	QuyMoPhatThai	S_QuyMoPhatThai				
PhuongAnXuLyNuocThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	phương án xử lý nước thải	Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải	PhuongAnXuLyNuocThai	Text				
PhuongAnXuLyKhiThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	phương án xử lý khí thải	Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải	PhuongAnXuLyKhiThai	Text				
PhuongAnXuLyCTRSH	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	phương án xử lý ctrsh	Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	PhuongAnXuLyCTRSH	Text				
PhuongAnXuLyCTRCNTT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	phương án xử lý ctrcntt	Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	PhuongAnXuLyCTR CNTT	Text				
PhuongAnXuLyCTNH	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	phương án xử lý ctnh	Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại	PhuongAnXuLyCTNH	Text				
TepDulieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tệp dữ liệu	Các tệp dữ liệu văn bản đính kèm (tham chiếu cấu trúc T_TepDuLieu)	TepDulieu	T_TepDuLieu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
SoHieuVanBan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số hiệu văn bản	Số và kí hiệu văn bản	SoHieuVanBan	Text				

NgàyBanHanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày ban hành	Ngày ban hành	NgàyBanHanh	Date				
CoQuanBanHan h	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cơ quan ban hành	Cơ quan ban hành	CoQuanBanHa nh	T_CoQua nDonVi				
LangNghe	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	làng nghề	Làng nghề được phê duyệt phương án	LangNghe	T_MoiTr uongLan gNghe				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu dữ liệu hiện trạng của làng nghề	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi làng nghề	TenGoi	Text				
HeThongThuGo mChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	hệ thống thu gom chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_HeThongThuGomChatThai	HeThongThuG omChatThai	S_HeTho ngThuGo mChatTh ai				
KhoBaiLuuGiuC hatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	kho bãi lưu giữ chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_KhoBaiLuuGiuChatThai	KhoBaiLuuGiu ChatThai	S_KhoBa iLuuGiu ChatThai				
CongTrinhXuLy ChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	công trình xử lý chất thải	Tham chiếu cấu trúc S_CongTrinhXuLyChatThai	CongTrinhXuL yChatThai	S_CongT rinhXuLy ChatThai				
TramQuanTracT uDong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Trạm quan trắc tự động	Tham chiếu cấu trúc S_TramQuanTracTuDong	TramQuanTrac TuDong	S_TramQ uanTracT uDong				
TepDulieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tệp dữ liệu	Các tệp dữ liệu văn bản đính kèm (tham chiếu cấu trúc T_TepDuLieu)	TepDulieu	T_TepDu Lieu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
SoHieuVanBan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số hiệu văn bản	Số Vimcerts	SoHieuVanBan	Text				

CoQuanBanHan h	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	cơ quan ban hành	Cơ quan ban hành	CoQuanBanHa nh	T_CoQua nDonVi				
NgayBanHanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày ban hành	Ngày ban hành	NgayBanHanh	Date				
NgayHieuLuc	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày hiệu lực	Ngày bắt đầu có hiệu lực	NgayHieuLuc	Date				
NgayHetHan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày hết hạn	Ngày hết hạn của giấy chứng nhận	NgayHetHan	Date				
DonViDVQMT T	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đơn vị dvqmt	Tổ chức hoạt động dịch vụ QTMT được cấp giấy chứng nhận	DonViDVQMT T	T_DonVi DVQMT T				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu tổ chức hoạt động dịch vụ QTMT	MaDinhDanh	URI				
TenDonVi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên đơn vị	Tên gọi của tổ chức hoạt động dịch vụ QTMT	TenDonVi	Text				
Vimcerts	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	vimcerts	Số Vimcert được cấp cho tổ chức hoạt động dịch vụ QTMT	Vimcerts	Number				
LinhVucPhamVi ChungNhan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Lĩnh vực, phạm vi chứng nhận	Lĩnh vực, phạm vi thực hiện quan trắc ghi trong GCN	LinhVucPham ViChungNhan	S_LinhV ucPhamV iQTMT				
TepDulieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tập dữ liệu	Các tập dữ liệu văn bản đính kèm	TepDulieu	T_TepDu Lieu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
SoHieuVanBan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số hiệu văn bản	Số và kí hiệu văn bản	SoHieuVanBan	Text				
CoQuanBanHan h	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Cơ quan ban hành	Cơ quan ban hành	CoQuanBanHa nh	T_CoQua nDonVi				

NgàyBanHanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày ban hành	Ngày ban hành	NgàyBanHanh	Date				
ChuDauTu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	chủ đầu tư	Cá nhân, tổ chức được cấp GCN	ChuDauTu	T_ChuDauTu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã tham chiếu	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi của cá nhân tổ chức	TenGoi	Text				
MienTruPOP	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Miễn trừ POP	Đăng kí miễn trừ POP	MienTruPOP	S_MienTruPOP				
TenChatPOP	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên chất pop	Tên chất đăng kí	TenChatPOP	Text				
ThoiGianMienTru	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Thời gian miễn trừ	Thời gian đăng kí miễn trừ	ThoiGianMienTru	Text				
KhoiLuongSanXuat	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng Sản xuất	Khối lượng đăng kí sản xuất hàng năm	KhoiLuongSanXuat	Number				
KhoiLuongSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng sử dụng	Khối lượng đăng kí sử dụng hàng năm	KhoiLuongSuDung	Number				
LyDoDangKy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Lý do đăng ký	Lý do đăng ký	LyDoDangKy	Text				
GhiChu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	ghi chú	Ghi chú	GhiChu	Text				
MienTruRiengBiet	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Miễn trừ riêng biệt	Đăng kí miễn trừ riêng biệt	MienTruRiengBiet	S_MienTruRiengBiet				
LinhVucMienTruPOP	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Lĩnh vực miễn trừ pop	Tên chất đăng kí	LinhVucMienTruPOP	C_LinhVucMienTruPOP				

SoCASTenThuongMai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số CAS tên thương mại	Số CAS đăng kí miễn trừ riêng biệt	SoCASTenThuongMai	C_SoCASTenThuongMai				
ThoiGianMienTru	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Thời gian miễn trừ	Thời gian đăng kí miễn trừ	ThoiGianMienTru	Text				
LyDoDangKy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Lý do đăng ký	Lý do đăng ký	LyDoDangKy	Text				
GhiChu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	ghi chú	Ghi chú	GhiChu	Text				
MienTruMucDich	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Miễn trừ mục đích	Đăng kí miễn trừ theo mục đích	MienTruMucDich	S_MienTruMucDich				
CoSanXuat	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Có sản xuất	Có mục đích sản xuất	CoSanXuat	Boolean				
NgayDuKienSanXuat	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày dự kiến sản xuất	Ngày dự kiến sản xuất	NgayDuKienSanXuat	Date				
CoSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Có sử dụng	Có mục đích sử dụng	CoSuDung	Boolean				
NgayDuKienSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày dự kiến sử dụng	Thời gian đăng kí miễn trừ	NgayDuKienSuDung	Date				
MucDichSanXuatSuDung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mục đích sản xuất sử dụng	Mục đích sản xuất sử dụng	MucDichSanXuatSuDung	Text				
SoCASTenThuongMai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số cas tên thương mại	Số CAS đăng kí miễn trừ	SoCASTenThuongMai	C_SoCASTenThuongMai				
LyDoDangKy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Lý do đăng ký	Lý do đăng ký	LyDoDangKy	Text				
GhiChu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	ghi chú	Ghi chú	GhiChu	Text				

TepDulieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tệp dữ liệu	Các tệp dữ liệu văn bản đính kèm (Tham chiếu cấu trúc T_TepDuLieu)	TepDulieu	T_TepDuLieu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
SoChungTuCTNH	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số chứng từ CTNH	Số của chứng từ được thành lập	SoChungTuCTNH	Text				
ChuNguonThaiCTNH	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	chủ nguồn thải ctnh	Chủ nguồn thải CTNH	ChuNguonThaiCTNH	T_ChuDauTu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu của chủ nguồn thải	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi của chủ nguồn thải	TenGoi	Text				
MaSoQLCTNH	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	mã số qlctnh	Mã số QLCTNH của chủ nguồn thải	MaSoQLCTNH	Text				
ChuXuLyCTNH0	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Chủ xử lý CTNH	Chủ xử lý CTNH 1	ChuXuLyCTNH0	T_ChuDauTu				
ChuXuLyCTNH2	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Chủ xử lý CTNH 2	Chủ xử lý CTNH 2	ChuXuLyCTNH2	T_ChuDauTu				
NgayKeKhaiCTNH	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày kê khai ctnh	Ngày kê khai CTNH để xử lý	NgayKeKhaiCTNH	Date				
NgayXacNhanCTNH	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày xác nhận ctnh	Ngày xác nhận hoàn thành xử lý CTNH	NgayXacNhanCTNH	Date				
NgayTiepNhanCTNH O	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày tiếp nhận CTNH	Ngày tiếp nhận của chủ xử lý CTNH Không	NgayTiepNhanCTNH O	Date				

NgayTiepNhanCTNH2	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày tiếp nhận CTNH 2	Ngày tiếp nhận của chủ xử lý CTNH 2	NgayTiepNhanCTNH2	Date				
KhoiLuongXulyCTNH	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng xử lý ctnh	Khối lượng xử lý CTNH	KhoiLuongXulyCTNH	S_KhoiLuongXulyCTNH				
LoaiCTNH	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	loại ctnh	Danh mục mã và tên chất thải nguy hại (có thể gom theo nhóm và phân nhóm)	LoaiCTNH	C_LoiCTNH				
TrangThaiTonTai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Trạng thái tồn tại	Trạng thái tồn tại của CTNH	TrangThaiTonTai	Text				
KhoiLuong	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Khối lượng	Khối lượng xử lý (kg)	KhoiLuong	Number				
PhuongPhapXulyCTNH	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Phương pháp xử lý ctnh	Phương pháp xử lý CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Côn lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).	PhuongPhapXulyCTNH	C_PhuongPhapXulyCTNH				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
SoHieuVanBan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số hiệu văn bản	Số và kí hiệu văn bản	SoHieuVanBan	Text				
NgayBanHanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày ban hành	Ngày ban hành	NgayBanHanh	Date				

CoQuanBanHan h	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Cơ quan ban hành	Cơ quan ban hành	CoQuanBanHa nh	T_CoQua nDonVi				
ChuDauTu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	chủ đầu tư	Thông tin chủ đầu tư của dự án, cơ sở (Cá nhân, tổ chức được cấp GCN)	ChuDauTu	T_ChuDauTu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để tham chiếu dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi của chủ đầu tư (cá nhân, tổ chức)	TenGoi	Text				
MoiTruongCoSo	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	môi trường cơ sở	Tham chiếu thông tin của cơ sở (khi cơ sở đang hoạt động và lập ĐTM mới)	MoiTruongCoS o	T_MoiTruongCoS o				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu của cơ sở	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi của cơ sở	TenGoi	Text				
MoiTruongKhu S XKDDVTT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	môi trường khu sxkddvtt	Tham chiếu thông tin của Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (khi Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động và lập ĐTM mới)	MoiTruongKhu S XKDDVTT	T_MoiTruongKhu S XKDDVTT				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	MaDinhDanh	URI				

TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	TenGoi	Text				
PhuongAnCaiTaoPhucHoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Phương án cải tạo phục hồi	Nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường (tham chiếu cấu trúc S_PhuongAnCaiTaoPhucHoi)	PhuongAnCaiTaoPhucHoi	S_PhuongAnCaiTaoPhucHoi				
TepDulieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tập dữ liệu	Các tệp dữ liệu văn bản đính kèm (tham chiếu cấu trúc T_TepDuLieu)	TepDulieu	T_TepDuLieu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	tên gọi	Tên gọi đoàn thanh tra, kiểm tra	TenGoi	Text				
CoQuanQuyetDinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Cơ quan quyết định	Cơ quan ban hành	CoQuanQuyetDinh	T_CoQuanDonVi				
NgayBanHanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày ban hành	Ngày ban hành	NgayBanHanh	Date				
SoHieuVanBan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số hiệu văn bản	Số và kí hiệu văn bản	SoHieuVanBan	Text				
NamKeHoach	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Năm kế hoạch	Năm kế hoạch thực hiện thanh tra, kiểm tra	NamKeHoach	Number				
CheDoThanhTraKiemTra	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Chế độ thanh tra, kiểm tra	Chế độ thanh tra (Định kì/Đột xuất)	CheDoThanhTraKiemTra	C_CheDoThanhTraKiemTra				
DiaBanThanhTra	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Địa bàn thanh tra	Địa bàn thực hiện thanh tra, kiểm tra	DiaBanThanhTra	C_TinhThanh				

DonViChuTriThanhTra	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đơn vị chủ trì thanh tra	Đơn vị chủ trì tổ chức thanh tra, kiểm tra	DonViChuTriThanhTra	T_CoQuanDonVi				
ChuDauTu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Chủ đầu tư	Thông tin chủ đầu tư của dự án, cơ sở (Cá nhân, tổ chức được cấp GCN)	ChuDauTu	T_ChuDauTu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để tham chiếu dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tên gọi	Tên gọi của chủ đầu tư (cá nhân, tổ chức)	TenGoi	Text				
DuAn	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Dự án	Các dự án nằm trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra	DuAn	T_MoiTruongDuAn				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Tham chiếu mã định danh của dự án, cơ sở (trong trường hợp đã được cấp mã)	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tên gọi	Tên gọi của dự án, cơ sở	TenGoi	Text				
MoiTruongCoSo	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Môi trường cơ sở	Tham chiếu thông tin của cơ sở (khi cơ sở đang hoạt động và lập ĐTM mới)	MoiTruongCoSo	T_MoiTruongCoSo				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu của cơ sở	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tên gọi	Tên gọi của cơ sở	TenGoi	Text				

MoiTruongKhu SXKDDVTT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Môi trường khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung	Tham chiếu thông tin của Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (khi Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động và lập ĐTM mới)	MoiTruongKhu SXKDDVTT	T_MoiTruongKhu SXKDDVTT				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tên gọi	Tên gọi của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	TenGoi	Text				
TepDulieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tệp dữ liệu	Các tệp dữ liệu văn bản đính kèm (tham chiếu cấu trúc T_TepDuLieu)	TepDulieu	T_TepDuLieu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh điện tử dùng để chia sẻ dữ liệu	MaDinhDanh	URI				
CoQuanBanHanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Cơ quan ban hành	Cơ quan ban hành	CoQuanBanHanh	T_CoQuanDonVi				
NgayBanHanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày ban hành	Ngày ban hành	NgayBanHanh	Date				
SoHieuVanBan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số hiệu văn bản	Số và kí hiệu văn bản	SoHieuVanBan	Text				
DoanThanhTraKiemTra	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đoàn thanh tra, kiểm tra	Tham chiếu đoàn thanh tra, kiểm tra	DoanThanhTraKiemTra	T_DoanThanhTraKiemTra				

ChuDauTu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Chủ đầu tư	Chủ dự án, cơ sở được thanh tra kiểm tra	ChuDauTu	T_ChuDauTu				
-MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Tham chiếu mã định danh của chủ đầu tư (nếu có)	-MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tên gọi	Tên gọi của chủ đầu tư	TenGoi	Text				
DuAn	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Dự án	Các dự án nằm trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra	DuAn	T_MoiTruongDuAn				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Tham chiếu mã định danh của dự án, cơ sở (trong trường hợp đã được cấp mã)	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tên gọi	Tên gọi của dự án, cơ sở	TenGoi	Text				
MoiTruongCoSo	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Môi trường cơ sở	Tham chiếu thông tin của cơ sở (khi cơ sở đang hoạt động và lập ĐTM mới)	MoiTruongCoSo	T_MoiTruongCoSo				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu của cơ sở	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tên gọi	Tên gọi của cơ sở	TenGoi	Text				
MoiTruongKhu SXKDDVTT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Môi trường khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung	Tham chiếu thông tin của Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (khi Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động và lập ĐTM mới)	MoiTruongKhu SXKDDVTT	T_MoiTruongKhu SXKDDVTT				

MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tên gọi	Tên gọi của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	TenGoi	Text				
KetQuaThanhTraChatThai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Kết quả thanh tra chất thải	Kết quả thanh tra chất thải thực tế của cơ sở	KetQuaThanhTraChatThai	S_KetQuaThanhTraChatThai				
XuPhatViPhamHanhChinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Xử phạt vi phạm hành chính	Tham chiếu các biện pháp xử lý hành chính đã được áp dụng kèm theo	XuPhatViPhamHanhChinh	T_XuPhatViPhamHanhChinh				
TepDulieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tập dữ liệu	Các tệp dữ liệu văn bản đính kèm (tham chiếu cấu trúc T_TepDuLieu)	TepDulieu	T_TepDuLieu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã tham chiếu xử phạt vi phạm hành chính	MaDinhDanh	URI				
CoQuanQuyetDinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Cơ quan quyết định	Cơ quan quản lý ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính	CoQuanQuyetDinh	T_CoQuanDonVi				
NgayQuyetDinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày quyết định	Ngày ban hành	NgayQuyetDinh	Date				
SoHieuVanBan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số hiệu văn bản	Số và kí hiệu văn bản	SoHieuVanBan	Text				
ChuDauTu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư vi phạm hành chính	ChuDauTu	T_ChuDauTu				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã tham chiếu chủ đầu tư (nếu có)	MaDinhDanh	URI				

TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tên gọi	Tên gọi của chủ đầu tư	TenGoi	Text				
MoiTruongDuAn	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Môi trường dự án	Tham chiếu thông tin của Dự án	MoiTruongDuAn	T_MoiTruongDuAn				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu của dự án	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tên gọi	Tên dự án	TenGoi	Text				
MoiTruongCoSo	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Môi trường cơ sở	Tham chiếu thông tin của cơ sở (khi cơ sở đang hoạt động và lập ĐTM mới)	MoiTruongCoSo	T_MoiTruongCoSo				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu của cơ sở	MaDinhDanh	URI				
TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tên gọi	Tên gọi của cơ sở	TenGoi	Text				
MoiTruongKhu SXKDDVT	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Môi trường khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung	Tham chiếu thông tin của Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (khi Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động và lập ĐTM mới)	MoiTruongKhu SXKDDVT	T_MoiTruongKhu SXKDDVT				
MaDinhDanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Mã định danh	Mã định danh tham chiếu tới dữ liệu của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	MaDinhDanh	URI				

TenGoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tên gọi	Tên gọi của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	TenGoi	Text				
KhôngiDungVP HC	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Nội dung vi phạm hành chính	Các hành vi vi phạm theo nghị định	KhôngiDungV PHC	S_Không iDungVP HC				
HinhThucXuPha tChinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Hình thức xử phạt chính	Các hình thức xử phạt chính: Cảnh cáo; phạt tiền;	HinhThucXuPh atChinh	C_HinhT hucXuPh at				
SoTienPhatChin h	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số tiền phạt chính	Số tiền xử phạt chính	SoTienPhatChi nh	Number				
TongTienKhông p	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tổng tiền nộp	Tổng số tiền nộp ngân sách	TongTienKhôn gp	Number				
HinhThucXuPha tBoSung	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Hình thức xử phạt bổ sung	Các hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; Trục xuất	HinhThucXuPh atBoSung	C_HinhT hucXuPh at				
BienPhapKhacP huc	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Biện pháp khắc phục	Các biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm	BienPhapKhac Phuc	S_BienPh apKhacP huc				
KhôngiDungKha cPhuc	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Nội dung khắc phục	Nội dung mô tả biện pháp khắc phục	KhôngiDungKh acPhuc	Text				
SoTienKhacPhu c	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số tiền khắc phục	Số tiền nộp để khắc phục hậu quả	SoTienKhacPh uc	Number				
ThoiHanKhacPh uc	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Thời hạn khắc phục	Thời hạn để khắc phục	ThoiHanKhacP huc	Date				

ThoiHanChapHanh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Thời hạn chấp hành	Thời hạn chấp hành nộp phạt	ThoiHanChapHanh	Date				
TinhTrangHieuLuc	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tình trạng hiệu lực	Tình trạng hiệu lực xử phạt: Có hiệu lực; Sửa đổi bổ sung; Thu hồi quyết định	TinhTrangHieuLuc	C_TinhTrangHieuLuc				
NgayThayDoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Ngày thay đổi	Ngày thay đổi hiệu lực văn bản cuối cùng	NgayThayDoi	Date				
VanBanThayDoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Văn bản thay đổi	Số hiệu văn bản thay đổi cuối cùng	VanBanThayDoi	Text				
TepDulieu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tệp dữ liệu	Các tệp dữ liệu văn bản đính kèm (tham chiếu cấu trúc T_TepDuLieu)	TepDulieu	T_TepDuLieu				
LoaiThuPhi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Loại thu phí	Danh mục loại thu phí:	LoaiThuPhi	C_LoiThuPhi				
ToKhaiThuPhi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tờ khai thu phí	Tờ khai của Chủ đầu tư	ToKhaiThuPhi	S_ToKhaiThuPhi				
SoHieuToKhai	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số hiệu tờ khai	Số hiệu tờ khai	SoHieuToKhai	Text				
- NamKhongpPhi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Năm nộp phí	Năm khai nộp phí	- NamKhongpPhi	Number				
QuyKhongpPhi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Quý nộp phí	Quý khai nộp phí	QuyKhongpPhi	Number				
ChuDauTu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư của nguồn thải phải nộp phí	ChuDauTu	T_ChuDauTu				
CoSoSanXuat	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Cơ sở sản xuất	Nguồn phát sinh nước thải/khí thải	CoSoSanXuat	T_MoiTruongCoSo				

LuongNuocSDTB	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Lượng nước sử dụng trung bình	Lượng nước sử dụng trung bình ngày (thiết kế cho nước thải)	LuongNuocSDTB	Number				
DonViDo	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đơn vị đo	Đơn vị tính	DonViDo	C_DonViDo				
LuongNuocTBNam	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Lượng nước trung bình năm	Lượng nước trung bình của năm tính phí (thiết kế cho nước thải)	LuongNuocTBNam	Number				
DonViDo	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Đơn vị đo	Đơn vị tính	DonViDo	C_DonViDo				
SoPhiCoDinhPhaiKhongpTrongKy	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số phí cố định phải nộp trong kỳ	Số phí cố định phải nộp trong kỳ	SoPhiCoDinhPhaiKhongpTrongKy	Number				
SoPhiChamKhongpQuyTruoc	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số phí chậm nộp quý trước	Số phí từ quý trước chưa nộp hoặc nộp thiếu	SoPhiChamKhongpQuyTruoc	Number				
SoPhiKhongpThuaQuyTruoc	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số phí nộp thừa quý trước	Số phí nộp thừa từ quý trước	SoPhiKhongpThuaQuyTruoc	Number				
SoPhiBienDoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số phí biến đổi	Số phí biến đổi phải nộp	SoPhiBienDoi	Number				
LuongNuocPhatSinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Lượng nước phát sinh	Tổng lượng nước phát sinh trong quý (thiết kế cho nước thải)	LuongNuocPhatSinh	Number				
ThongSoONhiem	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Thông số ô nhiễm	Thông số có trong nguồn phát thải	ThongSoONhiem	C_ThongSoMoiTruong				
GiaTriThongSo	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Giá trị thông số	Giá trị theo từng thông số	GiaTriThongSo	Text				
SoPhiBienDoi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số phí biến đổi	Số phí biến đổi phải nộp trong quý	SoPhiBienDoi	Number				
FileDinhKem	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tệp đính kèm	Tờ khai của chủ đầu tư	FileDinhKem	file				

ThongBaoThuPhí	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Thông báo thu phí	Thông báo thu phí của cơ quan quản lý cho chủ nguồn thải	ThongBaoThuPhí	S_ThongBaoThuPhí					
SoHieuThongBao	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số hiệu thông báo	Số hiệu của văn bản thông báo thu phí	SoHieuThongBao	Text					
NamThuPhi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Năm thu phí	Năm thông báo thu phí	NamThuPhi	Number					
QuyThuPhi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Quý thu phí	Quý thông báo thu phí	QuyThuPhi	Number					
ChuDauTu	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư của nguồn thải phải nộp phí	ChuDauTu	T_ChuDauTu					
CoSoSanXuat	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Cơ sở sản xuất	Nguồn phát sinh nước thải/khí thải	CoSoSanXuat	T_MoiTruongCoSo					
ToKhaiThuPhi	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tờ khai thu phí	Tham chiếu tờ khai thu phí của chủ đầu tư	ToKhaiThuPhi	S_ToKhaiThuPhi					
GiaTriSauThamDinh	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Giá trị sau thẩm định	Thông tin sau thẩm định theo nội dung tờ khai	GiaTriSauThamDinh	Text					
SoTienPhiBVM	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số tiền phí bảo vệ môi trường	Số tiền phải nộp phí BVMT	SoTienPhiBVM	Number					
ThoiHanKhongp	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Thời hạn nộp	Thời hạn phải nộp	ThoiHanKhongp	Date					
KhoBacNhan	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Kho bạc nhận	Đơn vị tiếp nhận nộp phí	KhoBacNhan	T_CoQuanDonVi					
SoTK	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Số tài khoản	Số tài khoản để nộp phí	SoTK	Number					
FileDinhKem	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Lai Châu		1	Tệp đính kèm	Văn bản thông báo của cơ quan quản lý	FileDinhKem	file					

- ThuaDatID / maThuaDat_QG	Hệ thống quản lý thông tin đất đai	- Nhóm dữ liệu Người sử dụng đất & Chủ sở hữu tài sản.	1	- thuaDatID / nguoiSuDungID: Số nguyên lớn - Khóa chính	+ Dữ liệu Thuộc tính: Hồ sơ Địa chính cũ, Hồ sơ thủ tục hành chính.	- ThuaDatID / maThuaDat_Q G					
- SoToBD / soThua	Hệ thống quản lý thông tin đất đai	- Nhóm dữ liệu Quyền sử dụng & Giấy chứng nhận.	1	- maThuaDat_QG / soDinhDanh: Chuỗi ký tự không dấu	+ Dữ liệu Liên thông: Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Dân cư, Hệ thống cơ quan Thuế, Hệ thống Một cửa điện tử (Hành chính công)	- SoToBD / soThua					
- MaLoaiDat	Hệ thống quản lý thông tin đất đai	- Nhóm dữ liệu Biến động đất đai (Lịch sử giao dịch).	1	- soToBD / soThua: Số nguyên		- MaLoaiDat					
- LoaiDoiTuong	Hệ thống quản lý thông tin đất đai	- Nhóm dữ liệu Giá đất.	1	- dienTich: Số thực, lấy 2 số thập phân		- LoaiDoiTuong					
- TrangThaiHieuL uc	Hệ thống quản lý thông tin đất đai	- Nhóm dữ liệu Giá đất.	1	- maLoaiDat / maXa: Chuỗi mã ngắn		- TrangThaiHieu Luc					
Id	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Id		Id	Integer		Số		Sinh tự động
Name	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Tên cơ sở lưu trú		Name	Text	256	Chuỗi kỹ tự		Nhập tay
Accommodation TypeCategoryId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Loại hình lưu trú		Accommodatio nTypeCategory Id	Integer		Số		Đồ n g bộ
Accommodation RatingCategoryI d	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Xếp hạng lưu trú		Accommodatio nRatingCategor yId	Integer		Số		Đồ n g bộ
GeoUnitCode	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Xã/Phường		GeoUnitCode	Varchar	256	Chuỗi kỹ tự		Đồ n g bộ
Address	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Địa chỉ chi tiết		Address	Varchar	256	Chuỗi kỹ tự		Nhập tay
RoomNumber	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Số phòng		RoomNumber	Integer	50	Số		Nhập tay

MinPrice	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Giá phòng thấp nhất		MinPrice	Number	20	Số		Nhập tay
MaxPrice	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Giá phòng cao nhất		MaxPrice	Number	20	Số		Nhập tay
LandlinePhone	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Số điện thoại cố định		LandlinePhone	Varchar	20	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Phone	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Số điện thoại		Phone	Varchar	20	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Fax	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Số Fax		Fax	Varchar	64	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Email	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Email		Email	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Website	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Website		Website	Varchar	2000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
ManagementInformationCategoryId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Thông tin quản lý		ManagementInformationCategoryId	Integer		Số		Đồng bộ
AvatarPath	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Hình ảnh đại diện		AvatarPath	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Description	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Mô tả		Description	Varchar	8000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
TrangThaiHoatDongId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Trạng thái hoạt động		TrangThaiHoatDongId	Integer		Số		Đồng bộ
NgayHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Ngày hoạt động		NgayHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
NgayNgungHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Ngày ngừng hoạt động		NgayNgungHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
TaiKhoanCoSoId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Tài khoản cơ sở quản lý		TaiKhoanCoSoId	Integer		Số		Đồng bộ
CreateTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Thời gian tạo		CreateTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreateUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Id người khởi tạo		CreateUserId	Integer		Integer		Đồng bộ
LastModificationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Thời gian cập nhật mới nhất		LastModificationTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
LastModifierUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Người cập nhật mới nhất		LastModifierUserId	Integer		Số		Đồng bộ

IsDeleted	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Trạng thái xóa cơ sở lưu trú		IsDeleted	Boolean		Số		Đồng bộ
DeleterUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Người xóa cơ sở lưu trú		DeleterUserId	Integer		Số		Đồng bộ
DeletionTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Danh mục cơ sở lưu trú	1	Thời gian xóa		DeletionTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
Id	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Id		Id	Integer		Số		Sinh tự động
Name	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Tên doanh nghiệp lữ hành		Name	Text	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
DanhMucLoaiHinh	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Danh mục loại hình		DanhMucLoaiHinh	Integer		Số		Đồng bộ
SoGiayPhep	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Số giấy phép		SoGiayPhep	Varchar	128	Chuỗi ký tự		Nhập tay
DiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Địa chỉ chi tiết		DiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Fax	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Số Fax		Fax	Varchar	64	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MaDiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Xã/Phường		MaDiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Đồng bộ
SoDienThoai	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Số điện thoại		SoDienThoai	Varchar	20	Chuỗi ký tự		Nhập tay
WebsiteUrl	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Website		WebsiteUrl	Varchar	2000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Email	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Email		Email	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MoTa	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Mô tả		MoTa	Varchar	8000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
AvatarPath	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Hình ảnh đại diện		AvatarPath	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
TrangThaiHoatDongId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Trạng thái hoạt động		TrangThaiHoatDongId	Integer		Số		Đồng bộ
NgayHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Ngày hoạt động		NgayHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
NgayNgungHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Ngày ngừng hoạt động		NgayNgungHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay

TaiKhoanCoSoId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Tài khoản cơ sở quản lý		TaiKhoanCoSoId	Integer		Số		Đồng bộ
CreateTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Thời gian tạo		CreateTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreateUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Id người khởi tạo		CreateUserId	Integer		Integer		Đồng bộ
LastModificationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Thời gian cập nhật mới nhất		LastModificationTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
LastModifierUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Người cập nhật mới nhất		LastModifierUserId	Integer		Số		Đồng bộ
IsDeleted	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Trạng thái xóa doanh nghiệp lữ hành		IsDeleted	Boolean		Số		Đồng bộ
DeleterUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Người xóa doanh nghiệp lữ hành		DeleterUserId	Integer		Số		Đồng bộ
DeletionTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Doanh nghiệp lữ hành	1	Thời gian xóa		DeletionTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
Id	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Id		Id	Integer		Số		Sinh tự động
Ten	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Tên điểm đến		Ten	Text	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
DanhMucLoaiHinh	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Danh mục loại hình		DanhMucLoaiHinh	Integer		Số		Đồng bộ
DanhMucCapDienDenId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Danh mục cấp điểm đến ID		DanhMucCapDienDenId	Integer		Số		Đồng bộ
DanhMucVe	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Danh mục ID loại vé		DanhMucVe	Integer		Số		Đồng bộ
MaDiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Xã/Phường		MaDiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Đồng bộ
SoDienThoai	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Số điện thoại		SoDienThoai	Varchar	20	Chuỗi ký tự		Nhập tay
DiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Địa chỉ chi tiết		DiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Fax	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Số Fax		Fax	Varchar	64	Chuỗi ký tự		Nhập tay

MaDiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Xã/Phường		MaDiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Đông bộ
WebsiteUrl	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Website		WebsiteUrl	Varchar	2000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Email	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Email		Email	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MoTa	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Mô tả		MoTa	Varchar	8000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
AvatarPath	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Hình ảnh đại diện		AvatarPath	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
FilePath	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	File chứng nhận		FilePath	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
DaSoHoa	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Đã số hóa		DaSoHoa	Boolean		Số		Đông bộ
TrangThaiHoatDongId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Trạng thái hoạt động		TrangThaiHoatDongId	Integer		Số		Đông bộ
NgayHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Ngày hoạt động		NgayHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
NgayNgungHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Ngày ngừng hoạt động		NgayNgungHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
TaiKhoanCoSoId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Tài khoản cơ sở quản lý		TaiKhoanCoSoId	Integer		Số		Đông bộ
CreateTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Thời gian tạo		CreateTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreateUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Id người khởi tạo		CreateUserId	Integer		Integer		Đông bộ
LastModificationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Thời gian cập nhật mới nhất		LastModificationTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
LastModifierUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Người cập nhật mới nhất		LastModifierUserId	Integer		Số		Đông bộ
IsDeleted	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Trạng thái xóa điểm đến		IsDeleted	Boolean		Số		Đông bộ
DeleterUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Người xóa điểm đến		DeleterUserId	Integer		Số		Đông bộ
DeletionTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến	1	Thời gian xóa		DeletionTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động

Id	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến số hóa	1	Id		Id	Integer		Số		Sinh tự động
DiemDenId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến số hóa	1	ID của các điểm đến		DiemDenId	Integer		Số		Đồng bộ
CreateTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến số hóa	1	Thời gian tạo		CreateTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreateUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến số hóa	1	Id người khởi tạo		CreateUserId	Integer		Integer		Đồng bộ
LastModificationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến số hóa	1	Thời gian cập nhật mới nhất		LastModificationTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
LastModifierUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến số hóa	1	Người cập nhật mới nhất		LastModifierUserId	Integer		Số		Đồng bộ
IsDeleted	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến số hóa	1	Trạng thái xóa điểm đến số hóa		IsDeleted	Boolean		Số		Đồng bộ
DeleterUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến số hóa	1	Người xóa điểm đến số hóa		DeleterUserId	Integer		Số		Đồng bộ
DeletionTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến số hóa	1	Thời gian xóa		DeletionTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
Id	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Id		Id	Integer		Số		Sinh tự động
Ten	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Tên điểm đến		Ten	Text	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MaDiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Xã/Phường		MaDiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Đồng bộ
DiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Địa chỉ chi tiết		DiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
SoDienThoai	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Số điện thoại		SoDienThoai	Varchar	20	Chuỗi ký tự		Nhập tay
SoDienThoaiCoDinh	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Số điện thoại cố định		SoDienThoaiCoDinh	Varchar	20	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Fax	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Số Fax		Fax	Varchar	64	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Email	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Email		Email	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay

WebsiteUrl	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Website		WebsiteUrl	Varchar	2000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MoTa	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Mô tả		MoTa	Varchar	8000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
AvatarPath	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Hình ảnh đại diện		AvatarPath	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
DanhMucLoaiHinh	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Danh mục loại hình		DanhMucLoaiHinh	Integer		Số		Điền g bộ
TrangThaiHoatDongId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Trạng thái hoạt động		TrangThaiHoatDongId	Integer		Số		Điền g bộ
NgayHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Ngày hoạt động		NgayHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
NgayNgungHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Ngày ngừng hoạt động		NgayNgungHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
TaiKhoanCoSoId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Tài khoản cơ sở quản lý		TaiKhoanCoSoId	Integer		Số		Điền g bộ
CreateTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Thời gian tạo		CreateTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreateUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Id người khởi tạo		CreateUserId	Integer		Integer		Điền g bộ
LastModificationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Thời gian cập nhật mới nhất		LastModificationTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
LastModifierUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Người cập nhật mới nhất		LastModifierUserId	Integer		Số		Điền g bộ
IsDeleted	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Trạng thái xóa điểm đến		IsDeleted	Boolean		Số		Điền g bộ
DeleterUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Người xóa điểm đến		DeleterUserId	Integer		Số		Điền g bộ
DeletionTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Điểm đến mua sắm	1	Thời gian xóa		DeletionTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
Id	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Id		Id	Integer		Số		Sinh tự động
Ten	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Tên vận tải khách du lịch		Ten	Text	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay

MaDiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Xã/Phường		MaDiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Đồng bộ
DiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Địa chỉ chi tiết		DiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
HinhThucDoanhNghiepId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Hình thức doanh nghiệp		HinhThucDoanhNghiepId	Integer		Số		Đồng bộ
SoGiayPhep	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Số giấy phép		SoGiayPhep	Varchar	128	Chuỗi ký tự		Nhập tay
SoDienThoai	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Số điện thoại		SoDienThoai	Varchar	20	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Fax	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Số Fax		Fax	Varchar	64	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Email	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Email		Email	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Website	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Website		Website	Varchar	2000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MoTa	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Mô tả		MoTa	Varchar	8000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
AvatarPath	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Hình ảnh đại diện		AvatarPath	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
TrangThaiHoatDongId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Trạng thái hoạt động		TrangThaiHoatDongId	Integer		Số		Đồng bộ
NgayHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Ngày hoạt động		NgayHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
NgayNgungHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Ngày ngừng hoạt động		NgayNgungHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
TaiKhoanCoSoId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Tài khoản cơ sở quản lý		TaiKhoanCoSoId	Integer		Số		Đồng bộ
CreateTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Thời gian tạo		CreateTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreateUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Id người khởi tạo		CreateUserId	Integer		Integer		Đồng bộ
LastModificationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Thời gian cập nhật mới nhất		LastModificationTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
LastModifierUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Người cập nhật mới nhất		LastModifierUserId	Integer		Số		Đồng bộ

IsDeleted	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Trạng thái xóa vận tải khách du lịch		IsDeleted	Boolean		Số		Đồng bộ
DeleterUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Người xóa vận tải khách du lịch		DeleterUserId	Integer		Số		Đồng bộ
DeletionTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vận tải khách du lịch	1	Thời gian xóa		DeletionTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
Id	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Id		Id	Integer		Số		Sinh tự động
Ten	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Tên vui chơi giải trí		Ten	Text	256	Chuỗi kỹ tự		Nhập tay
MaDiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Xã/Phường		MaDiaChi	Varchar	256	Chuỗi kỹ tự		Đồng bộ
DiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Địa chỉ chi tiết		DiaChi	Varchar	256	Chuỗi kỹ tự		Nhập tay
MoTa	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Mô tả		MoTa	Varchar	8000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
AvatarPath	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Hình ảnh đại diện		AvatarPath	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
SoDienThoai	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Số điện thoại		SoDienThoai	Varchar	20	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Fax	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Số Fax		Fax	Varchar	64	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Email	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Email		Email	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
WebsiteUrl	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Website		WebsiteUrl	Varchar	2000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
DanhMucLoaiHinhId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Danh mục loại hình		DanhMucLoaiHinhId	Integer		Số		Đồng bộ
TrangThaiHoatDongId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Trạng thái hoạt động		TrangThaiHoatDongId	Integer		Số		Đồng bộ
NgayHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Ngày hoạt động		NgayHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
NgayNgungHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Ngày ngừng hoạt động		NgayNgungHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
TaiKhoanCoSoId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Tài khoản cơ sở quản lý		TaiKhoanCoSoId	Integer		Số		Đồng bộ

CreateTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Thời gian tạo		CreateTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreateUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Id người khởi tạo		CreateUserId	Integer		Integer		Đông bộ
LastModificationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Thời gian cập nhật mới nhất		LastModificationTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
LastModifierUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Người cập nhật mới nhất		LastModifierUserId	Integer		Số		Đông bộ
IsDeleted	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Trạng thái xóa vui chơi giải trí		IsDeleted	Boolean		Số		Đông bộ
DeleterUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Người xóa vui chơi giải trí		DeleterUserId	Integer		Số		Đông bộ
DeletionTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Vui chơi giải trí	1	Thời gian xóa		DeletionTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
Id	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Id		Id	Integer		Số		Sinh tự động
Ten	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Tên thể thao		Ten	Text	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MaDiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Xã/Phường		MaDiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Đông bộ
DiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Địa chỉ chi tiết		DiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MoTa	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Mô tả		MoTa	Varchar	8000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
AvatarPath	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Hình ảnh đại diện		AvatarPath	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
SoDienThoai	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Số điện thoại		SoDienThoai	Varchar	20	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Email	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Email		Email	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
WebsiteUrl	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Website		WebsiteUrl	Varchar	2000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
DanhMucLoaiHinhId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Danh mục loại hình		DanhMucLoaiHinhId	Integer		Số		Đông bộ

TrangThaiHoatDongId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Trạng thái hoạt động		TrangThaiHoatDongId	Integer		Số		Đông bộ
NgayHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Ngày hoạt động		NgayHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
NgayNgungHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Ngày ngừng hoạt động		NgayNgungHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
TaiKhoanCoSoId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Tài khoản cơ sở quản lý		TaiKhoanCoSoId	Integer		Số		Đông bộ
CreateTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Thời gian tạo		CreateTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreateUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Id người khởi tạo		CreateUserId	Integer		Integer		Đông bộ
LastModificationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Thời gian cập nhật mới nhất		LastModificationTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
LastModifierUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Người cập nhật mới nhất		LastModifierUserId	Integer		Số		Đông bộ
IsDeleted	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Trạng thái xóa thể thao		IsDeleted	Boolean		Số		Đông bộ
DeleterUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Người xóa thể thao		DeleterUserId	Integer		Số		Đông bộ
DeletionTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Thể thao	1	Thời gian xóa		DeletionTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
Id	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Id		Id	Integer		Số		Sinh tự động
Ten	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Tên chăm sóc sức khỏe		Ten	Text	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MaDiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Xã/Phường		MaDiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Đông bộ
DiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Địa chỉ chi tiết		DiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MoTa	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Mô tả		MoTa	Varchar	8000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
AvatarPath	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Hình ảnh đại diện		AvatarPath	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay

SoDienThoai	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Số điện thoại		SoDienThoai	Varchar	20	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Email	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Email		Email	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
SoGiayPhep	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Số giấy phép		SoGiayPhep	Varchar	128	Chuỗi ký tự		Nhập tay
WebsiteUrl	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Website		WebsiteUrl	Varchar	2000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
DanhMucLoaiHinhId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Danh mục loại hình		DanhMucLoaiHinhId	Integer		Số		Đồng bộ
TrangThaiHoatDongId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Trạng thái hoạt động		TrangThaiHoatDongId	Integer		Số		Đồng bộ
NgayHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Ngày hoạt động		NgayHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
NgayNgungHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Ngày ngừng hoạt động		NgayNgungHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
TaiKhoanCoSoId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Tài khoản cơ sở quản lý		TaiKhoanCoSoId	Integer		Số		Đồng bộ
CreateTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Thời gian tạo		CreateTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreateUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Id người khởi tạo		CreateUserId	Integer		Integer		Đồng bộ
LastModificationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Thời gian cập nhật mới nhất		LastModificationTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
LastModifierUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Người cập nhật mới nhất		LastModifierUserId	Integer		Số		Đồng bộ
IsDeleted	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Trạng thái xóa chăm sóc sức khỏe		IsDeleted	Boolean		Số		Đồng bộ
DeleterUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Người xóa chăm sóc sức khỏe		DeleterUserId	Integer		Số		Đồng bộ
DeletionTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Chăm sóc sức khỏe	1	Thời gian xóa		DeletionTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
Id	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Id		Id	Integer		Số		Sinh tự động

Ten	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Tên cơ sở đào tạo		Ten	Text	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MaDiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Xã/Phường		MaDiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Đồng bộ
DiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Địa chỉ chi tiết		DiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MoTa	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Mô tả		MoTa	Varchar	8000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
AvatarPath	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Hình ảnh đại diện		AvatarPath	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
SoDienThoai	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Số điện thoại		SoDienThoai	Varchar	20	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Email	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Email		Email	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
SoGiayPhep	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Số giấy phép		SoGiayPhep	Varchar	128	Chuỗi ký tự		Nhập tay
WebsiteUrl	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Website		WebsiteUrl	Varchar	2000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Fax	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Số Fax		Fax	Varchar	64	Chuỗi ký tự		Nhập tay
DanhMucLoaiHinhId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Danh mục loại hình		DanhMucLoaiHinhId	Integer		Số		Đồng bộ
TrangThaiHoatDongId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Trạng thái hoạt động		TrangThaiHoatDongId	Integer		Số		Đồng bộ
NgayHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Ngày hoạt động		NgayHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
NgayNgungHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Ngày ngừng hoạt động		NgayNgungHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
TaiKhoanCoSoId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Tài khoản cơ sở quản lý		TaiKhoanCoSoId	Integer		Số		Đồng bộ
CreateTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Thời gian tạo		CreateTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreateUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Id người khởi tạo		CreateUserId	Integer		Integer		Đồng bộ
LastModificationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Thời gian cập nhật mới nhất		LastModificationTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động

LastModifierUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Người cập nhật mới nhất		LastModifierUserId	Integer		Số		Đồng bộ
IsDeleted	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Trạng thái xóa cơ sở đào tạo		IsDeleted	Boolean		Số		Đồng bộ
DeleterUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Người xóa cơ sở đào tạo		DeleterUserId	Integer		Số		Đồng bộ
DeletionTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Cơ sở đào tạo	1	Thời gian xóa		DeletionTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
Id	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Id		Id	Integer		Số		Sinh tự động
Ten	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Tên tour du lịch		Ten	Text	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MaDiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Xã/Phường		MaDiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Đồng bộ
DiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Địa chỉ chi tiết		DiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MoTa	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Mô tả		MoTa	Varchar	8000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
ThoiGianTour	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Thời gian tour		ThoiGianTour	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
SoDienThoai	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Số điện thoại		SoDienThoai	Varchar	20	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Email	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Email		Email	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
PhuongTien	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Phương tiện		PhuongTien	Varchar	128	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Price	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Giá tiền		Price	Number		Số		Nhập tay
KieuTourId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Kiểu tour		KieuTourId	Integer		Số		Đồng bộ
TrangThaiHoatDongId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Trạng thái hoạt động		TrangThaiHoatDongId	Integer		Số		Đồng bộ
NgayHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Ngày hoạt động		NgayHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
NgayNgungHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Ngày ngừng hoạt động		NgayNgungHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay

TaiKhoanCoSoId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Tài khoản cơ sở quản lý		TaiKhoanCoSoId	Integer		Số		Đông bộ
CreateTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Thời gian tạo		CreateTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreateUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Id người khởi tạo		CreateUserId	Integer		Integer		Đông bộ
LastModificationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Thời gian cập nhật mới nhất		LastModificationTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
LastModifierUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Người cập nhật mới nhất		LastModifierUserId	Integer		Số		Đông bộ
IsDeleted	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Trạng thái xóa tour du lịch		IsDeleted	Boolean		Số		Đông bộ
DeleterUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Người xóa tour du lịch		DeleterUserId	Integer		Số		Đông bộ
DeletionTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Tour du lịch	1	Thời gian xóa		DeletionTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
Id	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Id		Id	Integer		Số		Sinh tự động
TenNhaHang	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Tên nhà hàng		TenNhaHang	Text	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MaDiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Xã/Phường		MaDiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Đông bộ
DiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Địa chỉ chi tiết		DiaChi	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MoTa	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Mô tả		MoTa	Varchar	8000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
AvatarPath	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Hình ảnh đại diện		AvatarPath	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
SoDienThoai	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Số điện thoại		SoDienThoai	Varchar	20	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Email	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Email		Email	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
SoGiayPhep	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Số giấy phép		SoGiayPhep	Varchar	128	Chuỗi ký tự		Nhập tay

WebsiteUrl	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Website		WebsiteUrl	Varchar	2000	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Fax	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Số Fax		Fax	Varchar	64	Chuỗi ký tự		Nhập tay
TrangThaiHoatDongId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Trạng thái hoạt động		TrangThaiHoatDongId	Integer		Số		Đồng bộ
NgayHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Ngày hoạt động		NgayHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
NgayNgungHoatDong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Ngày ngừng hoạt động		NgayNgungHoatDong	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
TaiKhoanCoSoId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Tài khoản cơ sở quản lý		TaiKhoanCoSoId	Integer		Số		Đồng bộ
CreateTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Thời gian tạo		CreateTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreateUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Id người khởi tạo		CreateUserId	Integer		Integer		Đồng bộ
LastModificationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Thời gian cập nhật mới nhất		LastModificationTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
LastModifierUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Người cập nhật mới nhất		LastModifierUserId	Integer		Số		Đồng bộ
IsDeleted	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Trạng thái xóa nhà hàng		IsDeleted	Boolean		Số		Đồng bộ
DeleterUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Người xóa nhà hàng		DeleterUserId	Integer		Số		Đồng bộ
DeletionTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Nhà hàng	1	Thời gian xóa		DeletionTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
Id	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Id		Id	Integer		Số		Sinh tự động
TenHuongDanVien	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Tên nhà hàng		TenHuongDanVien	Text	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
NgaySinh	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Ngày sinh		NgaySinh	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
CCCD	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Căn cước công dân		CCCD	Integer		Số		Nhập tay

GioiTinhId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Giới tính		GioiTinhId	Integer		Số		Đồ ng bộ
SoDienThoai	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Số điện thoại		SoDienThoai	Varchar	20	Chuỗi ký tự		Nhập tay
Email	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Email		Email	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
SoThe	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Số Thẻ		SoThe	Varchar	64	Chuỗi ký tự		Nhập tay
NgayHetHanThe	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Ngày hết hạn		NgayHetHanThe	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
NoiCapThe	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Nơi cấp thẻ		NoiCapThe	Varchar	64	Chỗi ký tự		Nhập tay
AvatarPath	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Hình ảnh đại diện		AvatarPath	Varchar	256	Chuỗi ký tự		Nhập tay
MaDiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Xã/Phường		MaDiaChi	Varchar	256	Chuỗi kỹ tự		Đồ ng bộ
DiaChi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Địa chỉ chi tiết		DiaChi	Varchar	256	Chuỗi kỹ tự		Nhập tay
LoaiTheId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Loại Thẻ		LoaiTheId	Integer		Số		Đồ ng bộ
NgonNguId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Ngôn ngữ		NgonNguId	Integer		Số		Đồ ng bộ
NgayCapMoi	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Ngày cấp mới thẻ		NgayCapMoi	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
NgayCapLanDa u	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Ngày cấp lần đầu thẻ		NgayCapLanDau	Date		Chuỗi ký tự		Nhập tay
DanToc	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Dân Tộc		DanToc	Integer		Số		Đồ ng bộ
TonGiao	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Tôn Giáo		TonGiao	Integer		Số		Đồ ng bộ
KichHoat	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Kích Hoạt		KichHoat	Boolean		Số		Đồ ng bộ
YKienCoQuan	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Ý kiến cơ quan		YKienCoQuan	Varchar		Chuỗi ký tự		Nhập tay
CreateTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Thời gian tạo		CreateTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreateUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Id người khởi tạo		CreateUserId	Integer		Integer		Đồ ng bộ

LastModificationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Thời gian cập nhật mới nhất		LastModificationTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
LastModifierUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Người cập nhật mới nhất		LastModifierUserId	Integer		Số		Đông bộ
IsDeleted	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Trạng thái xóa nhà hàng		IsDeleted	Boolean		Số		Đông bộ
DeleterUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Người xóa nhà hàng		DeleterUserId	Integer		Số		Đông bộ
DeletionTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	Hướng dẫn viên	1	Thời gian xóa		DeletionTime	Date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
Id	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Id		Id	Integer		Số		Sinh tự động
TimeUnit	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Thời gian		TimeUnit	Integer		Số		Sinh tự động
ForeignTouristsNumber	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Số lượng khách nước ngoài		ForeignTouristsNumber	Integer		Số		Sinh tự động
ForeignTouristsDateOfStay	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Ngày lưu trú của khách nước ngoài		ForeignTouristsDateOfStay	Number		Số		Sinh tự động
ForeignTouristsDailySpending	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Chi tiêu của khách nước ngoài		ForeignTouristsDailySpending	Number		Số		Sinh tự động
DomesticTouristsNumber	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Số lượng khách nội địa		DomesticTouristsNumber	Integer		Số		Sinh tự động
DomesticTouristsDateOfStay	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Ngày lưu trú của khách nội địa		DomesticTouristsDateOfStay	Number		Số		Sinh tự động
DomesticTouristsDailySpending	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Chi tiêu của khách nội địa		DomesticTouristsDailySpending	Number		Số		Sinh tự động
ForeignTouristsRevenue	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Doanh thu khách nước ngoài		ForeignTouristsRevenue	Number		Số		Sinh tự động

DomesticTouristsRevenue	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Doanh thu khách nội địa		DomesticTouristsRevenue	Number		Số		Sinh tự động
OrgUnitId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	ID tổ chức		OrgUnitId	Integer		Số		Đông bộ
OrgUnitCode	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Code địa chỉ của tổ chức		OrgUnitCode	Text		Chuỗi ký tự		Đông bộ
TrangThaiThuThap	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Trạng thái của đợt thu thập		TrangThaiThuThap	Integer		Số		Đông bộ
CongSuatSuDungPhong	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Công suất sử dụng phòng		CongSuatSuDungPhong	Number		Số		Sinh tự động
VanBanChungTu	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Văn bản chứng từ		VanBanChungTu	Text		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Thời gian tạo		CreationTime	date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
CreatorUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Id người khởi tạo		CreatorUserId	Integer		Số		Sinh tự động
LastModificationTime	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Thời gian cập nhật mới nhất		LastModificationTime	date		Chuỗi ký tự		Sinh tự động
LastModifierUserId	HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DU LỊCH	ReportTouristDistricts	1	Người cập nhật mới nhất		LastModifierUserId	Integer		Số		Sinh tự động

TINHTRANGS ONG	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)	ReportTouristDist riets	1	Tình trạng sống	Tình trạng sống	TINHTRANGS ONG	Số	2			Bảng mô tả thôn g tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G
MADINHDAN H	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)	ReportTouristDist riets	1	Mã định danh y tế	Mã định danh y tế	MADINHDAN H	Chuỗi	50			Bảng mô tả thôn g tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G

MATHE	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)	ReportTouristDistricts	1	Số thẻ bảo hiểm y tế	Số thẻ bảo hiểm y tế	MATHE	Chuỗi	50			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUNG
MAHO_GIADINH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)	ReportTouristDistricts	1	Mã hộ gia đình (được lưu trữ trên phần mềm YTCS hoặc lấy từ dữ liệu bảo hiểm hộ gia đình, dữ liệu dân cư)	Mã hộ gia đình (được lưu trữ trên phần mềm YTCS hoặc lấy từ dữ liệu bảo hiểm hộ gia đình, dữ liệu dân cư)	MAHO_GIADINH	Chuỗi	50			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUNG

MA_NHANKH AU	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)	ReportTouristDist riets	1	Mã nhân khẩu (được lưu trữ trên phần mềm YTCS hoặc lấy từ dữ liệu bảo hiểm hộ gia đình, dữ liệu dân cư)	Mã nhân khẩu (được lưu trữ trên phần mềm YTCS hoặc lấy từ dữ liệu bảo hiểm hộ gia đình, dữ liệu dân cư)	MA_NHANKH AU	Chuỗi	50			Bảng mô tả thôn g tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G
HOTEN	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)	ReportTouristDist riets	1	Họ và tên, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[HOTE N]]>	Họ và tên, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[HOTEN]]>	HOTEN	Chuỗi	200			Bảng mô tả thôn g tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G

QUANHE_CHU HO	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)	ReportTouristDist riets	1	Quan hệ với chủ hộ, Tham chiếu trường Mã trong phụ Danh mục Quan hệ với chủ hộ	Quan hệ với chủ hộ, Tham chiếu trường Mã trong phụ Danh mục Quan hệ với chủ hộ	QUANHE_CH UHO	Chuỗi	50			Bảng mô tả thôn g tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G
GIOITINH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)	ReportTouristDist riets	1	Giới tính	1: nam; 2: nữ	GIOITINH	Số	1			Bảng mô tả thôn g tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G

NHOMMAU_HEABO	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)	ReportTouristDistricts	1	Nhóm máu ABO	Nhóm máu ABO	NHOMMAU_HEABO	Chuỗi	10			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUNG
NHOMMAU_HERH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)	ReportTouristDistricts	1	Nhóm mẫ RH. 1: RH+; 2:RH-	Nhóm mẫ RH. 1: RH+; 2:RH-	NHOMMAU_HERH	Chuỗi	10			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUNG

NGAYSINH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Ngày sinh theo định dạng dd/mm/yyyy	Ngày sinh theo định dạng dd/mm/yyyy	NGAYSINH	Date				Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G
MATINH_KHA ISINH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã tỉnh khai sinh, chi tiết trong phụ lục danh mục Tỉnh/Thành phố	Mã tỉnh khai sinh, chi tiết trong phụ lục danh mục Tỉnh/Thành phố	MATINH_KH AISINH	Chuỗi	50			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G

MADANTOC	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã dân tộc, chi tiết trong phụ lục danh mục Dân tộc	Mã dân tộc, chi tiết trong phụ lục danh mục Dân tộc	MADANTOC	Chuỗi	20			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G
MAQUOCTICH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã quốc tịch, chi tiết trong phụ lục danh mục Quốc gia	Mã quốc tịch, chi tiết trong phụ lục danh mục Quốc gia	MAQUOCTICH	Chuỗi	20			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G

MATONGIAO	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã tôn giáo, chi tiết trong phụ lục danh mục Tôn giáo	Mã tôn giáo, chi tiết trong phụ lục danh mục Tôn giáo	MATONGIAO	Chuỗi	20			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G
MANGHENGHI EP	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã nghề nghiệp, chi tiết trong phụ lục danh mục nghề nghiệp	Mã nghề nghiệp, chi tiết trong phụ lục danh mục nghề nghiệp	MANGHENG HIEP	Chuỗi	100			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G

SOCMND	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số chứng minh nhân dân (CMND)	Số chứng minh nhân dân (CMND)	SOCMND	Chuỗi	50			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G
NGAYCAP	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Ngày cấp ghi trên CMND theo định dạng dd/mm/yyyy	Ngày cấp ghi trên CMND theo định dạng dd/mm/yyyy	NGAYCAP	Date				Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G

NOICAP	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Nơi cấp CMND	Nơi cấp CMND	NOICAP	Chuỗi	100			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G
DIACHI_THUONGTRU	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Địa chỉ thường trú, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[DIACHI_THUONGTRU]]>	Địa chỉ thường trú, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[DIACHI_THUONGTRU]]>	DIACHI_THUONGTRU	Chuỗi	200			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G

MATINH_THUONGTRU	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã tỉnh thường trú, chi tiết trong phụ lục danh mục Tỉnh/Thành phố	Mã tỉnh thường trú, chi tiết trong phụ lục danh mục Tỉnh/Thành phố	MATINH_THUONGTRU	Chuỗi	50			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUNG
MAHUYEN_THUONGTRU	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã huyện thường trú, chi tiết trong phụ lục Danh mục Quận/huyện/thị xã	Mã huyện thường trú, chi tiết trong phụ lục Danh mục Quận/huyện/thị xã	MAHUYEN_THUONGTRU	Chuỗi	50			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUNG

MAXA_THUONGTRU	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã xã thường trú, chi tiết trong phụ lục Danh mục Xã/phường/thị trấn	Mã xã thường trú, chi tiết trong phụ lục Danh mục Xã/phường/thị trấn	MAXA_THUONGTRU	Chuỗi	50			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUNG
MATHONXOM_THUONGTRU	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã thôn xóm thường trú	Mã thôn xóm thường trú	MATHONXOM_THUONGTRU	Chuỗi	100			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUNG

DIACHI_HIEN TAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Địa chỉ chi tiết hiện tại, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[DIAC HI_HIEN TAI]]>	Địa chỉ chi tiết hiện tại, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[DIACHI_ HI_HIEN TAI]]>	DIACHI_HIEN TAI	Chuỗi	200			Bảng mô tả thôn g tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G
MATINH_HIEN TAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã tỉnh nơi ở hiện tại, chi tiết trong phụ lục danh mục Tỉnh/Thành phố	Mã tỉnh nơi ở hiện tại, chi tiết trong phụ lục danh mục Tỉnh/Thành phố	MATINH_HIE NTAI	Chuỗi	50			Bảng mô tả thôn g tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G

MAHUYEN_HI ENTAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã huyện nơi ở hiện tại, chi tiết trong phụ lục Danh mục Quận/huyện/thị xã	Mã huyện nơi ở hiện tại, chi tiết trong phụ lục Danh mục Quận/huyện/thị xã	MAHUYEN_H IENTAI	Chuỗi	50			Bảng mô tả thôn g tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G
MAXA_HIEN AI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã xã nơi ở hiện tại, chi tiết trong phụ lục Danh mục Xã/phường/thị trấn	Mã xã nơi ở hiện tại, chi tiết trong phụ lục Danh mục Xã/phường/thị trấn	MAXA_HIEN TAI	Chuỗi	50			Bảng mô tả thôn g tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G

MATHONXOM_HIENTAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã thôn xóm nơi ở hiện tại	Mã thôn xóm nơi ở hiện tại	MATHONXOM_HIENTAI	Chuỗi	100			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G
DIENTHOAI_CD	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Điện thoại nhà riêng	Điện thoại nhà riêng	DIENTHOAI_CD	Chuỗi	50			Bảng mô tả thông tin các thẻ trong THO NGT INC HUN G

DIENTHOAI_D D	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Điện thoại di động	Điện thoại di động	DIENTHOAI_ DD	Chuỗi	50			Bảng mô tả thôn g tin các thể trong THO NGT INC HUN G
EMAIL	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Địa chỉ email	Địa chỉ email	EMAIL	Chuỗi	100			Bảng mô tả thôn g tin các thể trong THO NGT INC HUN G

LOAI_QUANHE	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Tham chiếu trường Mã trong phụ Danh mục Quan hệ với chủ hộ	Tham chiếu trường Mã trong phụ Danh mục Quan hệ với chủ hộ	LOAI_QUANHE	Chuỗi	10			Thông tin các thẻ trong QUANHE_GIADINH
TEN_QUANHE	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Tham chiếu trường Tên trong phụ Danh mục Quan hệ với chủ hộ	Tham chiếu trường Tên trong phụ Danh mục Quan hệ với chủ hộ	TEN_QUANHE	Chuỗi	50			Thông tin các thẻ trong QUANHE_GIADINH
MADINHDAH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã định danh y tế của người có quan hệ	Mã định danh y tế của người có quan hệ	MADINHDAH	Chuỗi	50			Thông tin các thẻ trong QUANHE_GIADINH

HOTEN	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Họ và tên của người có quan hệ, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[HOTEN]]>	Họ và tên của người có quan hệ, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[HOTEN]]>	HOTEN	Chuỗi	100			Thông tin các thẻ trong QUA_NHE_GI_ADI_NH
NHANKHAU	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã nhân khẩu của người có quan hệ (được lưu trữ trên phần mềm YTCS hoặc lấy từ dữ liệu bảo hiểm hộ gia đình, dữ liệu dân cư)	Mã nhân khẩu của người có quan hệ (được lưu trữ trên phần mềm YTCS hoặc lấy từ dữ liệu bảo hiểm hộ gia đình, dữ liệu dân cư)	NHANKHAU	Chuỗi	50			Thông tin các thẻ trong QUA_NHE_GI_ADI_NH
DIENTHOAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số điện thoại cố định người có quan hệ	Số điện thoại cố định người có quan hệ	DIENTHOAI	Chuỗi	50			Thông tin các thẻ trong QUA_NHE_GI_ADI_NH

DIDONG	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số điện thoại di động người có quan hệ	Số điện thoại di động người có quan hệ	DIDONG	Chuỗi	50			Thông tin các thẻ trong QUA_NHE_GI_ADI_NH
GIAMHO	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Giám hộ	Giám hộ	GIAMHO	Số	1			Thông tin các thẻ trong QUA_NHE_GI_ADI_NH
LOAIDE	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Loại đê	Loại đê	LOAIDE	Số	1			Mô tả thông tin thẻ TIN_HTR_ANG_LU_CSI_NH

DETHIEUTHA NG	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Có đề thiếu tháng hay không	Có đề thiếu tháng hay không	DETHIEUTHA NG	Số	1			Mô tả thôn g tin thẻ TIN HTR ANG _LU CSI NH
BINGAT_LUC DE	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Có bị ngạt lúc đẻ hay không	Có bị ngạt lúc đẻ hay không	BINGAT_LUC DE	Số	1			Mô tả thôn g tin thẻ TIN HTR ANG _LU CSI NH
CANNANG	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Cân nặng (kg) nhập theo định dạng 40.5	Cân nặng (kg) nhập theo định dạng 40.5	CANNANG	Số	10			Mô tả thôn g tin thẻ TIN HTR ANG _LU CSI NH

CHIEUDAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Chiều dài	Chiều dài	CHIEUDAI	Số	10			Mô tả thông tin thẻ TIN HTR ANG_LU CSI NH
DITAT_BAMSI NH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Dị tật bẩm sinh, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[DITAT_BAMSINH]]>	Dị tật bẩm sinh, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[DITAT_BAMSINH]]>	DITAT_BAMSI NH	Chuỗi	1024			Mô tả thông tin thẻ TIN HTR ANG_LU CSI NH
KHAC	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Khác, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAC]]>	Khác, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAC]]>	KHAC	Chuỗi	1024			Mô tả thông tin thẻ TIN HTR ANG_LU CSI NH

YEUTO_TIEPXUC	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Yếu tố tiếp xúc	Yếu tố tiếp xúc	YEUTO_TIEPXUC	Chuỗi	200			Mô tả thông tin thẻ YEUTO_SUCKHOE (bao gồm cả thẻ DSYEUTO):
THOIGIAN_TIEPXUC	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Thời gian tiếp xúc	Thời gian tiếp xúc	THOIGIAN_TIEPXUC	Chuỗi	100			Mô tả thông tin thẻ YEUTO_SUCKHOE (bao gồm cả thẻ DSYEUTO):

LOAIHOXIGD	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Loại hồ xí gia đình	Loại hồ xí gia đình	LOAIHOXIGD	Chuỗi	100			Mô tả thông tin thẻ YEU TO_SUC KHOE (bao gồm cả thẻ DSY EUT O):
KHAC	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Khác, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAC]]>	Khác, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAC]]>	KHAC	Chuỗi	500			Mô tả thông tin thẻ YEU TO_SUC KHOE (bao gồm cả thẻ DSY EUT O):

LOAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Loại yếu tố	Loại yếu tố, chi tiết trong phụ lục DSYEUTO	LOAI	Chuỗi	10			Mô tả thông tin thẻ DSYEUTO
TENLOAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Tên loại yếu tố	Tên loại yếu tố, chi tiết trong phụ lục DSYEUTO	TENLOAI	Chuỗi	200			Mô tả thông tin thẻ DSYEUTO
TRANGTHAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Trạng thái yếu tố	0:KHÔNG, 1:CÓ, 2:THƯỜNG XUYÊN, 3:KHÔNG THƯỜNG XUYÊN, 4:ĐÃ BỎ	TRANGTHAI	Số	10			Mô tả thông tin thẻ DSYEUTO
SOLUONG	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số lượng	Số lượng	SOLUONG	Số	10			Mô tả thông tin thẻ DSYEUTO

DABO	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Đã bỏ	1:Đã bỏ; 0: chưa bỏ	DABO	Số	1			Mô tả thông tin thẻ DSY EUT O
LOAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Loại dị ứng, chi tiết trong phụ lục DIUNG	Loại dị ứng, chi tiết trong phụ lục DIUNG	LOAI	Chuỗi	100			Mô tả thông tin thẻ DIU NG
MASO	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã số dị ứng	Mã số dị ứng	MASO	Chuỗi	50			Mô tả thông tin thẻ DIU NG
TEN	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Tên dị ứng, chi tiết trong phụ lục DIUNG , thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA	Tên dị ứng, chi tiết trong phụ lục DIUNG , thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA	TEN	Chuỗi	100			Mô tả thông tin thẻ DIU NG
MOTA	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mô tả dị ứng, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[MOTA]]>	Mô tả dị ứng, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[MOTA]]>	MOTA	Chuỗi	1024			Mô tả thông tin thẻ DIU NG

MOTA	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mô tả rõ bộ phận cơ thể đã phẫu thuật và năm phẫu thuật, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[MOTA]]>	Mô tả rõ bộ phận cơ thể đã phẫu thuật và năm phẫu thuật, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[MOTA]]>	MOTA	Chuỗi	1024			Mô tả thông tin thẻ TIE NSU _PH AUT HUA T
LOAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Loại dị ứng	Loại dị ứng	LOAI	Chuỗi	100			Mô tả thẻ DIU NG
MASO	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã số dị ứng	Mã số dị ứng	MASO	Chuỗi	50			Mô tả thẻ DIU NG
TEN	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Tên dị ứng, , thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA	Tên dị ứng, , thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA	TEN	Chuỗi	100			Mô tả thẻ DIU NG
MOTA	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mô tả rõ dị ứng, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[MOTA]]>	Mô tả rõ dị ứng, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[MOTA]]>	MOTA	Chuỗi	1024			Mô tả thẻ DIU NG
NGUOIMAC	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Người mắc dị ứng, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[NGUOIMAC]]>	Người mắc dị ứng, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[NGUOIMAC]]>	NGUOIMAC	Chuỗi	1024			Mô tả thẻ DIU NG

LOAIBENH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Loại bệnh, chi tiết trong phụ lục BENHTAT	Loại bệnh, chi tiết trong phụ lục BENHTAT	LOAIBENH	Chuỗi	100			Mô tả thẻ BENHTAT
TENBENH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Tên bệnh, chi tiết trong phụ lục BENHTAT , thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA	Tên bệnh, chi tiết trong phụ lục BENHTAT , thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA	TENBENH	Chuỗi	200			Mô tả thẻ BENHTAT
NGUOIMAC	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Người mắc , thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA	Người mắc , thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA	NGUOIMAC	Chuỗi	200			Mô tả thẻ BENHTAT
MOTA	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mô tả, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[MOTA]]>	Mô tả, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[MOTA]]>	MOTA	Chuỗi	1024			Mô tả thẻ BENHTAT
BIENPHAP_TRANHTHAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Biện pháp tránh thai	Biện pháp tránh thai	BIENPHAP_TRANHTHAI	Chuỗi	255			Mô tả thông tin thẻ SUC KHOE_SINH SAN

KYTHAICUOI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Kỳ thai cuối	Kỳ thai cuối	KYTHAICUOI	Chuối	255			Mô tả thông tin thẻ SUC KHO E_SI NHS AN
SOLAN_COTH AI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số lần có thai	Số lần có thai	SOLAN_COT HAI	Số	10			Mô tả thông tin thẻ SUC KHO E_SI NHS AN
SOLAN_SAYT HAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số lần sảy thai	Số lần sảy thai	SOLAN_SAYT HAI	Số	10			Mô tả thông tin thẻ SUC KHO E_SI NHS AN

SOLAN_PHATHAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số lần phá thai	Số lần phá thai	SOLAN_PHATHAI	Số	10			Mô tả thông tin thẻ SUC KHOE_SINH SAN
SOLAN_SINHDE	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số lần sinh đẻ	Số lần sinh đẻ	SOLAN_SINHDE	Số	10			Mô tả thông tin thẻ SUC KHOE_SINH SAN
SOLAN_DETHUONG	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số lần đẻ thường	Số lần đẻ thường	SOLAN_DETHUONG	Số	10			Mô tả thông tin thẻ SUC KHOE_SINH SAN

SOLAN_DEMO	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số lần dễ mở	Số lần dễ mở	SOLAN_DEMO	Số	10			Mô tả thông tin thẻ SUC KHO E_SI NHS AN
SOLANDEKHO	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số lần dễ khó	Số lần dễ khó	SOLANDEKHO	Số	10			Mô tả thông tin thẻ SUC KHO E_SI NHS AN
SOLANDE_DU THANG	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số lần dễ đủ tháng	Số lần dễ đủ tháng	SOLANDE_D UTHANG	Số	10			Mô tả thông tin thẻ SUC KHO E_SI NHS AN

SOLAN_DENON	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số lần đẻ non	Số lần đẻ non	SOLAN_DENON	Số	10			Mô tả thông tin thẻ SUC KHO E_SI NHS AN
SOCON_HIENSONG	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số con hiện sống	Số con hiện sống	SOCON_HIENSONG	Số	10			Mô tả thông tin thẻ SUC KHO E_SI NHS AN
BENH_PHUKHOA	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Bệnh phụ khoa, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[BENH_PHUKHOA]]>	Bệnh phụ khoa, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[BENH_PHUKHOA]]>	BENH_PHUKHOA	Chuỗi	1024			Mô tả thông tin thẻ SUC KHO E_SI NHS AN

MOTA	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mô tả rõ vấn đề khác nếu có, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[MOTA]]>	Mô tả rõ vấn đề khác nếu có, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[MOTA]]>	MOTA	Chuỗi	4000			Mô tả thông tin thẻ VAN DEK HAC
SOMUIUONVANMETIEM	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Số mũi vắc xin uốn ván mẹ đã tiêm cho bé	Số mũi vắc xin uốn ván mẹ đã tiêm cho bé	SOMUIUONVANMETIEM	Số	10			Mô tả thông tin thẻ SOM UIU ONVAN MET IEM
MAVACXIN	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã vắc xin	Mã vắc xin	MAVACXIN	Chuỗi	50			Mô tả thông tin thẻ THO NGT INM UITI EM

TENVACXIN	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Tên vắc xin	Tên vắc xin	TENVACXIN	Chuỗi	200			Mô tả thông tin thẻ THO NGT INM UITI EM
LOAIVACXIN	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Loại vắc xin (1: TCCB, 2 NGOÀI TCMR , 3 VX UON VAN)	Loại vắc xin (1: TCCB, 2 NGOÀI TCMR , 3 VX UON VAN)	LOAIVACXIN	Số	1			Mô tả thông tin thẻ THO NGT INM UITI EM
TRANGTHAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Trạng thái (0:ĐÃ TIÊM, 1: CHƯA TIÊM)	Trạng thái (0:ĐÃ TIÊM, 1: CHƯA TIÊM)	TRANGTHAI	Số	1			Mô tả thông tin thẻ THO NGT INM UITI EM

NGAYTIEM	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Ngày tiêm theo định dạng dd/mm/yyyy	Ngày tiêm theo định dạng dd/mm/yyyy	NGAYTIEM	Date				Mô tả thông tin thẻ THO NGT INM UITI EM
THANGTHAI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Tháng thai (đối với phụ nữ có thai)	Tháng thai (đối với phụ nữ có thai)	THANGTHAI	Số	2			Mô tả thông tin thẻ THO NGT INM UITI EM
PHANUNGSAU TIEM	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Phản ứng sau tiêm	Phản ứng sau tiêm	PHANUNGSA UTIEM	Chuỗi	500			Mô tả thông tin thẻ THO NGT INM UITI EM

NGAYHENTIE M	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Ngày hẹn tiêm theo định dạng dd/mm/yyyy	Ngày hẹn tiêm theo định dạng dd/mm/yyyy	NGAYHENTI EM	Date				Mô tả thôn g tin thẻ THO NGT INM UITI EM
MA_LK	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã lượt khám của bệnh nhân	Mã lượt khám của bệnh nhân	MA_LK	Chuỗi	100			Mô tả thôn g tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)

NGAYKHAM	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Ngày khám theo định dạng dd/mm/yyyy	Ngày khám theo định dạng dd/mm/yyyy	NGAYKHAM	Date				Mô tả thôn g tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
----------	------------------------------------	--	---	---	--	----------	------	--	--	--	---

NGAYBATDA
U

Hồ sơ sức khỏe điện
tử (VNPT-HSSK)

1

Ngày bắt đầu theo
định dạng
dd/mm/yyyy

Ngày bắt đầu theo định
dạng dd/mm/yyyy

NGAYBATDA
U

Date

Mô
tả
thôn
g tin
thẻ
DAN
HSA
CHH
OSO
KHA
MC
HUA
BEN
H
(bao
gồm
cả
thẻ
dịch
vụ
cận
lâm
sàng
CAN
LA
MSA
NG)

NGAYKETTHUC

Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)

1

Ngày kết thúc theo
định dạng
dd/mm/yyyy

Ngày kết thúc theo định
dạng dd/mm/yyyy

NGAYKETTHUC

Date

Mô
tả
thôn
g tin
thẻ
DAN
HSA
CHH
OSO
KHA
MC
HUA
BEN
H
(bao
gồm
cả
thẻ
dịch
vụ
cận
lâm
sàng
CAN
LA
MSA
NG)

BACSIKHAM	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Bác sĩ khám, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA	Bác sĩ khám, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA	BACSIKHAM	Chuỗi	255		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
-----------	------------------------------------	--	---	--	--	-----------	-------	-----	--	--

LYDOKHAM	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Lý do khám, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[LYDOKHAM]]>	Lý do khám, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[LYDOKHAM]]>	LYDOKHAM	Chuỗi	1024		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHAMC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
----------	------------------------------------	--	---	---	---	----------	-------	------	--	---

BENHSU	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Bệnh sử, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[BENHSU]]>	Bệnh sử, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[BENHSU]]>	BENHSU	Chuỗi	1024		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
--------	------------------------------------	--	---	---	---	--------	-------	------	--	--

MACH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mạch	Mạch	MACH	Chuỗi	255		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
------	------------------------------------	--	---	------	------	------	-------	-----	--	--

NHIETDO	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Nhiệt độ	Nhiệt độ	NHIETDO	Chuỗi	255		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
---------	------------------------------------	--	---	----------	----------	---------	-------	-----	--	--

HUYETAPTT	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Huyết áp tối thiểu	Huyết áp tối thiểu	HUYETAPTT	Chuỗi	255		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
-----------	------------------------------------	--	---	--------------------	--------------------	-----------	-------	-----	--	--

HUYETAPTD

Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)

1

Huyết áp tối đa

Huyết áp tối đa

HUYETAPTD

Chuỗi

255

Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)

NHIPTHO	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Nhịp thở	Nhịp thở	NHIPTHO	Chuỗi	255		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
---------	------------------------------------	--	---	----------	----------	---------	-------	-----	--	--

CHIEUCAO	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Chiều cao	Chiều cao	CHIEUCAO	Chuỗi	255		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
----------	------------------------------------	--	---	-----------	-----------	----------	-------	-----	--	--

CANNANG	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Cân nặng (kg) nhập theo định dạng 40.5	Cân nặng (kg) nhập theo định dạng 40.5	CANNANG	Chuối	255		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
---------	------------------------------------	--	---	--	--	---------	-------	-----	--	--

CHISOBMI	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Chỉ số BMI	Chỉ số BMI	CHISOBMI	Chuỗi	255		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
----------	------------------------------------	--	---	------------	------------	----------	-------	-----	--	--

VONGBUNG

Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)

1

Chỉ số vòng bụng

Chỉ số vòng bụng

VONGBUNG

Chuỗi

255

Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)

SUDUNGKINH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Trạng thái (1:Có sử dụng, 0: Không sử dụng)	Trạng thái (1:Có sử dụng, 0: Không sử dụng)	SUDUNGKINH	Số	1		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
------------	------------------------------------	--	---	---	---	------------	----	---	--	--

MATPHAI

Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)

1

Thị lực mắt phải

Thị lực mắt phải

MATPHAI

Chuỗi

20

Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)

MATTRAI

Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)

1

Thị lực mắt trái

Thị lực mắt trái

MATTRAI

Chuối

20

Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)

KHAMDA	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Kết quả khám da, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMDA]]>	Kết quả khám da, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMDA]]>	KHAMDA	Chuỗi	1024		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHAMC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
--------	------------------------------------	--	---	--	--	--------	-------	------	--	---

KHAMNIEMMAC	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Kết quả khám niêm mạc, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMNIEMMAC]]>	Kết quả khám niêm mạc, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMNIEMMAC]]>	KHAMNIEMMAC	Chuỗi	1024		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHAMC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
-------------	------------------------------------	--	---	---	---	-------------	-------	------	--	---

KHAMTOANT
HANKHAC

Hồ sơ sức khỏe điện
tử (VNPT-HSSK)

1

Kết quả khám toàn
thân khác, thông tin
này phải được đặt
trong thẻ CDATA,
ví dụ
<![CDATA[KHAM
TOANTHANKHA
C]]>

Kết quả khám toàn thân
khác, thông tin này phải
được đặt trong thẻ
CDATA, ví dụ
<![CDATA[KHAMTO
ANTHANKHAC]]>

KHAMTOANT
HANKHAC

Chuỗi

1024

Mô
tả
thôn
g tin
thẻ
DAN
HSA
CHH
OSO
KHA
MC
HUA
BEN
H
(bao
gồm
cả
thẻ
dịch
vụ
cận
lâm
sàng
CAN
LA
MSA
NG)

KHAMTIMMA CH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Kết quả khám tim mạch, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAM TIMMACH]]>	Kết quả khám tim mạch, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMTI MMACH]]>	KHAMTIMM ACH	Chuỗi	1024		Mô tả thôn g tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
-----------------	---------------------------------------	--	---	---	---	-----------------	-------	------	--	---

KHAMHOHAP	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Kết quả khám hô hấp, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMHOHAP]]>	Kết quả khám hô hấp, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMHOHAP]]>	KHAMHOHAP	Chuỗi	1024		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHAMC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
-----------	------------------------------------	--	---	---	---	-----------	-------	------	--	---

KHAMTIEUHOA	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Kết quả khám tiêu hóa, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMTIEUHOA]]>	Kết quả khám tiêu hóa, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMTIEUHOA]]>	KHAMTIEUHOA	Chuỗi	1024		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHAMC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
-------------	------------------------------------	--	---	---	---	-------------	-------	------	--	---

KHAMTIETNIEU

Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)

1

Kết quả khám tiết niệu, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMTIETNIEU]]>

Kết quả khám tiết niệu, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMTIETNIEU]]>

KHAMTIETNIEU

Chuỗi

1024

Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)

KHAMCOXUONGKHOP

Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)

1

Kết quả khám cơ
xương khớp, thông
tin này phải được
đặt trong thẻ
CDATA, ví dụ
<![CDATA[KHAMCOXUONGKHOP]]>

Kết quả khám cơ xương
khớp, thông tin này
phải được đặt trong thẻ
CDATA, ví dụ
<![CDATA[KHAMCOXUONGKHOP]]>

KHAMCOXUONGKHOP

Chuỗi

1024

Mô
tả
thôn
g tin
thẻ
DAN
HSA
CHH
OSO
KHA
MC
HUA
BEN
H
(bao
gồm
cả
thẻ
dịch
vụ
cận
lâm
sàng
CAN
LA
MSA
NG)

KHAMNOITIE T	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Kết quả khám nội tiết, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAM NOITIE]]>	Kết quả khám nội tiết, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMNO ITIE]]>	KHAMNOITIE T	Chuỗi	1024		Mô tả thôn g tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
-----------------	---------------------------------------	--	---	--	--	-----------------	-------	------	--	---

KHAMTHANKINH

Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)

1

Kết quả khám thần kinh, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMTHANKINH]]>

Kết quả khám thần kinh, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMTHANKINH]]>

KHAMTHANKINH

Chuỗi

1024

Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHAMC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)

KHAMTAMTHAN	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Kết quả khám tâm thần, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMTAMTHAN]]>	Kết quả khám tâm thần, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMTAMTHAN]]>	KHAMTAMTHAN	Chuỗi	1024		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHAMC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
-------------	------------------------------------	--	---	---	---	-------------	-------	------	--	---

KHAMNGOAI
KHOA

Hồ sơ sức khỏe điện
tử (VNPT-HSSK)

1

Kết quả khám ngoại
khoa, thông tin này
phải được đặt trong
thẻ CDATA, ví dụ
<![CDATA[KHAM
NGOAIKHOA]]>

Kết quả khám ngoại
khoa, thông tin này
phải được đặt trong thẻ
CDATA, ví dụ
<![CDATA[KHAMNG
OAIKHOA]]>

KHAMNGOAI
KHOA

Chuỗi

1024

Mô
tả
thôn
g tin
thẻ
DAN
HSA
CHH
OSO
KHA
MC
HUA
BEN
H
(bao
gồm
cả
thẻ
dịch
vụ
cận
lâm
sàng
CAN
LA
MSA
NG)

KHAMPHUKH OA	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Kết quả khám phụ khoa, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAM PHUKHOA]]>	Kết quả khám phụ khoa, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMPH UKHOA]]>	KHAMPHUK HOA	Chuỗi	1024		Mô tả thôn g tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
-----------------	---------------------------------------	--	---	---	---	-----------------	-------	------	--	---

KHAMTAIMUI
HONG

Hồ sơ sức khỏe điện
tử (VNPT-HSSK)

1

Kết quả khám tai
mũi họng, thông tin
này phải được đặt
trong thẻ CDATA,
ví dụ
<![CDATA[KHAM
TAIMUIHONG]]>

Kết quả khám tai mũi
họng, thông tin này
phải được đặt trong thẻ
CDATA, ví dụ
<![CDATA[KHAMTA
IMUIHONG]]>

KHAMTAIMU
IHONG

Chuỗi

1024

Mô
tả
thôn
g tin
thẻ
DAN
HSA
CHH
OSO
KHA
MC
HUA
BEN
H
(bao
gồm
cả
thẻ
dịch
vụ
cận
lâm
sàng
CAN
LA
MSA
NG)

KHAMRHM	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Kết quả khám răng hàm mặt, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMRHM]]>	Kết quả khám răng hàm mặt, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMRH M]]>	KHAMRHM	Chuỗi	1024		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
---------	------------------------------------	--	---	--	---	---------	-------	------	--	--

KHAMMAT	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Kết quả khám mắt, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMMAT]]>	Kết quả khám mắt, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMMAT]]>	KHAMMAT	Chuỗi	1024		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHAMC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
---------	------------------------------------	--	---	--	--	---------	-------	------	--	---

KHAMDALIEU	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Kết quả khám đa liệu, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMDALIEU]]>	Kết quả khám đa liệu, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAMDALIEU]]>	KHAMDALIEU	Chuỗi	1024		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHAMC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
------------	------------------------------------	--	---	---	---	------------	-------	------	--	---

KHAM DINH
DUONG

Hồ sơ sức khỏe điện
tử (VNPT-HSSK)

1

Kết quả khám dinh
dưỡng, thông tin
này phải được đặt
trong thẻ CDATA,
ví dụ
<![CDATA[KHAM
DINH DUONG]]>

Kết quả khám dinh
dưỡng, thông tin này
phải được đặt trong thẻ
CDATA, ví dụ
<![CDATA[KHAM DI
NH DUONG]]>

KHAM DINH
DUONG

Chuỗi

1024

Mô
tả
thôn
g tin
thẻ
DAN
HSA
CHH
OSO
KHA
MC
HUA
BEN
H
(bao
gồm
cả
thẻ
dịch
vụ
cận
lâm
sàng
CAN
LA
MSA
NG)

KHAMVANDONG

Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)

1

Kết quả khám vận động, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ
<![CDATA[KHAMVANDONG]]>

Kết quả khám vận động, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ
<![CDATA[KHAMVANDONG]]>

KHAMVANDONG

Chuỗi

1024

Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHAMC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)

KHAC	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Kết quả khám khác, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAC]]>	Kết quả khám khác, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KHAC]]>	KHAC	Chuỗi	1024		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
------	------------------------------------	--	---	--	--	------	-------	------	--	--

TC_TT_VD	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mô tả thẻ chất, tinh thần, vận động, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[TC_TT_VD]]>	Mô tả thẻ chất, tinh thần, vận động, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[TC_TT_VD]]>	TC_TT_VD	Chuỗi	1024		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
----------	------------------------------------	--	---	--	--	----------	-------	------	--	--

MABENH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã bệnh, khai báo theo ICD 10	Mã bệnh, khai báo theo ICD 10	MABENH	Chuỗi	20		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
--------	------------------------------------	--	---	-------------------------------	-------------------------------	--------	-------	----	--	--

TENBENH	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Tên bệnh, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[Viêm hô hấp....]]>	Tên bệnh, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[Viêm hô hấp....]]>	TENBENH	Chuỗi	255		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
---------	------------------------------------	--	---	---	---	---------	-------	-----	--	--

KETLUAN	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Chẩn đoán kết luận, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[Viêm hô hấp....]]>	Chẩn đoán kết luận, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[Viêm hô hấp....]]>	KETLUAN	Chuỗi	1024		Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
---------	------------------------------------	--	---	--	--	---------	-------	------	--	--

TUVAN	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Tư vấn, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[TUVAN]]>	Tư vấn, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[TUVAN]]>	TUVAN	Chuỗi	1024			Mô tả thông tin thẻ DAN HSA CHH OSO KHA MC HUA BEN H (bao gồm cả thẻ dịch vụ cận lâm sàng CAN LA MSA NG)
MADICHVU	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã dịch vụ cận lâm sàng	Mã dịch vụ cận lâm sàng	MADICHVU	Chuỗi	50			Mô tả thẻ CAN LA MSA NG

MANHOM	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Mã nhóm cận lâm sàng	Mã nhóm cận lâm sàng	MANHOM	Chuỗi	50			Mô tả thẻ CAN LA MSA NG
TENDICHVU	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Tên dịch vụ cận lâm sàng, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[TENDICHVU]]>	Tên dịch vụ cận lâm sàng, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[TENDICHVU]]>	TENDICHVU	Chuỗi	255			Mô tả thẻ CAN LA MSA NG
KETQUA	Hồ sơ sức khỏe điện tử (VNPT-HSSK)		1	Kết quả cận lâm sàng, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KETQUA]]>	Kết quả cận lâm sàng, thông tin này phải được đặt trong thẻ CDATA, ví dụ <![CDATA[KETQUA]]>	KETQUA	Chuỗi	1024			Mô tả thẻ CAN LA MSA NG